

TÂM HƯƠNG TÀI ĐẠO



Tuyển tập truyện ngắn thập niên thập niên Đạo Giác Ngộ giữa chốn vô minh
Gió Đông xuất bản 2002

Linh Linh Ngọc

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

PHÁP LẠC THẮT
TỈNH SƠN THIỀN TỰ
THẢO AM
TÌM MỘ
TÂM HƯƠNG TÀI ĐẠO
ÁO SĨ PHU
PHẬT KHAI TÂM
THANH THẢN DONG CHƠI
NGỘ

---o0o---

PHÁP LẠC THẮT

Tiệc vui tưởng không bao giờ dứt, nhưng rồi cũng đến lúc bọn trẻ lục tục ra về.

Tiến xong nhóm bạn cuối cùng, cô bé chạy ngay vào phòng khách. Ở đó, các gia nhân đang bận rộn dọn dẹp. Hoa đèn, ly tách, bánh trái, quà tặng ... la liệt

khắp từng góc phòng, mặt bàn, chân ghế. Cô cúi nhặt cây nến hồng mang số 16, đã cắm trên chiếc bánh sinh nhật đêm nay, nhìn đám gia nhân, mỉm cười với họ, rồi chạy lên lầu.

Ông Thái-Lâm đứng chờ con gái ngay ngoài hành lang rực rỡ ánh đèn. Cô bé chạy đến bên cha. Ông hỏi cô, giọng tràn ngập thương yêu:

-Thế nào, công chúa nhỏ của cha, con có vui không ?

-Thưa cha, con vui lắm.

-Nào, bây giờ con hãy nói cho cha biết con muốn món quà gì trong ngày sinh nhật thứ 16 này ? Con muốn bất cứ thứ gì trên đời, cha cũng cho con được. Con là con gái yêu duy nhất của cha mà.

Cô bé dịu dàng nhìn cha. Cô biết, cô được cha yêu quý vô cùng. Cha cô vẫn nói, cô giống mẹ từ chân tơ, kẽ tóc, vừa xinh đẹp, vừa tài hoa. Cha thương nhớ mẹ bao nhiêu là yêu quý cô bấy nhiêu. Tai nạn thảm khốc mười một năm trước đã lấy đi tiếng cười trong tòa biệt thự nguy nga này. Chiếc máy bay riêng chở mẹ cô đi thăm bà ngoại đã lao xuống vùng biển dày đặc sương mù.

Cha đã sống mười năm cô đơn dù ông bà ngoại đã nhiều lần khuyên cha nên tìm người chia sẻ vui buồn. Cô không biết cha muốn sống với kỷ niệm của mẹ hay cha chưa tìm được tri kỷ cho tới khi gặp dì Quỳnh-Lan. Dì về đây chỉ mới hơn một năm thôi. Chính cô đã từng nói, cảm ơn dì vì dì đã mang lại cho cha cô tiếng cười vắng tắt lâu nay. Dì chăm sóc hai cha con chu đáo, chia sẻ với cha những bận rộn trong việc kinh doanh, chia sẻ với cô những khúc mắc ở học đường.

Nhưng bỗng nhiên, sao mỗi ngày cô mỗi thấy bất ổn trong tình cảm dành cho dì. Sự bất ổn vô cớ này làm cô buồn rầu, bực bội triền miên ...

-Kìa, con gái, sao không nói đi ?. Con làm cha hồi hộp quá. Mỗi sinh nhật con, theo mỗi tuổi, cha đã đoán biết ý con mà mua quà. Thường là cha đoán đúng, phải không ? Sao năm nay con lại căn dặn, đừng cho con gì cả, hãy chờ buổi tiệc tan, con sẽ nói với cha là con muốn gì. Con muốn bà Tiên có chiếc đĩa thần cha cũng sẽ tìm được cho con.

Tiếng cười ròn rã của cha cô ngưng bật khi cô nói:

-Con muốn vườn Trúc-Lâm.

-Con nói gì ? vườn Trúc-Lâm nào ? Ở đâu ?

Cô bé ngược nhìn cha. Lòng cô chột quặn đau như có ai vò xé. Lẽ nào cha không biết vườn Trúc-Lâm ở đâu. Lẽ nào cha đã quên mẩu chuyện từng kể cho cô nghe. Khi cha mới cưới mẹ về biệt thự này, mẹ yêu ngay khu vườn sau vì vườn được bao bọc bởi những hàng trúc xanh mướt. Mẹ trồng trọt, chăm sóc thành một vườn hoa bốn mùa rực rỡ. Mẹ thường nói đùa với cha rằng vườn hoa của vua thì gọi là vườn thượng uyển , còn vườn hoa này mẹ sẽ đặt tên là vườn Trúc-Lâm vì đó là tên ghép lại của cha mẹ. Mẹ là Thanh-Trúc, cha là Thái-Lâm. Lâm còn có nghĩa là rừng nên khi ghép hai chữ trúc lâm với nhau còn có nghĩa là rừng trúc, đúng như phong cảnh của khu vườn. Mẹ cho đó là một sự ngẫu nhiên tình tứ.

Vậy mà cha đang hỏi cô, vườn Trúc Lâm nào ? Ở đâu ?. Có phải dì Quỳnh-Lan đã hoàn toàn bôi xóa hình ảnh mẹ trong lòng cha rồi không ???.

Mắt cô bé sưng ướt, và lệ đã rơi lã chã trên ngực áo dạ hội. Cô thôn thức trách móc:

-Mẹ đặt tên vườn là Trúc Lâm, cha quên rồi sao ?

Ông Thái-Lâm ngạc nhiên:

-Vườn hoa trong biệt thự này ư ?

-Vâng

-Con gái yêu ơi, cha đâu có quên mẹ con đặt tên vườn là Trúc-Lâm, nhưng đó chỉ là cha mẹ nói với nhau cho vui mà thôi. Khi con hỏi xin vườn Trúc Lâm thì cha lại tưởng có khu vườn nào, ở đâu đó, mà con muốn. Biệt thự này đang là của con. Khi con đủ tuổi trưởng thành, cha sẽ trao gia tài cho con, con muốn biệt thự lớn hơn cũng có, con biết như thế chứ ?. Sao lại phải xin cha vườn hoa thôi ?

-Con muốn được có toàn quyền khu vườn đó.

-Con đang có toàn quyền cả ngôi biệt thự cơ mà.

Cô bé cảm thấy khó làm cho cha hiểu ý mình. Cô đổi giọng hờn dỗi:

-Con không muốn cả ngôi biệt thự. Con chỉ xin vườn Trúc-Lâm, cha có cho con không ?

Ông Thái-Lâm, như đành chịu thua con gái, nói cho qua chuyện:

-Được, từ nay con là cô chủ vườn Trúc-Lâm.

Cô bé ôm choàng lấy cha, hôn lên trán, lên má ông. Nước mắt cô ướt trên vai áo cha. Cô đang khóc vì sung sướng ...

Sáng hôm sau, cô thức sớm, đi ra vườn. Khu vườn này cô đã thơ thẩn vào ra mười mấy năm rồi. Cô thuộc từng gốc bạch-mai, từng nhánh hải-đường. Cô yêu từng khóm Hạc-đỉnh-lan, lá dài rủ xuống dáng hoa như mào chim hạc, từng giỏ phong-lan treo trong những giỏ tre, từng bụi ngâu hoa nhỏ, sắc vàng thơm ngát. Cô cũng biết là mẹ cô yêu cây ngọc-lan lắm. Mẹ cô trồng cây ngọc-lan bên hồ sen, tỏa hương thơm khắp vườn. Cha kể rằng, mẹ thường hái những bông hoa trắng muốt, dáng thon như búp tay để gài lên tóc. Rồi hoa đào, hoa hạnh, hoa hồng, hoa cúc, hoa hoàng-anh lá điểm xanh vàng, hoa phượng-tiên khi nở có ba màu đỏ, trắng, tía. Cô chậm rãi đi về cuối vườn, hít nhẹ hương thơm thoang thoảng từ dãy cẩm-nhung năm màu rực rỡ và không thể không dừng lại ở hàng cây bạch-hạc-tiên với những bông hoa trắng, sáu cánh, khi nở xòe ra như cái trâm cài tóc. Có lẽ vì vậy mà hoa còn có tên là hoa ngọc-trâm chăng ?...

Cô bé đã đứng ở cuối vườn, trước lều trúc. Cha cô kể rằng, khi gã làm vườn chặt bớt những bụi trúc quá rậm rạp thì mẹ cô bảo hãy để dành, khi có đủ sẽ dựng một căn lều đơn sơ toàn bằng trúc để mẹ vào uống trà những khi quanh quần ngoài vườn nắng.

Từ khi mẹ mất đi, lều trúc không còn thoảng hương trà nữa ...

Nhưng kia, có bóng ai ngồi bất động trong lều ...

Cô bé dụi mắt ...

Đó là gã làm vườn.

Gã ngồi xếp bằng, lưng thẳng, hai bàn tay đan vào nhau, đặt ngay ngắn trước đùi. Gã nhắm mắt, hướng về phía mặt trời. Trông gã tĩnh lặng như một pho tượng, mà lại toát ra vẻ uy nghiêm kỳ diệu khiến cô bé không dám nhúc nhích.

Lâu lắm .

Rồi hai bàn tay gã rời nhau, hai chân duỗi thẳng. Gã thong thả chà sát hai bàn tay vào nhau, xong, vuốt nhẹ trên hai mí mắt và từ trán xuống cằm. Sau đó gã lại dùng hai tay xoa bóp hai bắp chân rồi mới chậm rãi đứng lên, bước ra trước lều trúc. Gương mặt tràn đầy thành kính, gã chấp tay thành búp sen trước ngực và bắt đầu cúi lạy. Cô bé nhắm đăm, gã đã lạy sáu phương, mỗi phương ba lạy. Sau đó, gã vươn vai, và bây giờ gã mới nhìn thấy cô.

-Cô chủ, cô cần tôi làm gì không ? Sao cô ra vườn sớm thế ?

Cô bé cảm thấy như mình vừa ra khỏi cơn mơ. Và rồi cô đã nhớ, cô ra vườn sớm để làm gì.

-Này anh, nội trong ngày hôm nay tôi muốn anh dọn sạch hết vườn rau, cả những giày nho xanh và giàn thiên lý này nữa. Chặt bỏ hết.

-Sao vậy cô chủ ? Bà chủ tự tay trồng vườn rau này mà. Bà có vẻ thích lắm, nhất là giàn thiên lý.

Tội nghiệp gã làm vườn. Gã không biết, nên đã vừa chạm vào vết đau nhức trong lòng cô bấy lâu.

-Tôi là chủ khu vườn này, không có bà chủ nào khác nữa cả. Từ nay anh chỉ làm việc dưới quyền tôi. Tôi bảo anh trồng gì thì anh trồng đấy, bảo chặt bỏ gì thì anh chặt bỏ đấy, anh nghe rõ không ?

Lẽ dĩ nhiên, gã đã nghe rõ. Chưa bao giờ gã thấy cô chủ nhỏ giận dữ và lớn tiếng đến như hôm nay. Gã biết rằng, sẽ phải làm theo lời cô, nhưng cũng lo lắng, nếu phá bỏ vườn rau thì sẽ trả lời thế nào với bà chủ.

Gã thấy có điều gì bất ổn đang xảy ra nhưng gã không thể hỏi gì hơn vì cô chủ nhỏ đang giận. Và cô đã quay đi.

Gã vào lều trúc, xách xẻng cuốc ra vườn rau ...

Bữa cơm tối, cô bé chờ đợi một trận chiến.

Nhưng lạ.

Dì Quỳnh Lan vẫn thản nhiên, âu yếm gấp thức ăn vào chén cho hai cha con cô như mọi bữa. Dì còn nói, cuối tuần này trời sẽ nắng đẹp lắm, cô có muốn đi chơi biển không ?

Cô nhìn thẳng vào mắt dì, tìm dấu vết những giọt nước mắt hồi chiều. Dì không tránh cái nhìn của cô, chỉ dịu dàng mỉm cười. Chẳng lẽ dì không mách cha về cuộc xung đột chiều nay khi dì ra vườn, và sừng sốt thấy gã làm vườn đang gom dọn những rau trái bằm dập vào thùng rác ?

Vườn rau dì vun trồng chỉ còn là khoảng đất trống.

Cô đã không để gã làm vườn phải lúng túng. Vì cô đã sẵn sàng những gì muốn nói.

-Dì chưa biết ư, từ tối hôm qua, con đã là chủ khu vườn này. Đây là vườn Trúc-Lâm, vườn mang tên cha và mẹ. Không ai được trồng gì khác ở đây ngoài những cây hoa, khóm trúc mà mẹ đã chăm bón. Cũng không ai được vào đây nữa, nếu không có phép của con.

Cô còn quay sang gã làm vườn, căn dặn:

-Từ nay anh chỉ tuân lệnh tôi mà thôi, và có bốn phạt không cho ai được vào vườn nếu tôi chưa đồng ý.

Lúc đó gã làm vườn mới hiểu được uẩn khúc trong lòng cô chủ nhỏ. Gã nhìn cô, buồn rầu. Cô không có thì giờ mà để ý đến cái nhìn buồn rầu của gã. Cô đang sung sướng hưởng sự ngỡ ngàng, đau đớn của dì Quỳnh-Lan. Nước mắt dì tuôn chảy trên má, hai tay dì xoắn vào nhau, dì nói mà lời như nghẹn lại:

-Dì xin lỗi ...nhưng dì không có ý xâm phạm tới mẹ của con ...Trời ơi, con phải biết như thế chứ ...

-Đúng, con đã biết. Dì chỉ muốn bôi xóa hết hình ảnh mẹ trong lòng cha. Mẹ đã chết rồi, không làm gì được, nhưng còn con đây, dì đừng quên điều đó.

-Trời ơi, con nói chi lạ thế ? Mô Phật, nếu dì có lòng nào ...

Dì Quỳnh-Lan chưa dứt câu, cô bé đã vung tay tỏ ý bất cần rồi quay lưng bỏ đi ...

Cô nghĩ, thế nào đi cũng mách cha. Và cô cũng đã sẵn sàng trả lời cha.

Nhưng rõ ràng là cha chưa biết gì cả. Cha vui vẻ hỏi đi hôm nay đi lễ, chùa có đông không. Cha cũng âu yếm hỏi cô, làm được những gì trong ngày đầu tiên ở tuổi 16. Nếu đi đã mách cha thì chắc chắn cha không thể vui vẻ như thế. Cô chợt nhận thấy một điều thật đơn giản, là cô, có thể sẽ làm khổ cha, còn đi Quỳnh-Lan thì, thà cam chịu cảm lạnh để tránh cho cha sự phiền não khó xử.

Vậy mà cô vẫn tự cho là cô thương yêu cha ư ?

Suốt đêm, cô bé trần trọc. Cô cứ tưởng cô dùng quyền làm chủ vườn hoa để làm đi Quỳnh-Lan đau đớn thì cô sẽ sung sướng. Vậy mà trái lại, đi như vẫn bình an mà cô mới chính là người đang đau đớn ...

Sáng hôm sau, cô ra vườn sớm, tâm vô định mà chân bước về lều trúc.

Cô lại thấy cảnh tượng như sáng hôm qua. Gã làm vườn ngồi xếp bằng, tĩnh lặng trong lều.

Bao nhiêu biến cố do cô mới gây ra như không hề ảnh hưởng tới gã, tới đi Quỳnh-Lan, dù đó là hai người trực tiếp nhận chịu. Tại sao thế ? Tại sao họ vẫn bình an mà cô thì ray rứt ? Tại sao cô không có được niềm an lạc như họ ?

Cũng như sáng hôm qua, sau khi đứng ngoài lều trúc, vái lạy sáu phương, gã làm vườn mới nhận ra sự có mặt của cô. Cô tiến đến gần gã, và không dừng được để không hỏi:

-Mỗi sáng sớm anh ngồi, rồi lạy như thế là nghĩa gì ?

-Ồ ...cô chủ đã thấy ...

-Tôi thấy hôm qua và hôm nay. Khi anh ngồi, xong rồi đứng ra đây lạy, anh có vẻ bình an lắm.

-Cô chủ muốn biết điều đó không ?

-Muốn.

-Thưa cô chủ, khi tôi ngồi trong lều trúc, đó là tôi thiền tọa. Thiền tọa là ngồi tĩnh lặng, nhắm mắt, quán niệm hơi thở của mình. Quán niệm hơi thở là không nghĩ gì khác ngoài việc theo dõi hơi thở, nương vào hơi thở để có sự ổn định tâm lý mà nhận ra tự tánh của mình. Khi thở vào, ta biết ta đang thở vào. Khi thở ra, ta biết ta đang thở ra. Ta biết rằng ta đang thở, đó là hơi thở có ý thức. Ta đạt được những hơi thở có ý thức là do tâm ta chỉ chú trọng tới hơi thở nên tâm ta và hơi thở đã chuyên nhất, đã trở thành một. Điều đó có nghĩa là khi ta chỉ nhất tâm theo dõi hơi thở, thì những tạp niệm vẩn vơ, vô bổ, không còn có nơi dựa vào. Không có chỗ dựa thì tạp niệm phải buông, phải dứt. Khi tạp niệm dứt, đương nhiên là ta được an trú trong an lạc.

Cô bé ngạc nhiên quá. Cô hiểu ngay được những lời gã làm vườn vừa nói. Gã nói trong sáng, giản dị. Gã nói như lời Phật vừa truyền qua. Cô đã hiểu ngay để có thể hỏi tiếp:

-Như thế, có phải là chỉ cần một hơi thở tĩnh thức là ta đã có thể tạo được trạng thái an lạc trong tâm, ở giây phút ấy ? Và nếu ta tập luyện để duy trì hơi thở mình tĩnh thức thường xuyên thì ta sẽ thường xuyên an lạc ?

-Đúng thế, cô chủ ạ, cô chủ đã hiểu rồi đấy. Trong giai đoạn đầu tu thiền, khi hành gia ngồi thiền, chính là lúc mọi vọng tưởng dấy lên. Vọng tưởng là những thứ niệm nhớ tưởng trùng trùng điệp điệp, huân tập lâu đời, chất chứa trong ta mà ta thường ngỡ là tâm. Những niệm đó khởi lên khi đối xúc với cảnh tướng, mà cảnh tướng thì thay đổi, sinh diệt luôn luôn nên niệm đó không thật. Bởi không nhận ra nó không thật nên ta vẫn dựa vào vọng tưởng, ngỡ giả là thật mà mãi chìm đắm trong vô minh.

-Làm sao nhận ra được đâu là vọng tưởng, đâu mới thật là tâm ?

-Phải tu, cô chủ ạ. Có nhiều pháp tu, bởi chúng ta, trí huệ chẳng đồng nên mỗi người tự chọn pháp nào hợp với mình. Pháp nào cũng đi đến mục đích là gạn lọc hết vọng tưởng nhiễm ô để thấy được tự tánh thanh tịnh của mình. Vọng tưởng như mây, tự tánh như trăng. Mây bay đi, trăng sẽ tỏ.

Cô bé cảm thấy lòng như nở hoa. Cô lại hỏi:

-Sau khi thiền tọa, anh lay sáu phương là lay những gì ?

-Lay sáu phương là sự thực tập để có một đời sống đạo hạnh. Khi lay phương Đông, ta hướng niệm lòng ghi ơn cha mẹ, tạ ơn công đức sinh thành tựa biển rộng sông dài. Khi lay phương Tây, ta hướng niệm tới tình gia đình

ruột thịt, nghĩa gắn bó vợ chồng tận tụy thủy chung. Khi lạy phương Nam, ta hướng niệm ơn thầy cô, những người đã vì yêu thương mà hết lòng khai sáng trí tuệ ta. Khi lạy phương Bắc, ta hướng niệm tới tình bằng hữu thâm sâu, tình tri kỷ chia sẻ ngọt bùi. Khi lạy phương Hạ, ta hướng niệm tới những người cùng ta làm việc, góp công sức và trí tuệ để hoàn tất nhiệm vụ tốt đẹp. Sau hết, khi lạy phương Thượng, ta hướng niệm về các bậc hiền nhân quân tử, về những người đã có đời sống như tấm gương trong sáng cho ta soi mà sửa mình rèn trí.

Cô bé đứng lặng trong nắng mai. Lòng cô không phải chỉ như đóa hoa vừa nở mà cô cảm thấy như cả khu vườn, muôn hoa đều đang nở rộ trong cô. Cô không thể ngờ rằng, chỉ cần dăm ba phút trong ngày, nếu hiểu biết và hướng tâm mình cho đúng, ta có thể được hưởng niềm an lạc mênh mông không gì mua được. Cô bé nhìn gã làm vườn. Cô dịu dàng nói với gã:

-Từ sáng mai, anh dạy tôi thiền tọa nhé !

Ngạc nhiên, nhưng gã nói:

-Vâng, thưa cô chủ, tôi là người tuân hành theo ý cô mà.

Từ đây, lều trúc trở thành đạo tràng, nơi mỗi sáng sớm cô chủ nhỏ và gã làm vườn cùng yên lặng thiền tọa. Cô rất thông minh và thành tâm nên không bao lâu cô đã đạt được tới trạng thái, tâm của cô đồng nhất với không gian, trong đó, mọi hình tượng, sắc thái đều tan biến. Không gian trở nên nền tảng của vũ trụ, và thân tâm cô nhẹ như mây khói.

Những buổi thiền tọa sau đó, cô cố gắng quán chiếu sâu sa hơn để tiến tới bốn tâm tư lớn trong đạo pháp. Tứ Vô Lượng Tâm đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Cô đã ngồi xếp bằng theo thể kiết già, chấp tay búp sen để nghe gã làm vườn giảng về bốn biển bao la này. Gã nói:

-Thưa cô chủ, tâm Từ là sự thương yêu, sự hòa đồng, sự rộng lượng mà ta có thể mang đến cho người khác. Người có tâm Từ sẽ dễ dàng giải tỏa được những giận hờn, ganh ghét. Tâm Bi là trái lòng rộng ra, tự nguyện thực hiện những việc có thể làm vui đi những đau khổ cho người khác. Hai tâm Từ và Bi là những tình thương ta tự nguyện hành trì mà không hề mong chờ được đền trả. Tâm Hỷ là luôn luôn sẵn sàng đem niềm vui đến cho người và mở rộng lòng mà vui theo cái vui của người. Cuối cùng, tâm Xả là quán chiếu chánh niệm để đạt được sự an tịnh, thanh thản, hầu tạo được những mối

tương quan bình đẳng, đẹp đẽ giữa muôn người, muôn loài. Luyện được tâm Xả ta sẽ xua tan hết lòng đố kỵ, nghi hoặc.

Cô bé lắng nghe chăm chú. Những điều cô vừa nghe thật cao siêu mà cũng thật giản dị. Cô nhận ra ngay rằng, giáo lý của Đạo Phật không phải chỉ là lý thuyết mà là sự hành trì. Người Phật Tử, dù tụng ngàn pho Kinh cũng chưa phải là người hiểu Đạo nếu không áp dụng được Giáo lý đó cho bản thân mình và cho đại chúng.

Không bao lâu, cô bé bỗng nhận thấy, sau những bồn phận và công việc thường ngày, cô chỉ mong mau mau tới giờ xuống lều trúc thiền tọa. Lòng cô tràn đầy vui vẻ mỗi khi cô bước vào lều trúc để ngồi thiền. Chính vì sự vui vẻ đó mà cô đã nghĩ đến một cái tên rất đẹp để đặt cho lều trúc.

Một buổi sáng, cô xuống vườn sớm hơn thường lệ, định nói với gã làm vườn là từ nay lều trúc sẽ có tên là Pháp-Lạc-Thất, nghĩa là nơi tu học vui vẻ.

Nhưng, lều trúc vắng lặng một vẻ khác thường, chỉ có tiếng lao xao của lá trúc đong đưa trong gió. Cô đến bên tọa cụ, nơi vẫn thiền tọa thì thấy một phong thư. Đó là phong thư gã làm vườn để lại :< Thừa cô chủ, cô chủ đã đạt được niềm thanh tịnh, an lạc rồi. Cô chủ sẽ sống đời thoải mái, hạnh phúc vì điều cô chủ đạt được chính là Đạo Lý Giác Ngộ. Trong Đạo Lý Giác Ngộ, thương yêu phải đi đôi với hiểu biết.

Không hiểu biết thì không thể thương yêu. Cô chủ đã đạt, nên cô chủ sẽ cảm thấy rõ ràng, thương yêu cũng chính là hiểu biết. Cô chủ sẽ không cần tôi hướng dẫn nữa. Xin phép cô chủ cho tôi được ra đi để hoàn thành điều tôi tâm nguyện >.

Cô bé cảm thấy lòng mình chùng xuống một mát mát lớn lao. Cô ngược nhìn cây Bồ Đề có tàng lớn che trên mái lều trúc. Cô nhớ, có lần gã làm vườn đã nói với cô về cây Bồ Đề. Nó có tên nguyên thủy là cây Pippala. Thái-tử Siddhatta, tức sa-môn Gotama đã đắc đạo dưới gốc cây Pippala sau bao khổ công quán chiếu, dựa trên sự vận dụng minh mẫn của tri thức. Đạo Tri Thức, theo tiếng Magadhi là Buddha. Bởi Đức Phật đắc đạo dưới gốc cây Pippala nên cây Pippala được gọi là cây Bodhi, vì chữ Bodhi cùng họ với chữ Buddha. Cây Bodhi được ta phiên âm thành cây Bồ Đề từ đây.

Một chiếc lá Bồ Đề nhẹ rơi. Cô đưa tay ra, đỡ lấy, rồi đi về hướng hồ sen.

Bông sen đầu mùa vừa nở, ngào ngạt hương. Cô ngồi xuống bên hồ, chăm chú nhìn. Bông sen, với những cánh màu hồng đào ôm lấy nhau, vươn lên từ mặt hồ trong vắt. Những lá sen xanh mướt, hân hoan như trợ lực đóa hoa đón ánh mặt trời vừa rạng. Nhìn kỹ hơn, từ bông sen, cô bé không chỉ thấy đài hoa, cánh hoa, nhị hoa mà cô còn thấy cả bùn, đất, gió, cát, nắng, mưa ... Tất cả những thứ đó giúp bông sen có mặt. Nếu không có bùn, đất, gió, cát, nắng, mưa ...thì bông sen không thể có mặt. Sự có mặt của cái này ở trong sự hiện hữu của cái kia.

Đó là bài học về nguyên lý của Tương Nhập và Tương Tác mà gã làm vườn đã từng dạy cô.

Đó là sự tương quan trùng trùng của vũ trụ.

Thực thể, gã làm vườn đã ra đi, nhưng trong tương quan mệnh mông huyền nhiệm mà cô vừa quán chiếu được, thì gã vẫn còn đây, trên chiếc lá này, trên bông hoa kia, trên khóm trúc nọ. Chiếc lá, bông hoa, khóm trúc đang vì gã mà có mặt. Cô bé thấy rõ như thế. Và cảm giác mát mát, buồn rầu hoàn toàn tan biến.

Trở lại Pháp-Lạc-Thất, hướng về phương Nam, cô chắp tay búp sen, lạy ba lạy.

Đó là bài học đầu tiên, Lạy Sáu Phương, để thực tập đời sống đạo hạnh mà cô đã được gã làm vườn chỉ dẫn.

Cô vừa cúi lạy phương Nam.

Đó là phương mà người hành gia hướng niệm tới bậc thầy đã khai sáng trí tuệ cho mình.

Linh Linh Ngọc

---o0o---

TỈNH SƠN THIỀN TỰ

Hai thầy trò tới thị xã Pleiku thì nắng chiều đã nhạt. Vị sư già bảo chú tiểu:

-Chắc ta phải tìm chỗ trọ đêm nay, mai mới lên núi kịp.

Chú tiểu vòng tay thưa:

-Bạch thầy, chắc phải vậy.

Quanh co phố chợ, hai thầy trò mua được hai gói xôi, mấy củ khoai luộc và một lọ tương chao. Nơi nghỉ đêm là khu chợ lồng. Sau khi dẹp chợ, chủ xạp sẽ căng ghé bố cho những khách nghèo, lỡ đường, tạm nghỉ chân. Chính tại khách sạn tập thể này mọi người đều cảm thấy thoải mái, an toàn vì những người đã phải tới đây trọ là chẳng còn gì để lo bị cướp bóc. Những chàng đạo chích cũng biết rõ như thế.

Dùng xong bữa tối đạm bạc, chú tiểu mở tay nải, lấy ra một chiếc mền cũ trải lên ghé bố cho thầy. Còn chú, có chiếc áo dạ rộng thùng thình và tấm khăn lông cuộn lại làm gối là đã đủ tươm tất. Hai thầy trò ngồi xếp bằng, chắp tay, làm râm niệm Phật. Những khách trọ xung quanh đang ba hoa chuyện vãn, bỗng bị lôi cuốn bởi sự trang nghiêm của hai thầy trò. Họ im lặng. Và tiếng niệm Phật nghe được loáng thoáng: “...Nguyện đem công đức này. Hướng về khắp tất cả. Đệ tử và chúng sanh. Đều trọn thành Phật đạo ...”.

Đợi dứt tiếng tụng niệm, một người hỏi:

-Bạch thầy, thầy hành hương ở đâu mà tới nơi này ?

-Mô Phật, chúng tôi muốn tìm thăm sư cụ trên núi Chu Pao. Đường còn xa, sợ không tới kịp trước khi trời tối nên phải nghỉ tạm đây đêm nay.

Nghe thế, một người khác áy ngại:

-Nếu là Sư cụ Tuệ-Không thì Ngài đã viên tịch năm ngoái rồi, hình như chẳng còn ai trên chùa nữa.

-Mô Phật, thế là không kịp rồi. Chúng tôi nghe tin Ngài lâm bệnh, mà đường xá xa xôi, phương tiện eo hẹp quá, nay mới lặn lội tới được thì đã muộn ...

Chú tiểu nâng vạt áo chặm nước mắt ...

Có người góp chuyện:

-Thời buổi này chùa miếu cũng hoang lạnh thôi. Phật tử có còn lòng mộ đạo cũng chả mấy ai có khả năng cúng dường. Quý tăng ni vẫn dốc lòng thờ Phật phải là can đảm lắm !.

Vị sư già nói với chú tiểu, nhưng chắc là cũng muốn dăm người nghe thấy:

-Chúng ta đã tới được đây rồi, dù sư cụ không còn, mai ta cũng phải lên núi tìm mộ Người mà thấp nhang khẩn lậy.

-Bạch thầy, đành phải thế.

Núi Chu-Pao nằm giữa Pleiku và Kontum.

Sáng hôm sau, khi đã ra khỏi thị xã, hai thầy trò bỗng thân mật hơn.

-Tin tức anh em cho, chắc đúng đó con. Sư cụ Tĩnh-Sơn thiên tự đã viên tịch, chùa bỏ hoang, đồng bào chạy ăn từng bữa, ai còn nghĩ đến chuyện trùng tu, hương khói nữa.

-Vâng, thưa cha, chúng ta sẽ theo đúng kế hoạch.

-Cha chỉ e cực nhọc quá cho con.

-Cha ơi, chúng ta còn gì nữa đâu ngoài thù nhà nợ nước. Cha đã quyết, con một lòng theo. Cha con ta đã hẹn gặp mẹ và anh con bằng con đường phục hận này. Chúng ta may mắn còn có anh em trong tổ chức, một lòng một dạ với nhau. Những tin tức và mọi sắp xếp của anh em trong công tác này đỡ nhiều vất vả cho cha con ta lắm. Chúng ta nhất định phải hoàn thành tốt đẹp.

-Được, chúng ta đi cho mau. Khi gặp được anh chàng A Khan sẽ tùy cơ ứng biến.

Mặt trời chưa qua khỏi ngọn sao, hai thầy trò đã thấy bóng núi Chu Pao sừng sững. Từ đây, họ ít gặp người Kinh, ít phải chấp tay đáp lễ “mô Phật”. Con đường đất ghồ ghề càng lúc càng thu nhỏ lại thành đường đá lờm chờm. Đôi lúc, chú tiểu mất thăng bằng, suýt ngã chúi. Nhưng chú cười tươi ngay, dậm dậm đôi dép da trâu mà nói: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi ...”.

Những người Thượng vác gùi, từ những buôn Mường Bang, Mường Lát đi vào những cánh rừng hai bên. Họ đi đào bấp, kiếm nấm và củi khô. Họ nhìn hai thầy trò, cái nhìn hiền lành nhưng dừng đọng ...

Như đã biết rõ điểm tới, hai thầy trò cứ đi, không hỏi han ai cả.

Qua bãi Nứa, tới dốc Vọi, cả hai cùng dừng lại. Quả như lời dặn, nhìn lên con dốc thăm, họ đã thấy căn nhà sàn lợp lá gồi nằm cheo leo giữa những ngác tre. Đó là nhà A Khan, người tộc trưởng khu tam giác cao nguyên mà hai thầy trò sẽ tới gặp.

Một già, một trẻ nhìn nhau, cùng khẽ gật đầu rồi tiến vào lối dốc. Mới tới nửa con dốc, nghe chùng, hai người đã mệt lắm, thì chợt nghe tiếng nói sau lưng:

-Ông thầy đi tìm ai ?

Cả hai quay lại nhìn. Dưới ánh nắng rực rỡ, một người đàn ông miền núi, da nâu sậm, dáng khỏe mạnh, vạm vỡ, tay cầm chiếc rựa sáng loáng, chăm chú nhìn hai thầy trò. Thay vì trả lời, vị sư già mừng rỡ:

-Ông nói được tiếng Kinh, thật là may quá, may quá !

Chú tiểu đỡ lời:

-Chúng tôi muốn hỏi thăm ông tộc trưởng.

Người đàn ông chăm chăm nhìn hai thầy trò, ý dò xét. Biết thế, vị sư già vội nói:

-Chúng tôi từ dưới đồng bằng lên đây tìm thăm sư cụ trên núi Chu Pao, nhưng mới tới phố chợ đã nghe nói sư cụ viên tịch năm ngoái rồi. Chúng tôi muốn gặp ông tộc trưởng để hỏi xem có còn ai trên chùa không.

Người đàn ông nhìn vẻ nghèo nàn nhưng lương thiện của hai thầy trò, dáng chùng đã tin. Ông ta nói:

-Không còn ai cả đâu. Từ ngày ông thầy trên núi chết, không thấy có người Kinh đi ngang đây để lên chùa nữa. Chùa bỏ hoang rồi.

Vị sư già bỗng ngồi bệt xuống , dáng vẻ đầy buồn rầu, thất vọng. Chú tiểu ngồi xuống theo, cầm lấy tay thầy:

-Thầy trò ta chắc là cùng đường rồi. Ở thành phố thì bị đuổi khỏi chùa, lặn lội lên đây nương nhờ thì sư cụ không còn nữa ...

-Sao ông thầy lại bị đuổi khỏi chùa ?

-Nhà nước nói,cần chỗ ở cho cán bộ nên chia chùa thành nhiều hộ. Nhà chùa được chia một diện tích vừa đủ kê một giường, một tủ thì tụng niệm cúng bái làm sao được. Đó chỉ là cách nói để họ chiếm chùa mà thôi.

Trong khi vị sư nói, chú tiểu kín đáo quan sát người đàn ông miền núi mà chú biết chắc đó là A Khan. Điều thật bất ngờ mà chú đang cố kìm giữ là chính người đàn ông này, mười năm trước đây đã giúp mẹ con chú trên đường đi tìm xác anh của chú, đã chết trong trại tù Cộng Sản. Sự can đảm của người lính Thượng đã làm chú cảm phục. Anh đã dám lén lút dẫn mẹ con chú đến bìa rừng Gia Lai, nơi những năm mò được vùi nong không bia mộ. Anh ta nói, biết nơi chôn anh Tân vì anh ta chính là một, trong hai người đồng tù mà bọn quản giáo Cộng Sản đã chỉ định, mang xác anh Tân đi chôn. Ngày đó, tuy mới mười tuổi nhưng chú vẫn nhớ những nét khắc khổ trên gương mặt người lính Thượng. Đặc biệt là chiếc sẹo dài trên tay phải bên vết xăm hình đầu rồng còn rõ kia.

Chú tiểu cô dáu xúc động, nói ngay vào kế hoạch đã vạch:

-Chúng tôi chẳng còn đâu nương tựa nữa. Nếu chùa trên núi bỏ hoang, chúng tôi có thể lên đó tu hành hay không ?. Làm sao gặp được ông tộc trưởng để hỏi ?

-Ở thì được, nhưng làm sao sống ? Ông thầy ngày xưa còn có Phật tử nuôi. Nay, ai cũng đói cả.

Vị sư vội nói:

-Ban ngày chúng tôi cũng vào rừng kiếm củi, đôi lấy gạo muối, tôi về mới tụng Kinh niệm Phật. Thế, chúng tôi có phải trình báo công an phường dưới phố hoặc là ...gặp ông tộc trưởng để xin phép không ?.

Người đàn ông nhìn hai thầy trò đăm đăm rồi nói chậm:

-Tôi là tộc trưởng đây. Ông thầy cứ lên đó mà tu. Công an nhà nước chỉ cần chiếm đất đai màu mỡ ngoài kia chứ chẳng vào tận trong buôn mà làm gì.

Chú tiểu làm vẻ ngạc nhiên:

-Mô Phật, ông là tộc trưởng ư ?. Thế thì may quá, cảm ơn ông. Ông vừa nói, họ chiếm đất. Thế đồng bào miền núi trông trọng ở đâu ?.

-Làm gì có đất nữa mà trông trọng. Cà phê đang xanh, bắp đã gieo hạt, họ ào tới, nói, lệnh trung ương phải giải tỏa trong kế hoạch chỉnh trang. Thế là họ đuổi dân thiểu số vào tận chân núi. Hết đất, hết ruộng vườn, chỉ còn đi kiếm củi, làm sao đủ ăn !.

-Mô Phật, thế ..ông tộc trưởng ...tính sao ?.

Câu trả lời, ngoài sự chờ đợi của hai thầy trò:

-Phải đòi lại chứ sao !. Đất đai là sự sống, ai cướp đất là cướp đi sự sống của mình. Không đòi lại là mình đành chịu chết hả ?.

-Nhưng ...nhà nước ra lệnh thì công an thi hành, làm sao đòi được hả ông tộc trưởng?.

-Cũng phải tìm cách chứ. Mà ông thầy biết đường lên chùa không ? Đi theo chân núi này mười phút sẽ thấy lối mòn, cứ đó mà leo lên.

A Khan vừa nói, vừa dậm bước đi, như không muốn bàn thêm chuyện đất đai. Bóng anh nghiêng nghiêng theo triền dốc lấp lánh nắng vàng ...

Đường lên Tĩnh Sơn thiên tự quanh co, khúc khuỷu. Chú tiểu vừa bước theo vị sư, vừa nói trong nước mắt:

-Cha ơi, A Khan chính là người ơn mà mẹ đã kể với cha khi cha đi tù về. Không có sự giúp đỡ của A Khan, chắc chẳng bao giờ tìm được mộ anh Tân con.

Vị sư sững sờ:

-Thật vậy sao con ? . Chính A Khan là người lính Thượng tốt bụng, can đảm mà mẹ và con vẫn nói đó ư ? . Vậy chắc là mẹ và anh con khôn thiêng đã run rủi cha con ta nhận lãnh công tác này để có dịp trả ơn đây.

Chú tiểu không nói gì nữa, vừa leo dốc, vừa thút thít khóc. Vị sư nắm lấy tay chú, thúc giục đi mau, như để khóa lấp những đau đớn cũng chỉ trực trào ra thành lệ nóng ...

Chùa đây rồi. Điều tàn, xiêu vẹo quá, nhưng may mắn, vẫn còn mái che, còn vách dựng, còn tượng Phật bằng xi măng đặt trên bệ gạch thô. Chùa chỉ có hai gian, một gian thờ Phật, một gian ngăn đôi, phía trước là bếp núc, phía sau là chỗ ngủ. Đơn sơ quá !. Nhưng đối với hai cha con thì nơi này thật lý tưởng để lo nhiệm vụ.

Hai cha con ?.

Đúng vậy. Họ là hai cha con trong tổ chức kháng chiến phục quốc. Họ phải nguy trang làm người tu hành tới đây để nắm vững tình hình cao nguyên rồi tùy cơ ứng biến mà tiếp tay sắc tộc thiểu số đòi lại đất đai mà bạo quyền Cộng Sản đã chiếm đoạt dần dần từ nhiều năm qua.

Nay, theo sự điều tra của tổ chức thì sự uất hận của đồng bào thiểu số đã lên đến cao điểm. Củi và nầm trong rừng cũng đã khan hiếm, không còn kiếm đủ để sống lây lất qua ngày nữa. Cùng tất biến. Khi con người không còn gì để mất chính là lúc họ không còn gì để sợ. Và, khi không còn gì để sợ là lúc họ sẽ vùng dậy, đòi lại những gì bị cướp đoạt.

Hai cha con được tổ chức chỉ định tới đây vì ngày trước, người cha - Thượng sỹ Nguyễn văn Nam - thuộc Trung đoàn 53 Bộ Binh, là đơn vị đã chiến đấu anh dũng, can trường thêm suốt một tuần lễ sau khi Ban Mê thuộc thất thủ. Vì từng ở nơi này nên ông Nam rất rành địa đạo khu tam giác cao nguyên. Nơi đây, đối với ông cũng thiêng liêng như nơi ra đời, vì chính nơi đất đỏ này, ông đã thực sự đóng góp máu xương để bảo vệ Tự Do. Làm sao ông có thể quên được cái ngày dài nhất của Trung đoàn 53 Bộ binh, ngày 17 tháng 3 năm 1975 tại mặt trận phi trường Phụng Dục, cách Ban Mê Thuật 8 cây số về phía đông. Ở chiến trường khốc liệt đó, mỗi người lính đã phải tự biến mình thành một pháo đài và chiến đấu trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất trong lịch sử quân đội thế giới !. Họ đã chiến đấu ngày đêm, không tiếp viện, không tải thương, không đủ lương thực !. Vậy mà họ không đầu hàng !

Họ đã chọn lựa rồi.

Và điều đó đã tới lúc 11 giờ 30 sáng ngày 17-3-75.

Sau trận mưa bom và pháo của Cộng Sản Việt Nam, thân xác những chiến sỹ anh dũng của Trung Đoàn 53 Bộ Binh đã tan ra từng mảnh, hoà vào đất đỏ Cao nguyên, tan vào đất Mẹ Việt Nam !!!...

Thượng sỹ Nam sống sót sau trận mưa bom đó, như một sự huyền bí không thể hiểu nổi. Với thân thể đầy thương tích, ông tỉnh dậy khi cơn mưa chợt rào rạt đổ xuống rừng đêm. Ngay khi tỉnh dậy, ông đã hiểu rằng, ông sống sót là để chờ ngày hoàn tất trách nhiệm mà bao đồng đội của ông đã ngậm ngùi bỏ dở

Bao nhiêu hình ảnh cũ chập chờn trong ký ức khiến ông Nam không thể ngủ. Ông nằm chờ sáng, chờ bóng trăng rừng chéch trên sườn núi, chờ tiếng chim quyên gọi bạn tìm môi, chờ nắng, chờ gió, chờ sự sống trên miền đất chết ...

Trời còn mờ sương, ông Nam đã ra khỏi chù.

Ông đã tìm thấy những lá đạm trúc điệp mà ông biết rằng hái đọt và lá mang luộc, có thể ăn được. Loại này tựa như rau dệu ở đồng bằng. Lung chừng núi, ông Nam còn tìm thấy những cây nhỏ, lá có 3 khía rất giống cỏ chân vịt mà dân quê nghèo, hái luộc, rắc muối lên, ăn như rau lang.

Thế này là Phật độ đây, hai cha con đã có ít chất tươi rồi...

-Ông thầy hái gì đó ?

Từ dưới chân núi, A Khan đeo gùi, vác rựa đi lên.

-Chào ông tộc trưởng. Tôi thức sớm, dạo quanh thì tìm thấy những loại rau này, có phải luộc lên, ăn được không ?.

A Khan lên tới. Anh lấy trong gùi một bọc to, vừa đưa cho ông Nam, vừa nói:

-Rau này lành, ăn được, nhưng khi đói lắm mới phải ăn vì chẳng ngon gì đâu. Còn đây, tôi biếu ông thầy mấy củ khoai và ít đọt măng. Nhân thế, tôi lên xem chù có bị hư đọt chỗ nào thì tôi sửa cho.

Vừa nói, A Khan vừa xăm xăm đi lên.

Hốt hoảng, ông Nam buột miệng, ngăn:

-Ấy, ấy ...đừng lên !.

A Khan quay lại, ngạc nhiên:

-Sao vậy ?.

-Là vì ...chúng tôi mới tới, không dám làm phiền ông tộc trưởng.

A Khan quay lưng, đi tiếp, cười lớn:

-Mới tới tôi mới phải giúp, ở lâu rồi thì ông thầy lo liệu lấy.

Không ngăn được, ông Nam nói lớn khi hai người lên tới cổng chùa, như thể muốn báo cho chú tiểu biết:

-Có ông tộc trưởng lên chơi.

Nhưng không kịp nữa !.

Bên hiên chùa, một thiếu nữ xinh tươi trong bộ áo lụa mềm màu hoa cà, đang đứng hong tóc. Nàng như vừa tắm dưới suối lên, toàn thân toát ra vẻ tươi mát tinh khôi, những ngón tay mềm mại lùa trong mái tóc buông dài, long lanh ướt.

Cả ba người cùng sững sốt, đứng lặng, nhìn nhau.

Ông Nam lên tiếng trước:

-Ông tộc trưởng ...

A Khan ngắt lời:

-Chuyện của ông thầy, tôi không cần biết, nhưng sao ông thầy phải nói dối ?.
Lên núi ở với gái sao nói lên chùa tu ?

Lúc này, thiếu nữ là người bình tĩnh hơn cả. Sự bí mật lộ ra hơi sớm nhưng nàng như biết rằng không thể trì hoãn. Đưa mắt nhìn ông Nam và nhận được sự đồng thuận. Nàng chậm rãi tiến đến trước mặt A Khan. Hai tay khoanh trước ngực, nàng nhìn A Khan:

-Anh không nhận ra tôi ư ?

A Khan lùi một bước, nhú mày, rồi lắc đầu.

Tinh quái, thiếu nữ tiến thêm một bước:

-Anh nhìn kỹ chút nữa xem, anh thực không nhận ra tôi ư ?

A Khan có vẻ không mấy thích trò đùa này. Anh dậm bước đi, miệng nói:

-Không, tôi không biết mấy người.

-Người làm ơn thường ít nhớ người chịu ơn nhưng người chịu ơn thì thường khó quên người đã làm ơn cho mình. Mười năm trước anh đã giúp hai mẹ con tôi tìm được mộ anh tôi là thiếu úy Nguyễn Văn Tân. Giọng người thiếu nữ trầm buồn nhưng có sức mạnh như cơn lốc khiến cả thân hình lực lưỡng của người đàn ông miền núi bị chao đảo, tưởng như sắp ngã. Anh ta quay phắt lại, mở lớn mắt, hết nhìn ông Nam, lại nhìn thiếu nữ.

Ông Nam biết, đã đến lúc phải nói rõ hơn:

-Tôi là Thượng sỹ Nguyễn Văn Nam, cha của thiếu úy Nguyễn Văn Tân. Còn đây là Lan Anh, con gái tôi. Ngày tôi còn ở tù, nó và mẹ nó đi tìm xác Tân thì được tộc trưởng giúp đỡ, bây giờ mới nói được lời cảm ơn ...

Ông Nam nghẹn lời. Lan Anh nắc nhẹ.

A Khan vừa kinh ngạc, vừa cảm động, ấp úng mãi:

-Tôi cùng đơn vị với thiếu úy, lại ở tù cùng trại, thương nhau như anh em. Ông thầy, à,...ông bác và cô em lên đây làm gì, sao phải giả dạng thầy tu, chú tiểu vậy ?.

-Chúng ta còn nhiều chuyện quan trọng phải bàn. Con vừa nấu được ấm nước sôi, cha mời tộc trưởng vào chùa. Sẵn khoai ông tộc trưởng cho đây con đem luộc làm tiệc nhé !.

-Cô đừng gọi tôi là tộc trưởng nữa, tôi như ...anh Tân của cô thôi. Ông bác đây cũng như ...cha tôi vì ...tôi cũng chẳng còn ai cả ...

Bữa tiệc khoai lang nước sôi, kết chặt ba người trong thâm tình đồng chí. Há chi phải chích máu, uống rượu ăn thề ở Vườn Đào !.

Mỗi tuần một lần, hai cha con ông Nam lại xuống phố chợ, chờ nhận tin tức anh em trong tổ chức, cũng như báo cáo những diễn biến về tình trạng của đồng bào thiếu số. Hôm nay ông xuống chợ để nhận vải và sơn mà ông đã xin tổ chức lo cho từ lần trước. Cuộc biểu tình sắp tới phải có một số biểu ngữ rõ ràng viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trẻ em bán thuốc lá, đánh giầy, trong các thành phố đã nhận chỉ thị. Chúng thường la cà trước các quán ăn, các khách sạn, bám theo khách ngoại quốc, mời hàng. Đó là những sinh hoạt hàng ngày, chẳng có chi bất thường. Bằng thứ ngôn ngữ pha trộn nửa Việt, nửa Mỹ, những phóng viên ngoại quốc sục sạo săn tin đó đây đã quá quen với chúng và hiểu được chúng dễ dàng. Họ cũng đầy kinh nghiệm để biết rằng “ngày N, giờ G, địa điểm XYZ” không phải sẽ xảy ra ngay. Họ biết lượng định, nghe ngóng và chờ đợi.

Nhưng công an thành phố thì không có được kinh nghiệm đó !.

Khi nơi chợ búa có tiếng xì xào về cuộc biểu tình vĩ đại của sắc dân thiếu số sẽ cùng nổi dậy trên khắp miền cao nguyên thì bọn công an cũng mở mắt, vênh tai. Nhưng chúng chẳng thấy gì ngoài những người Thượng già nua, thất thủ đeo gùi vào rừng kiếm củi, lâm lũ như những người câm điếc. Đám người ấy mà dám biểu tình thì quả là điều khôi hài lớn !.

A Khan rất khâm phục tổ chức kháng chiến đã sắp đặt kế hoạch rõ ràng từng bước như thế. Quả là họ đã đánh lừa được bọn công an. Chúng chẳng thấy gì để báo cáo lên cấp trên. Những người dân thiếu số mà chúng nhìn thấy hàng ngày là những người mà A Khan chỉ định, có nhiệm vụ phải để bọn công an nhìn thấy sự nhu nhược, sợ sệt, yếu đuối. Đám dân đói khổ, bần cùng đó cũng chính là những liên lạc viên, mượn cơ lang thang kiếm lương thực để đưa tin tức tới các buôn, làng.

Lâu nay, một số dân đeo gùi vào rừng không phải để kiếm củi, kiếm măng nữa. Họ chăm chỉ tìm những lá tre, lá chuối không rách, lau sạch sẽ rồi mang lên Tỉnh Sơn thiền tự. Ở đó, hai cha con ông Nam cùng một số anh em trong tổ chức kháng chiến, ngày đêm cặm cụi biến những lá tre lá chuối đó thành những biểu ngữ cầm tay. Thanh niên thì được A Khan chỉ định đi chặt trúc, cột vào lá làm cán. Mỗi đồng bào hiện diện phải có ít nhất một biểu ngữ cầm tay vì mỗi biểu ngữ là một lời tố cáo tội ác Cộng Sản, mỗi biểu ngữ là một lời đòi hỏi nhân quyền.

Sức mạnh của cuộc biểu tình là số đông người tham dự và biểu ngữ.

Hai điều đó họ đã có.

Hai điều đó, trước ống kính các phóng viên ngoại quốc sẽ biến thành những viên đạn tầm xa mà sức mạnh thì khôn lường.

Mọi diễn biến đều diễn ra đúng như kế hoạch. Những sinh hoạt linh động trên Tỉnh Sơn thiên tự được bảo mật an toàn nhờ toán canh phòng của A Khan dưới chân núi. Đêm nay, họ cùng duyệt lại từng chi tiết trước khi chính thức phát lệnh tổng khởi động.

Củ khô được gom lại rồi đốt lên cho ấm.

Dưới ánh lửa bập bùng, họ nhìn nhau mà như nhìn thấy khí thế cuộc biểu dương sức mạnh của người dân bị áp bức. Trùng trùng điệp điệp những thân trúc giờ cao, vang dội tiếng gào thét của lá. Muôn ống kính rơi vào. Trúc và lá biến thành muôn giòng phún thạch hùng hực đổ xuống từ miệng núi lửa bị đê kín bao năm.

Khi lòng dân đã đầy, không gì ngăn được.

Riêng A Khan, anh không chỉ nhìn thấy lửa cách mạng bùng bùng đó. Anh còn nghe thấy tiếng suối róc rách, tiếng bước nhảy xạc xào trên lá của bày hoẵng hoang. Và mơ màng thấy người thiếu nữ áo lụa mầu hoa cà, hóa thân thành cô sơn nữ diễm lệ, đeo gùi, thơ thẩn tìm những giò lan hiếm quý trong cánh rừng xanh rợn rã chim muông

Linh Linh Ngọc

---o0o---

THẢO AM

Vừa từ ngoài đại lộ rẽ vào đường nhỏ, cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Đang là những cao ốc, công viên, hàng quán sầm uất, bỗng chỉ còn những ngôi nhà cũ, thấp, với hàng rào gỗ có vườn rau, chuồng ngựa ...Con đường nhỏ chỉ có hai lối, một đi lên và một đi xuống. Michael vừa lái chậm, vừa nhìn lại mảnh giấy chỉ dẫn. Cứ theo đường mòn này, giữ bên phải, qua một cầu gỗ bắc ngang giòng suối cạn sẽ tới ngã ba, nơi có tường đá thấp. Ở đó, trên một cành cây sao, có bảng chỉ dẫn vào Deer Park với mũi tên rẽ trái.

Michael mỉm cười sáng khoái. Vậy là ông đã tới điểm hẹn rất sớm, như ý muốn. Ông sẽ thu được vào ống kính cảnh núi rừng hùng vĩ, tĩnh lặng của bình minh vừa rạng trước khi bạn ông và những người Việt-Nam hành

hương lên chùa vào ngày đầu năm của họ. Bạn ông cho biết, người Việt Nam thường đi chùa rất đông vào những ngày đầu năm mới, trước là lễ Phật, sau là cầu xin những sự an lành cho gia đình, cho nhân loại.

Vừa rẽ trái ở ngã ba hướng vào Deer Park, cảnh vật lại thu nhỏ hơn, một bên là vách đá hùng vĩ, một bên là rừng cây nhìn xuống sườn núi thăm thẳm. Michael xuống xe, lấy máy hình ra thu vài góc cạnh của vách đá chênh vênh, lấp lánh ánh mặt trời vừa nhô trên đỉnh núi sương mù. Đi thêm một đoạn, con đường mở rộng hơn với khu rừng sồi già cỗi, thân sần sùi, tàn và lá rậm rạp, đan vào nhau, che khuất những áng mây lửng lơ trên bầu trời bao la sương sớm. Lại xuống xe, và ống kính đưa lên. Rừng đẹp quá, mênh mênh, xanh muốt. Núi đẹp quá, ngạo nghễ vươn lên đùa ánh mặt trời. Những tảng đá lớn, thiên nhiên sắp đặt tự bao giờ, chồng lên nhau thành bao nhiêu hang động rải rác khắp những con đường dốc, khắp những khu rừng sồi, rừng tùng, rừng bách ... Cảnh đẹp thiên nhiên lôi cuốn ống kính, như sức hút của nam châm. Và Michael cứ thế, say sưa bấm máy. Ông đang leo dốc, đi sâu vào núi đá.

Ông đã bỏ xa chiếc xe đậu ở rừng sồi.

Sương, như tấm màn thủy tinh trong suốt, phủ nhẹ lên từng chồi cây, từng lá cỏ, tuy mơ hồ mà ta vẫn cảm thấy được bởi làn hơi mát tinh khôi tỏa khắp núi đồi.

Những khối đá lớn, tảng thì bằng phẳng, nằm một mình, an nhiên tự tại, tảng thì dựa vào nhau trong thế nương tựa. Rải rác khắp nơi, không đâu đá núi thiên nhiên không tạo thành những hình ảnh mang đầy nghĩa nhân sinh. Có phải thật thế, hay lòng ông đang hòa cùng sự màu nhiệm của Đạo Phật mà ông đã được biết đến ít nhiều, qua người bạn gái Việt-Nam ?

Ống kính trên tay Michael di động chậm chậm qua từng vách đá, từng dốc mòn hoang vu dẫn lên đỉnh núi.

-Tuyệt vời !.

Michael thốt kêu lên.

Giữa rừng già, trên phiến đá bằng phẳng, một ni-sư đang tĩnh lặng, tọa thiền. Ni-sư nhắm mắt, hai tay chấp thành búp sen trước ngực, hai chân xếp bằng, sống lưng thật thẳng. Những tia nắng đầu tiên của ngày, xuyên qua cành lá, lung linh trên vạt áo nâu, óng ả như những giải bạc. Không một tiếng chim

hót, không một tiếng lá rơi, không một tiếng gió thoảng ... Hình như cả không gian, cả vạn vật đang cùng với ni- su nhập làm một.

Hết sức nhẹ nhàng, hết sức cẩn trọng, Michael ngồi xuống sau lùm cây rậm, mắt không rời cái hình ảnh tuyệt vời mà một đời ôm máy đi khắp đó đây, ông chưa từng thâm vào ống kính được. Đúng thế, máy chỉ thâm được cảnh, làm sao thâm được linh hồn của cảnh. Giây phút này, cái linh hồn của cảnh mà Michael cảm thấy được, đang khiến ông rung động toàn thân. Ông chưa thấy ai ngồi thiền đẹp như thế, an nhiên như thế, tĩnh lặng như thế. Phải từ TÂM trong suốt lưu ly mới thể hiện được THÂN thanh tịnh nhường này...

Bỗng, bức tranh tĩnh mặc bị giao động. Có tiếng lá khô xào xạc như bước chân nào đang tới. Michael chưa kịp có phản ứng gì thì từ bìa rừng, một mãnh hổ xuất hiện. Nó đang đi tới hướng ni-su ngồi thiền. Michael dợm đứng lên, nhưng ni-su chột nói nhỏ:

-Đừng động !.

Ni-su đã mở mắt, nhưng vẫn còn ngồi yên trong thế tọa thiền. Mãnh hổ vẫn đi về hướng ni-su. Khoảng cách ngắn dần, ngắn dần...

Michael lại dợm đứng lên, dù chưa biết sẽ phải làm gì. Và ni-su lại nói nhỏ, nhưng cương quyết:

-Đừng !.

Hai mươi thước ... Mười lăm thước ... Ni-su vẫn ngồi yên.

Mười thước ...

Nếu mãnh hổ chồm lên ?! ...

Toàn thân Michael tê cứng như đá, hai con ngươi mở căng, bất động.

Mãnh hổ bỗng đi chậm lại. Trong đầu Michael chỉ còn lừng bùng ý nghĩ, sao hôm nay không mang theo khẩu súng nhỏ, như vẫn mang theo những lần đi chụp hình ở những nơi hoang dã ?

Nhưng kìa, sao mãnh hổ dừng lại ? . Bây giờ, nó đang đứng đối diện với ni-su.

Chỉ một cái nhẩy phóng, chồm lên thôi !.

Nhưng nó vẫn đứng, bốn mắt nhìn nhau. Hai con mắt thú hoang ngây ngô nhìn vào đôi mắt thanh thản, dịu dàng của người tu hành. Có lẽ trong đời, nó chưa gặp người nào khi thấy nó mà không, hoặc săn đuổi, hoặc chạy trốn. Nó dừng lại để lượng định tình hình chẳng ?. Và nó thấy gì ?. Nó thấy người đối diện vẫn an nhiên tự tại. Người đối diện không săn đuổi nó, cũng không chạy trốn. Ánh mắt người đối diện nhìn nó không chút oán thù, không chút khinh khi và không cả chút nào sợ sệt. Người không hại nó, nó chẳng hại người. Đất trời mênh mông, núi rừng trùng điệp, cây trái bạt ngàn, can chi phải hệ lụy nhau !.

Phút giây thâm lặng dài tựa thiên thu...

Mãnh hổ nhúc nhích hai chân trước, rồi nhúc nhích hai chân sau. Hai con mắt nó lại nhìn thẳng vào đôi mắt người tu hành. Giây phút đó, hình như đôi mắt ni-sư mỉm cười với nó. Nó thông thả quay lưng. Rồi rất chậm, rất chậm, nó đi trở lại bìa rừng. Thoáng chốc, mãnh hổ đã biến mất sau vách núi.

Michael đứng phắt dậy, lao về phía ni-sư. Ông gào lên:

-Trời ơi ! Thật là kinh khủng ! Thật là kinh khủng ! Bà đang nhắm mắt ngồi thiền, bà nhìn thấy tôi hỏi nào mà ra lệnh <Đừng động, đừng tới>?. Bà không cho tôi tới, bà cũng không chạy, thế bà ngồi chờ chết à ? Hay là bà không thấy con mãnh hổ ? Không phải, Bà đã thấy tôi thì phải thấy mãnh hổ chứ !. Bà có biết nó đã đứng gần bà tới cỡ nào không ? Trời ơi, sao bà lại mỉm cười như không có chuyện gì xảy ra cả vậy ?. À, chắc bà không biết tiếng Anh, bà không hiểu tôi đang nói gì. Rắc rối quá ! Tiếng Việt thì tôi lại chỉ biết có dăm câu: Chào bà, chào ông, chào anh, chào chị.

-Thí chủ biết thế là tốt quá rồi. Với người Việt-Nam thì chỉ cần một câu chào cũng có thể trở thành tri-kỷ.

-Trời ơi, bà biết nói tiếng Anh và lại còn nói hay quá nữa !.

-Cám ơn thí chủ.

Ni-sư vừa nói, vừa đi chậm về phía một cây đại thụ gần đó. Michael hấp tấp:

-Thưa bà ... Thưa bà ...

Ni-sư dừng lại trước một cái am nhỏ, mái và vách đều kết bằng cỏ tranh. Michael lại buột miệng kêu lên:

-Trời, bà sống trong cái am cỏ đơn sơ lạnh lẽo này ư ?

Ni-sư mỉm cười:

-Thưa không, tôi dựng am này để ngồi thiền những khi trời mưa hay nhiều gió. Còn buổi sáng đẹp như sáng nay thì tôi tọa thiền trên phiến đá, như thí chủ đã thấy đó.

Michael mở lớn mắt, há hốc miệng mà nhìn ni-sư. Rõ ràng là cái cảnh suýt bị mãnh hổ tấn công sáng nay chẳng ảnh hưởng gì tới ni-sư. Con mãnh hổ tiến đến gần bà cũng như con chim, con sóc mà thôi. Tại sao thế ? Tại sao bà có thể vượt qua cái cảm giác sợ hãi của bất cứ một con người bình thường nào ?. Hay bà không phải là người mà là Phật ?

Người bạn gái Việt-Nam đã đôi lần kể chuyện về khả năng huyền nhiệm của Đức Phật Thích Ca. Chẳng hạn như khi Ngài đang giảng Kinh Pháp Hoa trên đỉnh núi Linh-Thú thì Bảo Tháp của Phật Đa Bảo hiện ra trên không trung. Tất cả tăng chúng đều ước ao được chiêm ngưỡng Phật thân của Phật Đa Bảo đang ngồi trong tháp. Muốn mở cửa tháp, phải có sự chứng kiến tất cả hóa thân của vị Phật đang thuyết pháp nên hôm đó Đức Phật Thích Ca đã dùng thần lực vô lượng vô biên mà gọi vô số vô lượng hóa thân của Ngài đang giảng pháp khắp tam thiên đại thiên thế giới về hội tụ.

Người bạn gái kể bằng cả sự thành kính, nên tuy không tin mà Michael cũng chẳng dám phản đối. Ông chỉ nghe, rồi phát biểu bằng những câu lưng chừng “Thế à, hay quá nhỉ”.

Bây giờ đây, chính ông vừa chứng kiến một sự thật khó tin, một sức mạnh tinh thần vô biên, tiềm ẩn trong một hình hài mong manh nhỏ bé. Ông bỗng hoang mang và lòng lại dấy lên ý nghĩ, bà là người hay Phật ?

-Thí chủ có lên viếng chùa thì xin mời.

Michael giật mình, như vừa choàng cơn mộng ảo. Ông hấp tấp trả lời, như sợ ni-sư sẽ biến mất:

-Vâng ...Vâng ... Tôi muốn lên thăm chùa. Tôi cũng muốn ... Thưa ni-sư, tôi

cũng muốn được thưa chuyện với ni-sư ít phút. Tôi muốn ... được ni-sư cho nghe đôi chút về Đạo Phật.

-Quý hóa quá. Sáng nay còn sớm, tôi cũng được thông thả. Mời thí chủ theo tôi lên Thiên-đường lễ Phật rồi xuống phòng đọc sách, tôi sẽ pha sẵn trà và hân hạnh hầu chuyện thí chủ.

Trà được rót ra tách sứ, thơm ngát hương sen.

Nâng tách trà lên, Michael cảm thấy lòng rung động, bồi hồi khôn tả. Ông không thể ngờ rằng, mới đây thôi, ông vừa trải qua những giây phút cực kỳ kinh động ngoài rùng, tưởng như không tránh nổi cảnh thịt nát xương tan, mà phút này ông lại đang ngồi bình yên trong căn phòng đầy kinh sách Phật với tách trà bốc khói ngạt ngào.

-Thí chủ mới lên chùa lần đầu ?

-Vâng, thưa ni-sư. Tôi tên là Michael, Michael Chandler. Tôi là nhiếp ảnh gia của tạp chí National Geographic. Tôi được một người bạn Việt-Nam cho biết trên này mới có ngôi chùa đẹp lắm nên tôi lên thăm, hy vọng sẽ giới thiệu chùa trong tạp chí số tới, qua những tấm hình độc đáo. Nhưng sáng nay ...

-Thí chủ vẫn còn bị xúc động vì cảnh tượng sáng nay ?

-Vâng, thưa ni-sư, tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ quên được cảnh tượng sáng nay. Tôi cũng sẽ không bao giờ còn chụp được một tấm ảnh nào xứng đáng nữa, bởi vì hình ảnh toàn bích nhất mà suốt thời gian phục vụ nghệ thuật mới nhìn thấy, thì tôi lại không chụp được. Đó là hình ảnh ni-sư ngồi thiền trên tảng đá, giữa rừng, trong bình minh vừa rạng. Thật ra, mạn phép ni-sư, tôi đã chụp, nhưng chỉ là chụp được cảnh mà thôi. Còn linh hồn và không khí tỏa ra từ sự thanh khiết và tĩnh lặng của ni-sư mới là tuyệt tác, thì tôi không đủ khả năng thấu vào.

Ni-sư khoan thai nâng tách trà lên. Tay phải cầm quai tách, lòng tay trái mở ra đỡ nhẹ đáy tách. Rất từ tốn, ni-sư nhấp một ngụm trà rồi nhẹ nhàng đặt tách xuống. Hai tay chắp vào nhau, ni-sư nói:

-Hân hạnh được thí chủ đến thăm chùa. National Geographic là một tạp chí nổi tiếng lâu năm. Mỗi tấm hình trong đó là một nghệ thuật, mỗi bài viết trong đó là một tác phẩm. Trước đây tôi đã từng được xem qua. Sáng nay,

trong khi tọa thiền, tuy nhắm mắt nhưng nghe tiếng bấm máy, tôi biết là có người đang chụp hình. Tiếng mãnh hổ dẫm trên lá khô, tôi cũng biết, nên khi thí chủ định có hành động, tôi phải lên tiếng ngăn, bởi thí chủ đứng lên lúc đó thì sẽ rất nguy hiểm.

-Còn ni-sư ? Ni-sư ngồi yên đó chịu trận thì có nguy hiểm không ?

-Cũng có thể nguy hiểm.

Michael không thể không hỏi cái câu hỏi đang đầy ứ trong lòng:

-Ni-sư không sợ ư ?

Ni-sư điềm đạm:

-Thưa không.

-Sao lại không, thưa ni-sư ? Sao lại có thể không sợ hãi khi nhìn thấy nguy hiểm trước mắt, nhất là sự nguy hiểm này chỉ trong tích tắc sẽ cực kỳ đau đớn, cực kỳ thâm hiểm ?

Ni-sư mỉm cười:

-Thí chủ lên đây uống trà vì nôn nóng muốn biết sao sáng nay tôi không sợ hãi, chứ chưa hẳn là muốn nghe Đạo pháp, có phải không ?. Thắng được sự sợ hãi cũng do từ hiểu Đạo pháp mà ra. Đạo pháp, không thể chỉ một buổi trà đàm ngắn ngủi là có thể thấu hiểu hết được. Nhưng tạ lòng thí chủ, tôi sẽ trình bày đơn giản đôi chút, trong đề tài này.

Ni-sư rót thêm trà cho khách và cho mình rồi chậm rãi nói:

-Tại sao chúng sinh sợ hãi ? Bởi chúng sinh sợ mất. Chúng sinh sợ mất những gì ? Chúng sinh sợ mất nhiều thứ lắm. Sợ mất tiền của, mất tình nghĩa, mất danh vọng, mất sức khỏe, mất mạng sống ...v...v...Nhưng trước khi con người hiện hữu thì tiền của, tình nghĩa, danh vọng, mạng sống đó ở đâu ?

Từ đâu đến ? Nó không có và chẳng từ đâu đến. Ngay cả thân mạng ta, trước khi hiện hữu thì ta là gì ? từ đâu ? Ta chẳng là gì và chẳng từ đâu. Chỉ bởi do nhiều duyên hợp, ta đã hiện hữu. Như chiếc lá ngoài khung cửa kia, thí chủ thấy không ? Chiếc lá đó là gì, từ đâu, trước khi cái hạt mầm được

gieo xuống đất, đâm chồi, nảy lộc thành cây, rồi cây trở lá ?. Cái hạt mầm gieo xuống đất đó cũng còn phải tùy thuộc vào nắng, vào gió, vào mưa mới có thể phát triển thành hoa lá. Nếu ta tách rời những yếu tố hạt mầm, mặt trời, mặt trăng, mưa, gió, đất, cát ... thì không bao giờ có chiếc lá. Cho nên, chiếc lá tuy hiện hữu nhưng bản chất của nó là không thật. Nó hiện hữu chỉ bởi do đủ duyên hợp mà thành, cũng như, nó rơi rụng úa vàng bởi hết duyên mà tan...

Michael buột miệng nói:

-Nhu vậy, bản chất thật của chiếc lá là không sanh không diệt ?

-Đúng, bản chất chiếc lá là không sanh không diệt, không đến không đi. Nhìn chiếc lá tươi non trong tiết trời đầu năm, ta tưởng như chiếc lá vừa trở ở mùa xuân nắng đẹp, nhưng thật ra chiếc lá đã có mặt trong đất, trong nắng, trong mưa, trong gió, trong nước, trong lửa ... từ lâu, có thể rất lâu, từ vô lượng kiếp không chừng !. Rồi mùa thu, khi chiếc lá rụng xuống, ta tưởng như chiếc lá vừa chết ở mùa thu, nhưng thật ra, khi duyên hợp giữa đất, cát, nắng, mưa, gió, nước, lửa ... không hội đủ, thì chiếc lá đã không còn hiện hữu từ lâu, có thể từ rất lâu, từ vô lượng kiếp không chừng !. Cũng vậy, khi quán chiếu tự thân để nhìn kỹ vào lý DUYÊN SINH VÔ NGÃ thì sự hiện hữu của con người cũng như sự hiện hữu của chiếc lá. Con người chỉ hiện hữu do đủ duyên hợp mà chưa từng sanh diệt, chưa từng đến hay đi. Michael bàng hoàng:

-Thưa ni-sư, vậy ra, bản chất của con người cũng không thật ?

-Thí chủ có chấp nhận được điều đó không ?

Michael nâng tách trà lên, ngắm nghía. Trong lòng ông như có một điều gì vừa vỡ oà ra. Chiếc tách này, trước khi đến tay ông, nó là gì ?.Ồ, nó là KHÔNG. Nó chẳng thể là gì nếu không có đất, có men, có nước, có lửa, có người thợ gốm... Duyên hợp phải đủ nó mới thành cái tách, nhưng bỏ rời từng thứ ra, không phải chỉ nó là không, mà đất, men, nước, lửa, người thợ gốm cũng là không. Cái nọ ở trong cái kia, cái nọ vì cái kia mà có. Ta là vạn hữu, vạn hữu là ta, ta với vạn hữu là một. Đã là một, là mang cùng bản chất. Vạn hữu luôn luôn thay đổi, biến diệt nên bản chất của vạn hữu là vô thường vô ngã. Khi đã quán chiếu sâu sắc để thấy ta với vạn hữu là một, ta với vạn hữu mang cùng bản chất, thì đúng là bản chất ta cũng vô thường vô ngã. Khổ đau bắt nguồn từ việc ta nhìn lầm cái vô thường là thường, cái vô ngã là ngã ! Quả đúng như thế.

Chỉ một thoáng nhìn, ni-sur biết rằng người khách đã hiểu điều căn bản, nên nói tiếp:

-Ta đã không thật thì sao lại dựa trên CÁI KHÔNG để sợ mất CÁI TA TƯỞNG LÀ CÓ ? Ta đã không thật thì tiền bạc, danh vọng, thân mạng mà ta nghĩ rằng của ta, thuộc về ta, những cái đó có còn thật không ?

Micheal ngơ ngẩn:

-Dạ ...không thật. Nhưng thưa ni-sur, nếu vạn vật đều không thật, chỉ do duyên hợp, nương nhau mà thành, thì cảm xúc từ đâu khởi lên ? Tại sao con người còn cảm thấy vui, buồn, thương, ghét, oán, hờn ... dựa trên những cái không thật ?

-Bởi con người chưa nhận ra được cái TÁNH KHÔNG của vạn hữu nên thường để cho vọng tưởng dẫn dắt vào chôn mê lầm. Từ mê lầm, mọi sự việc, mọi cảm nghĩ đều chạy qua lăng kính phân biệt của vọng tưởng mà tạo nghiệp. Đó chính là con đường xoay ta quay mãi trong vòng luân hồi. Đức Thế Tôn cũng biết rõ rằng, vì chúng sinh đã huân tập lâu đời, dựa vào vọng tưởng, ngỡ bóng là hình, chìm đắm trong vô minh nên mỗi người đều có Phật tánh trong tâm mà không biết. Phật tánh là gì ? Phật tánh là cái TÂM CHÂN THẬT hay gọi nôm na là cái Thấy Biết Thường Hằng. Tánh thể nguyên thủy của Tâm Chân Thật vốn bất sanh bất diệt, vốn không từng nhiễm ô vọng động. Tâm Chân Thật thường hằng ở trong ta để nhận sự vật qua mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, thân xúc chạm, ý cảm nhận, mà không phân biệt đẹp xấu, thương ghét gì. Còn vọng tưởng mà ta ngỡ là tâm thì, vì qua lăng kính phân biệt nên dẫn dắt ta, cho cái này là đẹp nên thương, cái kia xấu nên ghét.

Trên bàn có một bình hoa. Ni-sur cầm một nhánh, đưa lên, rồi nói tiếp:

-Tâm Chân Thật khi nhìn cái hoa thì chỉ ghi nhận đó là cái hoa. Còn vọng tưởng, khi nhìn cái hoa, lập tức sẽ qua lăng kính phân biệt rằng hoa này tươi, hoa kia héo. Từ chỗ phân biệt tươi héo mà ta sanh tâm chấp ngã, hoa tươi thì muốn có, hoa héo muốn quăng đi. Phàm, cái gì muốn mà không được thì sẽ khổ, dù có được rồi mà thấp thỏm sợ mất, cũng khó yên vui. Trong khi đó, cái Tâm Chân Thật, khi nhìn hoa chỉ ghi nhận là hoa, không thương không ghét, không mong có, cũng chẳng cầu buông, nên tâm vẫn an nhiên thanh tịnh.

Michael đổi thế ngồi. Ý nghĩ ông cũng đang luân chuyển. Ni-sư vừa chỉ thí dụ bằng cái hoa thối, còn thực tế ngoài đời thì sao ?. Đứng trước danh vọng, quyền lực, bạc tiền và nhiều nhiều thứ nữa, nếu ta nhìn bằng Tâm Chân Thật, ta sẽ đứng vững. Ngược lại, nếu ta để vọng tưởng, mà ta ngỡ là tâm, dẫn dắt thì quả thật ta sẽ chìm vào cơn lốc xoáy và muôn vàn nghiệp dĩ sẽ tạo ra.

Michael đã hiểu được phần nào cảnh tượng sáng nay. Nhưng vẫn còn điều gì chưa ổn. Ông phải hỏi rõ hơn.

-Thưa ni-sư, vậy là sáng nay ni-sư đã nhìn mãnh hổ bằng Tâm Chân Thật, chỉ ghi nhận đó là mãnh hổ mà không qua lăng kính phân biệt là nó ác hay hiền nên ni-sư đã không sợ hãi ?

-Đúng thế.

-Thưa ni-sư, tôi e rằng ở trường hợp này, cái nhìn của Tâm Chân Thật có hơi ... cực đoan bởi vì bản tánh của mãnh hổ vốn ác. Nếu gặp nó mà không có khí giới thì ta phải chạy chứ. Chạy còn có hy vọng thoát chứ không chạy là cũng như ...tự sát. Không hiểu sao sáng nay nó lại bỏ đi ... Tôi thật tình không hiểu.

-Thí chủ đừng nghĩ là tôi đã dùng phép màu nhiệm gì cảm hóa nó. Tôi không sợ hãi chỉ vì tôi đã nhìn thẳng vào bản chất nó. Nó vốn không thật. Cũng như bản chất tôi không thật. Một cái không thật sao lại còn mang được lòng sợ hãi đối với một cái không thật khác ?

Michael cảm thấy không dùng được để không nói:

-Thế nếu nó, thay vì quay đi, mà lại chồm lên ni-sư thì sao ?

Ni-sư lại rót thêm trà vào tách cho khách, rồi mỉm cười tiếp lời:

-Thì sự hiện hữu của tôi dưới dạng xác thân này đã hết. Một, trong muôn trùng sự chuyển hóa trên từng sát na ở thế gian này mà thối. Như chiếc lá rơi xuống, như hơi sương đọng thành mưa, không có gì đáng sợ cả. Thí chủ biết không, trong cùng một trại tù, cùng chịu chung một chính sách mà người này thanh thản, người kia lại vật vã đờn đau. Ta thường kết luận rằng người này can đảm, người kia yếu đuối. Thật ra là người này mang Tâm Chân Thật nên không sợ hãi, còn người kia để vọng tưởng lôi kéo nên sợ hết mọi sự mà trở nên bản loạn.

Ngụm trà trôi qua cổ, bát ngát hương sen khắp lục phủ ngũ tạng. Michael cảm thấy rõ như thế.

Một cảnh huống bất ngờ. Dăm phút trà đàm. Có thể thôi, mà sao ông tưởng như vừa sống qua nhiều kiếp. Những gì từng bám rễ trong tâm thức như vừa bị bật gốc.

Khi gã từ ni-sur, quay trở lại xe, Michael đã xuống núi, về lại thành phố. Ông quên bằng đã hẹn gặp người bạn gái ở trên chùa. Trong lòng ông chỉ còn hình ảnh cái am cỏ dưới gốc đại thụ. Hai hình ảnh thật tương phản. Thảo am chẳng nhờ đại thụ mà lớn hơn, cũng như đại thụ, chẳng vì thảo am mà nhỏ lại. Nhưng thảo am bé nhỏ vẫn đứng đó, đại thụ dũng mãnh vẫn vươn cao. Vạn vật bao la hiện hữu trong an nhiên tự tại. Còn Con Người, bao giờ con người đều mang Tâm Chân Thật để thanh thản với nhau ?

Linh Linh Ngọc

---o0o---

TÌM MỘ

Mâm cỗ chay chiều ba mươi Tết vừa dọn xong trên ban thờ gia tiên. Tôi đốt nhang trầm trong lư đồng nhỏ, cắm hai bình hoa huệ trắng muốt hai góc ban thờ Phật và rót trà mạn sen vào những tách sứ. Mẹ tôi mặc áo tràng nâu, tay cầm chuỗi hạt, ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu hoa trải trước ban thờ. Tôi vái một vái dài, thỉnh chuông mõ trên ban thờ Phật xuống rồi cũng ngồi xếp bằng, sau mẹ.

Hương trầm ngan ngát tỏa lan, quyện vào ánh nến ấm áp. Khung cửa sổ mở rộng, nhìn ra vườn sau, ở đấy, hai cây mai tứ quý tôi cẩn thận tỉa lá từ trong năm, đang trổ những bông vàng rực rỡ bên gốc lê già điểm nụ trắng tinh khôi.

Mẹ tôi khai chuông. Sau lễ dâng hương, tôi nhịp mõ. Hai mẹ con bắt đầu tụng phiên Kinh Bát Nhã.

Khi mẹ chưa qua, trong những dịp lễ lạc, tôi hay đến chùa. Ở đó, giữa bao Phật tử thành tâm tụng niệm, tôi thường chỉ im lặng quỳ gối suốt phiên kinh. Tiếng chuông mõ thường đưa tâm hồn tôi bay bổng về quê hương, nơi bàn bạc có tiếng chuông ngân từ ngôi từ-đường họ Nguyễn-Hữu. Ngôi từ-đường

đó, sau năm 86, mẹ tôi đã cùng với ít ỏi con cháu giòng Nguyễn Hữu còn sót lại ở miền Bắc, chung lòng chung sức hoàn thành đẽ vong linh Ông Bà Tổ Tiên có nơi nhang khói.

Tôi tưởng mẹ đã tạm yên vui. Nhưng chưa.

Nhang trên ban thờ gia tiên vừa tàn. Xấp nhỏ theo bố mẹ chúng đi mua sắm chưa về. Tôi thấp thêm tuần nhang nữa. Hai mẹ con quyết định chờ con cháu về mới dọn cỗ xuống cùng ăn.

Vẫn ngồi trên chiếu trong tư thế tụng kinh, mẹ bỗng nhìn tôi, nói:

-Qua Tết, mẹ định thu xếp về quê tìm mộ ông ngoại của cô.

Tôi ngạc nhiên:

-Tìm mộ ông ngoại con ? Làm sao tìm được ? Năm, sáu chục năm qua mẹ không liên lạc được với ai ở bên ngoại, biết bắt đầu từ đâu mà tìm ?

Mẹ tôi ngược nhìn lên làn khói nhang lan tỏa trên ban thờ, nói một cách tin tưởng: - Ông ngoại cô linh thiêng, sẽ phù hộ cho mẹ tìm được.

Tôi biết tính mẹ, tuy đôn hậu dịu dàng nhưng cương quyết. Tôi biết, rồi mẹ sẽ về quê tìm mộ ông ngoại, như mẹ đã từng quyết tâm dựng lại nhà thờ Tổ trên đất cũ ở quê nội. Trên tinh thần, hai sự việc có thể mang ý nghĩa như nhau, nhưng trên thực tế, việc tìm mộ ông ngoại tôi, chắc chắn không giản dị.

Ông ngoại mất khi mẹ mới mười bốn tuổi. Mẹ không hề có được một tấm hình của ông, nhưng lạ thay, tôi vẫn thường tưởng tượng được ông ngoại qua những mẩu chuyện mẹ kể.

Ông ngoại tôi là một, trong những người sáng lập ra công ty rượu Văn-Điển, cung cấp rượu cho hầu hết miền Bắc. Ông theo Tây học, đã từng xuất ngoại học ngành quản trị xí nghiệp ở Paris. Dầu thế, ông vẫn không qua khỏi những cố tục ở quê nhà. Bà ngoại tôi là vợ chính thức do sự sắp xếp của đôi bên gia đình, nhưng chưa hề có một tờ hôn thú cũng như chưa hề theo ông ra tỉnh. Bà ngoại tôi ở quê đủ bốn mùa nắng mưa, đủ hai mùa cây cối, bình an thanh thản. Ông cứ đi Tây đi Tàu, cứ ở Hà-Nội, Hải-Phòng, Nghệ-An, Hà-Tĩnh... bao giờ ông ghé về quê thì bà lại tất tả bắt gà vịt nấu nướng, hái những cây trái tươi tốt nhất trong vườn mời ông nếm thử ...

Đời làm vợ của bà ngoại tôi chỉ có thể nhưng ngoại tôi an vui lắm. Mẹ tôi cho rằng ngoại an vui vì ngoại không hề biết đòi hỏi.

Ông ngoại tôi chu du khắp nơi rồi cũng trở về Hà-Nội. Ông cưới bà vợ hai để hy vọng có con trai, với sự đồng ý của gia đình, vì bà ngoại tôi chỉ có hai con gái là bác Xuân và mẹ tôi. Bà vợ hai của ông là dân tỉnh thành nên từ hình thức đến nội dung, bà hoàn toàn khác hẳn bà ngoại tôi. Điều đó khiến bà ngoại tôi rất vui mừng vì yên lòng ông đã có người tương xứng cận kề bầu bạn.

Việc ông ngoại tôi cưới vợ hai, hầu như chẳng ảnh hưởng gì nhiều tới gia đình, trừ mẹ tôi. Đây là một khúc quanh đau thương của mẹ. Một năm, sau khi về làm bạn với ông tôi, bà vợ hai đề nghị đưa mẹ tôi lên tỉnh. Bà nói rằng, con gái học chữ tới lớp ba là đủ rồi, phải lên tỉnh để bà dạy buôn bán, nội trợ ...

Với tâm hồn đôn hậu, chất phác, bà ngoại đưa mẹ tôi lên tỉnh để mẹ tôi được ở gần bố và được dì ghẻ dạy dỗ những điều thiết thực hơn. Bà ngoại tôi không bao giờ ngờ -và ngay cả ông ngoại tôi cũng không bao giờ biết - rằng trong ngôi nhà nguy nga kia, với năm, bảy kẻ hầu người hạ, mẹ tôi đã bị đầy đọa thế nào. Tuổi thơ của mẹ tôi là những lời chửi rửa tục tằn, những trận đòn vô lý. Chị bếp nếm muối quá tay, mẹ cũng bị lôi ra đánh vì “Mày mãi chơi ở đâu, sao không trông chừng con bếp nấu nướng ? “. Anh làm vườn vô ý để gãy nhánh hải-đường, mẹ cũng bị một trận roi mây vì “ Mày không biết nhắc nhở thằng Cán là phải nhẹ tay hả ? “....Như thế, tuổi thơ của mẹ tôi là từng chuỗi dài sợ hãi, hồi hộp từng phút từng giây không biết lúc nào, chuyện gì xảy ra , ở đâu, và roi mây từ tay người dì ghẻ sẽ ráng xuống như mưa rào. Trong những cơn mưa rào ấy, mẹ chỉ có thể làm được hai việc là khóc và xin lỗi bà dì ghẻ. Khóc là phản ứng tự nhiên của thể xác, vì bị đòn đau, nhưng xin lỗi bà dì ghẻ thì cho đến bây giờ, mẹ tôi cũng không hiểu tại sao phải xin lỗi.

Mỗi khi mẹ tôi kể chuyện cũ, tôi thường tức giận mà hỏi, sao mẹ tôi không mách ông ngoại. Thật là tội nghiệp, mẹ tôi sợ bà dì ghẻ tới mức nếu mách ông mà bà ta biết được, chắc bà ta sẽ cầm dao phay, chặt mẹ ra từng khúc !!!.

Thế nên, hơn bảy năm trời sống gần bố là hơn bảy năm sống trong địa ngục . Những người thương yêu và che chở cho mẹ tôi chính là bà bếp, anh làm vườn, chú tài xế, con sen ...Nhưng họ cũng chỉ là tôi tớ trong nhà, họ có

nhận hết lỗi lầm của họ thì mẹ tôi cũng vẫn bị đòn. Họ chỉ còn biết xót xa, lấy dầu xoa bóp cho mẹ sau mỗi trận mưa roi ...

Thời thơ ấu tôi tắm,đau đớn này của mẹ, tôi có viết ngàn trang cũng chưa hết. Tôi chỉ gọi lên một phần nhỏ để phác họa về những bối cảnh quanh ông ngoại tôi. Ông là mẫu người có đầy đủ tất cả trong xã hội , từ tiền tài danh vọng tới vợ đẹp con ngoan. Vậy mà, thảm kịch đã đến khi mẹ tôi mới mười bốn tuổi.

Thảm kịch này chỉ một mình ông ngoại tôi biết nguyên nhân, và cái nguyên nhân ấy đã theo ông xuống lòng đất lạnh.

Mùa hè Hà-Nội, trời nóng và khô. Hè cũng là mùa có nhiều cây trái ngon nhất trong năm. Nhưng ông ngoại tôi không thích gì ngoài chuối tiêu. Ông có thể ăn cả nải chuối một lúc nếu bữa cơm nào nhắm món không được vừa ý. Mẹ tôi biết thế, lúc nào cũng chọn những quả chuối chín vàng, thơm ngon nhất, để sẵn trong phòng ông.

Hôm đó là ngày 17 tháng 8 năm 1936, ông gọi chú tài xế đến sở đón ông về sớm hơn mọi ngày. Thấy ông tôi về sớm, mẹ tôi vội vã chạy lên lầu, chuẩn bị phòng tắm để ông đi tắm cho khỏe. Bà dì ghẻ thì đang bận rộn với mấy người hàng xóm, vừa gánh những mẹt cơm ngon nhất mùa tới theo lời bà dặn.

Mẹ tôi lo phòng tắm cho ông tôi xong, chạy xuống nhà bếp xem chị bếp đang nấu món gì. Mẹ xất chưa xong mấy củ su hào thì chợt nghe từ trên lầu, một tiếng nổ chát chúa như tiếng súng. Chị bếp nghĩ là mấy đứa trẻ hàng xóm lại rình rập bắn chim bằng nã, những viên sỏi lớn bằng ngón tay cái thường rơi lộp độp trên mái bếp.

Mẹ buông su hào, chạy lên phòng ông ngoại. Mẹ không tin tiếng động vừa rồi là tiếng sỏi bắn chim.

Cửa phòng ông ngoại tôi chỉ khép hờ. Mẹ run giọng, gọi khẽ :

-Thầy ơi !

Không có tiếng ông ngoại tôi trả lời, mẹ đẩy nhẹ cửa, bước vào.

Ông ngoại tôi nằm vắt nửa người trên giường, nửa người như nhòai xuống đất. Khẩu súng lục văng trên nền đá hoa, máu loang đỏ cả tấm khăn phủ giường màu trắng...

Mẹ tôi không thể nhớ nỗi đã sợ hãi, đã đau đớn đến thế nào, cũng không thể nhớ đã chết lặng trước thi hài ông bao lâu. Chỉ biết khi mẹ đủ sức vùng chạy xuống nhà, bà dì ghẻ vẫn đang kỳ kèo thêm bớt với bà hàng xóm. Mẹ vừa nấc, vừa lấp bắp nói:

-Thầy ...thầy...chết ... rồi ...

Dù hốt hoảng, bà vẫn theo thói quen, giơ tay giáng hai cái tát nẩy lửa hai bên má mẹ, quát lên:

-Mày nói gì nhảm nhí thế, hả con chết bầm ?

Mẹ đã từng bị đánh chửi oan ròn rã bấy, tám năm trời nhưng chưa bao giờ mẹ cảm thấy uất ức, thù ghét, khinh miệt bà dì ghẻ như phút giây đó. Có lẽ, trong tiềm thức, mẹ cảm lạnh, nhịn nhục vì yêu thương ông ngoại. Nếu ông biết mẹ bị dì ghẻ hành hạ, ông sẽ buồn và gia đình sẽ xào xáo. Ông vừa chết rồi, sự nhịn nhục bấy lâu như ùa vỡ. Mẹ nhớ rằng, mẹ bỗng cảm thấy cứng cõi, mạnh mẽ. Mẹ nhìn thẳng bà dì ghẻ, và, lần đầu tiên trong đời, mẹ dám đổi cách xưng hô:

-Tôi nói, thầy tôi chết rồi, vừa chết rồi, bà nghe chưa ?

Mở lớn mắt, thực sự hốt hoảng, bà dì ghẻ vụt chạy lên lầu.

Hầu như bao nhiêu sức lực của mẹ chỉ có chừng ấy. Mẹ khóc nức lên rồi ngất xỉu.

Cái chết của ông ngoại tôi như thế. Đây tức tưởi, đây nghi vấn, nhưng theo lời mẹ tôi, trong gia đình không ai dám tỏ lộ niềm nghi hoặc.

Đám tang ông ngoại tôi lớn lắm. Ngoại họ hàng thân thuộc, bè bạn khắp nơi, phủ Toàn Quyền Đông Dương cũng cử phái đoàn tới phân ưu. Ai cũng tiếc rằng một người đang có đầy đủ hết mọi thứ trên đời như ông ngoại tôi, sao lại vì, buồn chuyện chi mà tự sát !!!.

Ông ngoại tôi được mai táng ở nghĩa địa Bạch Mai, tỉnh Hà-Nội.

Ngay sau tang lễ, mẹ tôi trở về quê sống với bà ngoại tôi.

Trong sáu chị em tôi, có lẽ chỉ có tôi là thỉnh thoảng lại thắc mắc về cái chết của ông. Mỗi tuổi, sự thắc mắc của tôi mỗi lớn dần. Nhưng tôi không biết

hỏi ai ngoài bà ngoại và mẹ. Bà ngoại tôi thì không sống gần ông, lại quá chất phác, còn mẹ tôi, khi thảm kịch xảy ra mẹ chỉ là một cô bé yếu đuối, nhút nhát. Cả hai người không giúp gì nhiều cho tôi với những dấu hỏi mà, đối với tôi, phải có một giải đáp thích đáng.

Tôi cũng thực sự không hiểu tại sao tôi cứ bận tâm về cái chết của ông ngoại như thế. Mỗi năm, đến ngày giỗ ông, tôi lại còn ngớ ngẩn xin ông linh thiêng phù hộ cho tôi biết được nguyên do nào khiến ông phải tự sát tức tưởi như thế. Ở thế giới nào, ông có cảm động về những bản khoản của đứa cháu mà ông chưa từng biết đến hay không ?.

Một lần, tôi mua tặng mẹ chiếc vòng hồ phách. Mẹ tôi ngắm nghía, mỉm cười. Tôi sung sướng hỏi:

-Mẹ thích không ?

Thật bất ngờ, mẹ tôi trả lời:

-Thích. Chiếc vòng này làm mẹ nhớ ông ngoại cô. Ngày xưa ông cũng cho mẹ chiếc vòng tương tự như chiếc này khi ông đi Nam-Kinh về.

Tôi ngạc nhiên:

-Nam-Kinh ? Bên Tàu ? Ông đi Tàu về ?

-Ừ, ông đi Tàu luôn.

-Sao mẹ nhớ được cái tên Nam-Kinh ? Sao con không bao giờ nghe mẹ nói đến ?

Mẹ tôi lại mỉm cười:

-Cô có hỏi đâu mà mẹ nói. Còn mẹ nhớ được tên Nam-Kinh vì khi ông ngoại cô đưa chiếc vòng cho mẹ, ông bảo là những người cùng đi với ông nói, vòng hồ phách đẹp nhất chỉ có ở Nam-Kinh.

Tôi không dấu được sự hồi hộp:

-Mẹ còn giữ không ?

Mẹ tôi thở dài:

-Mẹ chỉ được đeo có một ngày hôm đó. Bà dì ghẻ bảo tháo ra đưa bà giữ cho kéo mắt. Thế là mẹ mất luôn từ đó.

Câu chuyện chiếc vòng hồ phách cho tôi hy vọng có thể có thêm dữ kiện về cái chết của ông. Điều khó là tôi không biết mẹ tôi biết những gì để hỏi, và nếu tôi không biết hỏi, mẹ tôi cũng không bỗng dưng nhớ để nói ra.

Một lần khác, chở mẹ trên xa lộ, mẹ tôi bảo:

-Cô lái xe nhanh quá, coi chừng bị phạt đấy.

Tôi giảm tốc độ rồi cười với mẹ rằng:

-Lái xe nhanh cũng thú lắm, nếu con có tiền cũng không mượn tài xế đâu. Ngày xưa các cụ con nhà giàu đều có tài xế riêng, chắc chẳng cụ nào biết lái xe, mất một cái thú trên đời.

Mẹ tôi buột miệng:

-Ông ngoại cô biết lái xe đấy chứ, nhưng lần đó, lái thế nào lại đâm vào xe của ông Toàn Quyền người Pháp.

-Trời, tài xế đâu mà ông ngoại phải lái xe ?

-Chẳng hiểu sao ông ngoại cô cho tài xế nghỉ hôm đó. Buổi sáng ông lái xe đi, nhưng trưa không thấy về ăn cơm mà mãi tận chiều tối mới thấy ông. Mẹ nghe lồm bồm ông nói với bà dì ghẻ là lỡ đụng phải xe ông Toàn Quyền trên dốc đê Yên-Phụ. Khúc quanh đó nguy hiểm lắm, lại không phải là đường ông ngoại cô đến công ty. Không biết ông đi đâu. Ông Toàn Quyền người Pháp không sao nhưng hai chiếc xe đều bị vỡ đèn và móp méo. Rồi ông ngoại cô phải tới ty cảnh sát khai báo và làm mọi thủ tục rắc rối.

Mẹ tôi nói lại mẩu chuyện cũ bằng một giọng bình thản, nhưng tôi cảm thấy tim mình như đập loạn nhịp khi mẹ nói thêm rằng tai nạn đụng xe chỉ mới ba ngày trước khi ông tự sát.

Hôm đó, ngay khi về tới nhà, tôi lao vào phòng, lục kệ sách, tìm cuốn sử về cuộc cách mạng cận đại những thập niên ba mươi, bốn mươi. Tôi đọc được những giòng "...Tháng tám năm 1934, tại Nam-Kinh, các nhà cách mạng Vũ hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần, Hồ Học Lãm cùng các đại biểu Việt Nam Quốc Dân Đảng đến từ Xiêm, Quảng Tây và từ trong nước ra để bí mật

chuẩn bị hội nghị. Hội nghị này nhằm kết hợp anh em cách mạng tất cả các đảng phái thành một tổ chức duy nhất, gom sức chống ngoại xâm”

Tôi đã ngồi lặng nhiều buổi, kết nối những sự việc ít ỏi mà tôi biết được về ông ngoại để tìm cho riêng mình một lời giải đáp. Với tôi, ông là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng đã từng bôn ba nhiều lần sang Côn Minh, Nam Kinh bên Tàu để gặp các nhà cách mạng lưu vong, hầu tìm một giải pháp tranh đấu cho nền độc lập của xứ sở. Ở một thời điểm đúng, cho một sứ mạng nào đó, ông đã cho anh tài xế nghỉ việc để tự mình lái xe, đâm vào xe của viên Toàn Quyền. Việc không thành như mưu định, ông phải tự giải quyết bằng phát súng định mệnh để khỏi liên lụy anh em khác. Đó là cách giải quyết mà tôi thường đọc thấy trong sử liệu về các nhà cách mạng của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Gạn lọc nhiều giả thuyết, tôi vẫn không tìm được kết luận nào tương đối có thể chấp nhận được hơn. Có điều lạ là từ khi tự tìm cho mình lời giải đáp đó, mỗi lần giỗ ông ngoại, lòng tôi không còn ray rứt nữa. Tôi hãnh diện được có ông ngoại, một người không cúi đầu trước ngoại xâm, không hèn nhát ích kỷ hưởng phú quý sang giàu mà quên mối nhục của người dân bị trị.

Hơn sáu mươi năm đã trôi qua. Mẹ tôi, nay da đã mồi, tóc đã bạc, cố trở về quê xưa một lần tìm lại mộ cha dù không có một chi tiết nào hơn ngoài bốn chữ: nghĩa địa Bạch-Mai, nhưng nghĩa địa này đã bị san bằng từ nhiều năm qua !!!.

Vậy mà, như phép lạ, mẹ tôi tìm đến được người giữ sổ nghĩa địa năm xưa. Họ nói rằng, có thông báo trước khi san bằng, để ai có thân nhân thì lo dời đi. Theo sổ sách, mộ ông ngoại tôi đã được dời lên nghĩa trang Tân-Kỳ thuộc Sơn-Tây, do một người ở Thịnh-Hào, thuộc Ô Chợ Dừa đảm trách. Họ cho mẹ tôi địa chỉ người ở Thịnh Hào.

Khi mẹ tôi tìm đến, gia đình này đã dọn đi khỏi từ hai năm nay, chủ nhà mới không biết họ đi đâu...

Cùng với hai người cô bên ngoại, mẹ tôi ôm gói nhang đèn, vừa khóc vừa leo lên đồi khu nghĩa trang Tân-Kỳ tìm ngôi mộ số 16, khu E dãy 14 ...

Trên ngọn đồi lộng gió, những ngôi mộ trắng, mấp mô, nằm im lìm giữa những bụi gai dại, những lùm hoa vàng anh, hoa nghệ tím, xen lẫn dăm góc hoa dừa trắng đỏ, lay động trong làn gió se lạnh...

Khi người cô nói: <Đây rồi !!>, là lúc mẹ tôi quy xuống như một tàu lá trong cơn bão lớn. Sáu mươi năm, mẹ tưởng như chớp mắt, dù cuộc đời đã trải qua bao cảnh bể dâu ...

Tấm bia cổ nguyên thủy trên mộ ông ngoại được người đời mộ mang đi theo việc cải táng lên nghĩa trang Tân-Kỳ, mẹ tôi còn nhận ra được. Tấm bia ghi tên ông và những giòng chữ bằng tiếng Pháp:

CI GIT
Trần Quang Vinh
Decede Le 17 Aôut 1936

Trước khi rời Việt Nam, mẹ tôi đã xây lại mộ ông ngoại. Tấm bia mới được ghi:

Thầy Trần Quang Vinh
Mất ngày 17 tháng 8 năm 1936
Tại Hà-Nội

Góc phải tấm bia, mẹ gắn miếng đồng nhỏ tôi đã làm sẵn đưa mẹ. Miếng đồng chỉ khắc bốn chữ: Vị Quốc Vong Thân.

Linh linh ngọc.

---o0o---

TÂM HƯƠNG TÁI ĐẠO

Xe chạy vào đường núi. Nắng đã lên. Tin thời tiết báo, hôm nay có mưa. Vậy mà, nắng đã lên kìa. Nhìn quanh quất, chẳng thấy bóng mây đen mây xám nào. Nhưng dẫu mưa, hôm nay tôi cũng phải lên núi. Tôi phải gặp Ông Thầy, thiền sư Tịnh-Mặc. Tôi phải gặp ông, không vì những huyền thoại quanh ông. Tôi cần gặp ông vì một chuyện riêng của tôi. Chuyện riêng của tôi mà tôi lại phải tìm gặp một ông thầy tu tôi chưa từng gặp bao giờ. Tôi cảm thấy hơi lúng túng. Nhưng sự tình chắc không mấy khó khăn vì mỗi cuối tuần, rất đông Phật tử quanh vùng lên núi sớm để được cùng đi thiền hành với ông. Tôi sẽ nhập vào đoàn người rồi chờ dịp, thưa với ông điều tôi muốn hỏi.

Tôi nghe nói về ông, cũng như rất nhiều người đã nghe. Thoạt đầu, đồng bào quanh đó biết, có một ngôi chùa sâu trong núi, ở đó, chỉ có một thiền sư già và một đệ tử, nhưng họ chưa được gặp. Rồi một sáng, dăm người tình cờ thấy hai thầy trò lặng lẽ thiền hành quanh đường núi nên họ đi theo để biết chùa mà có dịp lễ bái, cúng dường. Trong khi thiền hành, thiền-sư tuyệt đối không nói gì. Có lẽ vì vậy, ông có Pháp danh là Tịnh Mặc chăng ?. Chỉ thầy Tuệ-Đặng, đi sau thiền sư khoảng ba bước, là đành miễn cưỡng trả lời những câu hỏi của nhóm người đi theo họ mà thôi. Cũng nhờ thầy Tuệ-Đặng mà nhóm người đầu tiên lên chùa biết được vài điều, rằng thiền sư đang giành trọn thì giờ để dịch Kinh, viết sách. Kinh điển, hoặc còn nhiều bài tiếng Phạn, hoặc một số đã dịch, nhưng gò bó theo văn tự xưa khiến đa số Phật tử, tụng mà chẳng hiểu mình đang tụng cái gì. Điều đó sẽ hoàn toàn vô ích, chẳng giúp người Phật tử thấy nổi một lần sáng nào trước cánh cửa vô minh vốn đã từng sừng sững hiện diện, che mờ Phật tánh và trí tuệ của con người.

Ngoài dịch Kinh, viết sách, thỉnh thoảng, thiền sư cũng nhận lời đi thuyết giảng khắp nơi, nhất là ở các Đại-học, với những đề tài nhằm đem chất dinh dưỡng cho đời sống tâm linh trước môi trường xã hội ngày càng đảo điên, tan nát. Nơi nào mời thì cho biết trước thời hạn và lo việc đưa đón hai thầy trò. Việc đi thuyết giảng đó đây cũng là nguồn lợi tức chính, giúp hai thầy trò yên ổn lo Phật sự.

Khi nhóm Phật tử đầu tiên theo lên chùa, thiền sư nói một bài thuyết pháp ngắn, đề tài “Tình thương và sự hiểu biết”. Đề tài cũ kỹ nhưng ý niệm thực sự về tình thương và sự hiểu biết mà thiền sư vạch ra thì hoàn toàn mới mẻ. Người ta cứ tưởng thương nhau là cho nhau cái nọ cái kia, mà quên điều tối quan trọng là những thứ đó, người nhận có thực sự cần thiết, có thật sự mong mỏi không, hay đó, đôi khi lại chính là điều đau khổ khi phải nhận. Thành ra, khi cho như vậy, dầu tặng phẩm là vật chất hay tinh thần, người cho đã cho chính họ. Bởi vì, cái họ đem cho chỉ là đẹp, là tốt theo họ nghĩ mà thôi, chứ họ đâu có quan tâm để hiểu biết gì về nhu cầu của đối tượng. Người đang đói, cần chén cơm chứ không phải bó hoa rực rỡ. Người đang đau buồn, cần lời an ủi chứ không phải tiếng nhã nhạc rộn ràng. Cho nên, tình thương chỉ thực sự đẹp đẽ khi tình thương đi đôi với hiểu biết.

Sau buổi thuyết pháp bất ngờ đó, đồng bào quanh vùng biết đến chùa, gọi nhau cuối tuần lên núi lễ Phật mỗi ngày mỗi đông khiến thiền sư phải thu xếp thì giờ dịch Kinh để mở những buổi Pháp thoại cho đồng bào.

Khi thấy người bản xứ tò mò theo Phật tử lên chùa, thiền sư mỉm cười. Buổi đó, ông thuyết giảng bằng tiếng Anh. Sau mỗi câu, thầy Tuệ-Đặng phiên dịch liền ra tiếng Việt. Buổi Pháp thoại đó làm mọi người sùng sốt về kiến thức uyên thâm của hai thầy trò.

Từ đây, mỗi cuối tuần, đường lên núi thật vui vẻ, náo nhiệt. Người ta gặp nhau, cúi đầu chấp tay, miệng nói: A Di Đà Phật. Người bản xứ cũng nói thuần nhuyễn bốn tiếng mẫu nhiệm ấy. Họ rỉ tai nhau cũng nhanh lắm. Cái tin, một ông thầy tu già, người Việt Nam, có thể thuyết pháp bằng tiếng Anh với những đề tài rất thực tế và mới lạ, lan truyền khắp vùng. Và họ lên chùa, chờ nghe Pháp thoại mỗi tuần mỗi đông. Thiền sư lại phải dung hoà, một tuần giảng tiếng Anh, một tuần giảng tiếng Việt. Dĩ nhiên, thầy Tuệ-Đặng vẫn là thông dịch viên xuất sắc dù Thiền sư giảng Pháp bằng ngôn ngữ nào.

Do nhu cầu, Phật tử tự động phân công tác dọn dẹp, nấu nướng. Họ còn góp công, đào một hồ nhỏ, thả hoa sen. Người bản xứ thì gọi nhau, quyên góp, cất một thiền đường khá thơm mát để mọi người có nơi ngồi nghe Pháp. Đã có mấy người bản xứ xin theo thiền sư tu học nhưng ông bảo, chưa thuận tiện, chỉ mới chấp nhận làm lễ qui y cho họ.

Ngay sau lễ qui y, họ quỳ trước thiền sư, cúi đầu, chấp tay, và đồng loạt nói lên ba tiếng Việt-Nam:

-Tạ ơn Thầy.

Không biết họ học ở đâu. Phật tử Việt-Nam cảm động, sụt sịt khóc, xin được như họ, gọi thiền sư là Thầy vì tiếng Thầy nghe đầm ấm, gần gũi biết bao !. Từ đây, ít ai nhắc tới Pháp danh của thiền-sư, mà chỉ gọi ông bằng tiếng <Thầy> thân thương. Và để không lẫn lộn danh từ Thầy, họ đã gọi thầy Tuệ-Đặng là Sư Chú. Từ đây, cũng không mấy ai nhắc đến Pháp danh Tuệ-Đặng nữa.

Mới đây, người ta ghi nhận hiện tượng, không chỉ người bản xứ nam giới tới xin qui y mà số nữ giới cũng đang gia tăng đáng kể. Nhìn những người nữ tóc vàng mắt xanh, thành khẩn quỳ mọp trước bệ Phật, chăm chú nghe Thầy tuyên đọc giới luật trước khi được Thầy cho Pháp danh, Phật tử Việt Nam hoan hỷ lắm. Họ nói, Thầy đang mang Đạo Phật chinh phục phương Tây. Và niềm yêu kính của họ đối với Thầy ngày càng tăng.

Vậy mà, ở cách tỉnh chỉ hơn mười dặm, tôi đã thờ ơ đến mức chưa bao giờ lên chùa. Nay có việc riêng cần hỏi mới đi tìm Thầy. Tôi tự bào chữa, mình

chưa phải là Phật tử, mình chỉ theo Đạo Ông Bà. À, không ổn, bào chữa thế này chỉ đáng xấu hổ hơn, vì những người bản xứ kia, họ đâu chỉ chưa phải là Phật tử. Họ còn không phải là người Việt-Nam nữa !. Vậy mà tiếng chuông chùa màu nhiệm đã dẫn dắt họ đi tìm Thầy, tìm Đạo. Cái mặc cảm <đáng xấu hổ> khiến con đường lên núi như cam go hơn, mệt nhọc hơn. Khi thấy được bóng chùa, tôi thở giốc, tưởng sắp đứt hơi. Nhưng lạ, sao quanh chùa không một bóng người ?. Lẽ ra giờ này phải đông lắm rồi chứ ?.

Còn đang ngỡ ngác thì từ triền núi bên trái, một đoàn người đang đi lên. À, thì ra tôi đã tới trễ quá !. Mọi người đi thiền hành vòng quanh núi với Thầy từ sáng sớm, đang trên đường về lại chùa. Đoàn người đi thành hàng ngang, ít nhất khoảng mười người mỗi hàng. Mắt tôi như dán vào hàng đầu tiên mà người đi giữa, tôi chắc đó là Thầy. Trong bộ y màu nâu, Thầy nhỏ bé, nhu hòa, bước chậm rãi mà tỏa sáng bao an nhiên tự tại. Thầy nắm tay hai em bé đi hai bên. Hình như Thầy mỉm cười, cái mỉm cười tôi thường thấy phảng phất trên môi các tượng Phật.

Đoàn thiền hành từ triền núi tiếp tục đi lên. Đông quá. Tới hàng mấy trăm người. Vậy mà không có những tiếng động thường có của đám đông. Bước chân của mấy trăm người đó cũng chậm rãi, an nhiên tự tại như Thầy, và nụ cười thâm lặng trên môi họ phải là sự tỏ bày niềm hạnh phúc chan hòa trong lòng.

Trong phút giây, tôi cảm thấy như cả một không gian đầy hoan lạc, tinh khôi và thơm ngát dịu dàng trùm phủ quanh mình. Tôi đứng lặng, bất động bên khóm trúc, tận hưởng niềm hạnh phúc thanh thoát với lòng biết ơn sâu sa. Tôi chưa từng được diện kiến Thầy, chưa từng được nói với Thầy một lời mà tôi đã mang ơn Thầy rồi. Niềm hạnh phúc bất ngờ tôi đang có đây chẳng phải từ Thầy ư ?.

Tới bên hồ sen, Thầy dừng lại, chờ mọi người lên đủ. Có lẽ đây là điểm kết thúc buổi thiền hành. Thầy và Sư chú đi chậm về bên trái hồ sen. Mọi người tan hàng, nhưng hình như họ đang đi vào thiền đường, ở bên phải.

Không biết lịch trình thế nào nhưng tôi sực tỉnh, nhớ tới mục đích mình lên chùa hôm nay, bèn vội vã chạy theo hướng Thầy và Sư chú. Mới chạy vài bước, tôi đã ý thức ngay sự náo động của mình. Mấy trăm người vừa theo Thầy thiền hành kia, không ai hấp tấp, ồn ào cả. Dù không có Thầy, họ cũng đang đi vào thiền đường bằng những bước chân rất thông dong, thoải mái. Tôi thở vào một hơi thật dài để trấn tĩnh, và tuy không chạy nữa nhưng tôi

vẫn phải bước nhanh để kịp gặp Thầy trước khi Thầy bước qua cổng tịnh thất. Chắp hai tay trước ngực, tôi cung kính:

-Thưa Thầy

Sư chú đang đi sau Thầy, bỗng bước mấy bước dài, đứng giữa tôi và Thầy như ý ngăn tôi lại. Thầy mỉm cười, nói với Sư chú:

-Không sao.

Bất giác, tôi quỳ xuống, thôn thức:

-Thưa Thầy, đây là lần đầu tiên con được gặp Thầy ...

Thầy đưa tay ra, ý muốn bảo tôi hãy đứng lên. Nhưng lòng đã tràn ngập kính yêu, tôi vẫn quỳ trên nền đất ẩm.

-Con có chắc không ?

-Thưa Thầy ...

Có lẽ, đoán tôi không hiểu, Thầy nói rõ hơn:

-Con có chắc con mới gặp Thầy lần đầu không ?.

Tiếng chuông từ đâu bỗng ngân lên. Sư chú nói:

-Thí chủ có muốn nghe Thầy thuyết pháp thì hãy tới thiền đường. Chuông báo để chuẩn bị rồi đó. Thầy cần nghỉ ngơi dăm phút trước khi Pháp thoại.

Thầy bước qua chiếc cổng tre. Sư chú theo sau. Bóng hai chiếc áo nâu khuất sau cửa tịnh thất...

Suốt buổi Pháp thoại của Thầy, tôi không nắm vững được gì !. Ở một góc, cuối thiền đường, tôi ngồi thu người lại như con chim trốn tuyết. Tôi chưa hòa nhập được với mấy trăm người quanh tôi. Ngồi đó, tôi đã dùng thị giác nhiều hơn thính giác. Tôi chỉ chăm chú nhìn Thầy, thế ngồi kiết già trầm tĩnh, cử chỉ khoan thai, nụ cười nhân ái ...

Buổi Pháp thoại hơn hai tiếng đồng hồ mà không một ai bỏ dờ, không một động tác nào làm xao động không khí thanh khiết trong thiền đường. Buổi Pháp thoại chấm dứt rồi mà tôi còn ngồi yên trong góc.

-Mời thí chủ theo tôi.

Ngược nhìn Sư chú, tôi ngạc nhiên, nhưng cũng quơ vội chiếc cặp da, đứng lên.

Trên lối về tịnh thất, Sư chú hỏi:

-Thí chủ muốn gặp Thầy phải không ?

Tôi lại hấp tấp:

-Dạ phải ...Dạ phải ... Thầy biết tôi muốn xin gặp Thầy, hả Sư chú ?

Sư chú mỉm cười hòa nhã khi bước qua chiếc cổng tre. Tôi tự dặn lòng phải từ tốn, khoan thai.

Mở rộng cánh cửa tịnh thất, Sư chú cúi đầu, chấp tay:

-Thưa Thầy

Rồi lui qua một bên, ra dấu cho tôi bước vào.

Thầy ngồi sau một chiếc bàn gỗ đơn sơ, bên cửa sổ. Trên bàn chỉ có một tách nước.

-Thưa Thầy ...

-Con ngồi xuống đây.

Tôi khép nép ngồi xuống chiếc ghế đối diện, và nghe nhịp tim mình đập loạn...

-Con tìm Thầy vì điều chi ?

Ánh mắt dịu dàng như đang nhìn suốt tâm can tôi. Hình như Thầy hỏi chỉ để mà hỏi. Hình như Thầy đã biết hết tấm lòng của thế gian này, tôi còn quanh co làm chi nữa !.Nghĩ thế, tôi nói ngay:

-Thưa Thầy, con thật mong ước được biết đôi chút về Cư-sĩ Nhất Tâm ở chùa Phổ Đà, Bình Dương.

Tay Thầy đang nâng tách trà, chưa kịp đưa lên môi, lại chậm rãi đặt xuống. Trong khoảnh khắc lặng lẽ, hình như chỉ còn âm thanh hai tiếng <Nhất Tâm> thoảng trong gió núi. Một lát, giọng Thầy thật nhẹ:

-Sao lại tìm Thầy mà hỏi ?.

Thật là tệ hại !. Điều đáng nói trước thì không nói, lại nói điều sau cùng...Lỡ đảo ngược rồi, bây giờ biết bắt đầu từ đâu ?. Mà thật ra, việc đi tìm gia thế một cư-sĩ không có liên hệ xa gần gì với mình, chưa từng gặp, chưa từng biết, lại đang ở cách xa nửa trái địa cầu thì, tự sự việc đã quá ư mơ hồ rồi. Chỉ vì cuốn sổ điện thoại nhỏ của mẹ, ở vắn T, có mấy giòng “Cư sĩ Nhất Tâm, chùa Phổ Đà Bình Dương, con trai TT Trần Phú ???”.

Mẹ không còn nữa, tôi biết hỏi ai ?. Mà dẫu còn, chắc mẹ cũng chẳng biết, vì chính mẹ vẫn để ba dấu hỏi lớn sau hàng chữ đó.

Tuần trước, tình cờ gặp một Phật tử hay lên chùa. Bà ta nói dăm câu chuyện về Thầy, san sẻ lòng ngưỡng mộ với những người nghe. Trong dăm câu chuyện đó, có câu “Thầy xuất gia từ nhỏ, tại một ngôi chùa cổ ở Bình Dương. Nay Thầy vẫn thường gửi tiền về chùa cũ để chùa mở lớp học, dạy trẻ con nhà nghèo ...”.

Bình Dương có bao nhiêu ngôi chùa ? Thầy đi tu từ nhỏ, nếu chẳng phải chùa Phổ Đà thì chắc Thầy cũng biết chùa ở đâu. Và nếu biết chùa Phổ Đà, liệu Thầy có biết cư sĩ Nhất Tâm, cậu bé bảy tuổi, được người bác họ mang tới chùa Phổ Đà, gửi gắm sư cụ vào cuối năm 1975, ngay sau khi mẹ cậu vừa được họ hàng chôn cất ? Nhưng nếu Thầy rời quê hương vào đúng thời điểm đó thì chắc Thầy cũng chẳng có cơ duyên biết về cậu bé mồ côi, mà nay là cư sĩ Nhất Tâm...

Tất cả mọi sự đều mơ hồ đến thế, mà tôi dám lên đây, tìm Thầy để hỏi !. Bao nhiêu niềm tự tin, cứng cỏi, bỗng chốc tiêu tan và nước mắt bắt đầu rơi trên tà áo dài lụa trắng ...

Sư chú bước vào phòng với một tách trà cho tôi rồi lại lui ra. Thầy bảo:

-Hãy uống trà đi, hãy uống trong chánh niệm, cả thân và ý chỉ tiếp xúc với vị trà, không gì khác nữa. Nào !.

Thầy nâng tách trà lên bằng hai tay, từ tốn đưa lên môi, nhấp một ngụm nhỏ. Đặt tách xuống, Thầy thở nhẹ, và nhắm mắt. Tôi ngoan ngoãn làm theo.

Thân và ý chỉ tiếp xúc với vị trà, không gì khác nữa... Tâm hồn tôi như đang lướt trên mặt hồ sen thơm ngát, ở đây, những bông sen đầu mùa đang hé cánh hồng đào, ngào ngạt hương. Hương sen đó, giờ đang quyện trong trà này, thành thân dược, lặng lẽ đẩy lui những thỗ thức, u uẩn trong lòng tôi. Ôi, bài học đầu tiên Thầy cho tôi thật nhẹ nhàng mà mầu nhiệm quá !. Tôi đã bình tĩnh và nhất là, đã biết bắt đầu từ đâu, để thưa với Thầy về câu chuyện của mình. Câu chuyện chưa một lần hai mẹ con tôi nói ra với ai. Đó là cái chết của cha tôi.

Tuần lễ cuối tháng ba năm 1975, sư đoàn 22 Bộ Binh thuộc Quân Đoàn II của quân lực VNCH được lệnh rút lui về Qui Nhơn. Lúc đó, cả ba Trung đoàn 41, 42 và 47 đều đang còn giao tranh với Cộng quân trên mặt trận Quốc lộ 19 và phía Bắc Bình Định, cách Qui Nhơn hơn 30 cây số. Rút lui trong khi đang giao tranh ngang ngửa là một cái lệnh bất thường. Và phải chăng, vì bất thường nên đây là cuộc rút quân đẫm máu và tàn khốc nhất. Rút quân qua ổ phục kích của địch !!!.

Suốt hơn 20 tiếng đồng hồ, những chiến sĩ can trường của ba Trung đoàn 41, 42 và 47 đã chiến đấu trong tình trạng không có yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương, không cả liên lạc được với các đơn vị bạn. Với kinh nghiệm chiến trường, họ đều biết, họ đang ở trong những phút cuối của đời binh nghiệp.

Nhưng không một ai đầu hàng.

Khi đó, hậu phương đã tan rã, trước mặt, sau lưng là địch. Họ chỉ còn một con đường duy nhất, con đường mang lời thề Vị Quốc Vong Thân.

Trên tử lộ ngổn ngang xương máu đó, một vị chỉ huy của Trung đoàn 47 đã trúng thương ở chân, lại chợt thấy một thuộc cấp của mình đang hấp hối bên bờ ruộng. Ông quỳ xuống bên đứa em thân yêu. Người chiến sĩ chỉ còn thoi thóp, gương mặt hằn bao nét đau đớn mà ngón tay vẫn để trên cò súng như sẵn sàng tiếp tục nhiệm vụ bảo vệ quê hương. Vị chỉ huy đứng lên, rồi lại ngồi xuống. Làm sao ông có thể đành lòng bước đi, dù đằng trước mặt cũng chỉ là sự chết !. Thế nên, ông đã quỳ xuống, bình tĩnh rút khẩu súng bên mình, giúp người thương binh chấm dứt sự đau đớn. Xong, ông kê súng vào màng tang mình, bấm cò !...

Tất cả cảnh tượng bi hùng chớp nhoáng đó đã tình cờ xảy ra trước mắt một phóng viên chiến trường. Anh nhận diện được cả hai người vì đã một lần

hành quân chung. Và lần cuối cùng này, nhờ chưa bị thương, anh thoát khỏi con đường máu đỏ trong đường tơ kẽ tóc và mang được tin tức về ...

Nặng qua khóm trúc, lung linh từng sợi vàng trên khung cửa sổ. Tách trà đã vơi, lòng tôi đã nhẹ. Tôi chấp tay:

-Thưa Thầy, trong câu chuyện năm xưa đó, người chiến binh đau đớn trong cơn hấp hối là cha của con, và người giải thoát cho cha con, rồi cũng tự sát để bảo toàn khí tiết, có lẽ là cha của cư sĩ Nhất Tâm. Ngày đó con mới ba tuổi, chưa biết gì cả, nhưng mẹ của con thì không ngớt đi tìm tông tích gia đình của ân nhân. Vâng, thưa Thầy, đối với mẹ con, quyết định can trường của vị chỉ huy lúc đó, ngoài sự bảo vệ danh dự cho chính ông, còn là một ân huệ cho cha con, vì trong trạng huống khốc liệt đó, ai đã bị thương thì chắc chắn sẽ chết. Cha con đã được ông chấm dứt sự đau đớn, tuyệt vọng. Mẹ con còn tin chắc rằng sự ràng buộc chưa kết thúc ở tình huynh đệ chi binh giữa hai người cha mà có thể còn tiếp nối giữa hai người mẹ và giữa những người con ...Biết bao công lao dọ hỏi, khi vừa tìm đến nơi thì cậu bé mồ côi đã được người bác họ đem đến chùa gửi, vì không nuôi nổi.

Đó cũng chính là thời gian hai mẹ con của con phải trốn tránh, sống lây lất ở Vũng Tàu, chờ chuyển ra khơi.

Qua tới đây rồi, mẹ con vẫn nhờ người tìm cách xác định về cậu bé mồ côi đó, nhưng giữa bao tang thương biến đổi, việc này không phải dễ. Trong nhiều năm, gom góp hết những tin tức nhỏ giọt, đứt quãng, mẹ con chỉ biết được bấy nhiêu và chỉ mới chia sẻ điều đó với con trong mấy tháng lâm trọng bệnh.

Thưa Thầy, con tìm Thầy hôm nay cũng chỉ là tiếp nối việc làm của mẹ, một việc làm hoàn toàn mơ hồ nhưng lại được thúc đẩy mãnh liệt từ Tình Người...

Thầy bỗng đứng lên, đi về tủ sách ở góc phòng. Mở một ngăn tủ, Thầy cầm ra một phong bì màu vàng. Trở lại ghé ngò, Thầy chậm rãi rút từ phong bì ra một tấm hình cỡ lòng bàn tay, đưa cho tôi. Trong hình là một cậu bé, tóc để chỏm như chú tiểu, đứng giữa hai nhà sư, một già một trẻ. Nhà sư trẻ là Thầy đây, vị sư già chắc là sư cụ trụ trì chùa Phổ Đà. Còn chú tiểu ...Trời ơi !... Hẳn là thế !... Hẳn là đây !...

Không thể cầm lòng, tôi ôm mặt, khóc nức lên. Trong phút giây, tôi như thấy rõ lại cha tôi, người đã ra đi từ năm tôi ba tuổi. Chưa bao giờ tôi thấy được

cha, rõ như phút giây này. Và thấy mẹ. Chưa bao giờ tôi thấy được mẹ có nét vui tươi như phút giây này. Và thấy Nhất Tâm. Chưa bao giờ sự tưởng tượng của tôi về cư sĩ Nhất Tâm rõ nét như phút giây này. Mô Phật, tất cả bao sự mâu nhiệm này từ đâu chợt đến?...Lời Kinh mẹ tụng hằng đêm bỗng thoảng lên như tiếng chuông ngân “Vô thượng phẩm thâm vi diệu pháp. Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ. Ngã kim kiến văn đắc thọ trì. Nguyện giải Như-Lai chơn thiết nghĩa”...

-Thầy biết sẽ có ngày nay vì Thầy đã thấy con rồi. Thầy đã thấy con qua Nhất Tâm. Đừng ngạc nhiên.

Không có gì là thần bí cả. Khi hiểu Đạo hơn, con sẽ biết về hiện tượng Tha Tâm Minh, và sẽ hiểu điều Thầy vừa nói. Bây giờ Thầy cho con biết việc con muốn biết. Đúng, Nhất Tâm đúng là chú bé mà mẹ con đã tìm kiếm bao năm. Chú tới chùa từ cuối năm 75. Giữa tháng bảy năm 80, sư cụ sai Thầy đi cúng vong ở một nhà ven biển. Tay nải đựng kính và chuông mõ do sư cụ soạn sẵn, đeo vào vai Thầy. Nhất Tâm theo Thầy ra tới cổng. Khi đó chú đã mười hai tuổi, thông minh đĩnh ngộ và rất chuyên cần công phu. Chú nắm tay Thầy mà nói:

-Sư huynh cứ đi đi, đệ sẽ trông nom sư cụ cẩn thận như Sư huynh vậy.

Ngờ đâu, buổi cầu vong đó là do sư cụ sắp đặt cho Thầy. Đó chính là chuyên ra khơi của một số Phật tử thân tín với chùa. Lên tàu, mở tay nải ra, chuông mõ không thấy, chỉ là vật dụng cá nhân, thuốc men, tấm hình này và thư của sư cụ giải thích. Sư cụ đã biết chắc, nếu hỏi ý, sẽ không bao giờ Thầy chịu bỏ sư cụ và Nhất Tâm mà ra đi. Nhưng không đi thì chết cả. Dầu Đạo hay Đời cũng phải nương theo thời mà tồn tại.

Thầy đột ngột hỏi:

-Con học sử, nhớ chúng ta có vua Trần Nhân Tông chứ ?

-Thưa vâng. Vua Trần Nhân Tông đã hai lần cùng toàn dân đứng lên đánh đuổi quân Nguyên, giữ vững cõi bờ.

-Thế con có biết Thiền sư Hương Vân không ?

-Dạ ...không.

-Thiền sư Hương Vân chính là vua Trần Nhân Tông đấy. Từ nhỏ Ngài đã trốn khỏi hoàng thành để đi tu nhưng phụ hoàng sai quân triệu về, rồi sau đó, lên ngôi. Trong thời gian trị vì, quân Nguyên hai lần tràn sang muốn thôn tính nước ta. Ngài đã thân chinh đánh giặc, bảo vệ đất nước, con dân. Khi nước nhà đã yên, trăm họ đã no ấm, Ngài bèn truyền ngôi cho Thái tử, khoác áo cà-sa, một mình chống gậy trúc lên núi Yên Tử, lập am Ngọa Vân, tu đời khổ hạnh cho tới ngày nhập diệt.

Thầy lại chọt hỏi:

-Con hiểu câu “Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát” là nghĩa gì ?

-Thưa Thầy

-Người tu hành, lánh xa trần tục không có nghĩa là lánh xa cả việc cứu vớt những khổ nạn trong đời. Phật đâu có dạy chúng sinh, chờ tới đắc Đạo mới cứu khổ cứu nạn, mà ngay ở hiện hữu này đây, thấy khổ phải cứu, thấy nạn phải vớt. Nếu không, hóa ra Đạo Phật chỉ là mớ lý thuyết Kinh điển lồng vào những hình thức tụng niệm vô hồn, chẳng giúp gì cho đời sao ? Giữ giới không sát sinh đâu có nghĩa là thấy con rắn độc đang trườn tới trẻ thơ mà không ngăn. Cho nên, phải nhìn Đạo Phật bằng một nhãn quan sâu sắc và tích cực hơn mới mong giúp mình, giúp đời.

Thầy khoan thai nhấp một ngụm trà rồi nói tiếp:

-Gần đây, chắc con có biết tin một nhà báo ngoại quốc, bất ngờ xông vào chùa Giác Minh với ý định gặp được Thượng Tọa trụ trì đang bị nhà nước quản thúc tại đó ?

-Vâng, thưa Thầy, ông ta bị công an chặn lại ở bậc tam cấp, bèn ngồi ngay xuống đấy, chân xếp bằng như tọa thiền, nhất mực không chịu rời chùa nếu chưa được diện kiến Thượng Tọa trụ trì hoặc gặp giới cao cấp của nhà nước để trình bày ý muốn. Bức hình độc đáo đó, không biết ai chụp, ai gửi, mà đã xuất hiện trên báo chí khắp thế giới. Thưa Thầy, sự việc này đã đưa được một thông điệp mạnh mẽ ra ngoài, là ở Việt Nam, không có tự do tôn giáo dưới chế độ Cộng Sản như lời họ vẫn rêu rao.

Giọng Thầy bỗng khác lạ:

-Con có nghĩ rằng, một nhà báo nước ngoài, chân ướt chân ráo nơi xứ lạ có thể thực hiện được điều đó một mình không ?

Tôi sừng sốt nhìn Thầy.

Thầy mỉm cười.

Lần này, nụ cười tôi thường thấy phảng phất trên môi các tượng Phật, không còn chỉ như trên hình tượng nữa.

Nụ-Cười-Thích-Ca đang nở trên môi Người-Cứu-Khổ-Cứu-Nạn.

Và tôi đã hiểu.

Mô Phật, tôi đã hiểu việc Thầy, việc cư sĩ Nhất Tâm, việc bao Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, đang mang Cõi Tâm Hương thanh khiết mà tải Đạo, giúp đời.

Tin khí tượng loan báo cho hôm nay, bây giờ mới đúng.

Mặt trời đã ở trong mây và mưa bắt đầu rơi. Cửa sổ phòng Thầy không đóng. Gió núi đang hắt từng làn bụi nước mỏng vào chỗ tôi ngồi. Tôi ngửa cả hai bàn tay ra. Đây không phải chỉ là mưa. Đây là nước Cam Lộ đang từ nguồn Bồ Tát chảy xuống giòng đời tôi khô cằn. Những lời mẹ giảng về Đạo Pháp, tôi chưa từng quan tâm, nay hiện ra như trang Kinh mở rộng. Muốn thấy Phật, hãy nhìn chúng sinh. Nhìn cho rõ chúng sinh sẽ thấy Bồ Tát, vì Phật tánh hiển lộ nơi chúng sinh nào, vị đó sẽ hành trì hạnh nguyện Bồ Tát. Nơi nào có khổ nạn, nơi đó có Bồ Tát, nên Bồ Tát ở ngay đời này chứ chẳng phải chỉ ở quá khứ, vị lai ...

Chấp hai bàn tay ướt đầm Cam-Lộ-thủy, tôi quỳ xuống trước Thầy, lạy một lạy.

Ngày mai đây, tôi đã biết tôi phải sống cuộc đời thế nào.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Linh Linh Ngọc

ÁO SĨ PHU

Đó là mùa hè năm Ất Mão 1915.

Mọi sinh hoạt trong Điện Kiến Trung vẫn như thường nhật. Sau khi dùng điểm tâm, Hoàng-đế Duy Tân dạo quanh đầm Hậu Hồ chốc lát, nhìn đàn chim bay, ngắm hoa sen nở trước khi về thư phòng bắt đầu hai chương trình học Hán văn và Việt văn với hai ông phụ đạo Mai Khắc Đôn và Huỳnh Côn. Tuy mới mười lăm tuổi nhưng Hoàng- đế luôn nghiêm túc trong việc văn ôn võ luyện. Chỉ những giờ học tiếng Pháp với ông giáo Eberhardt hoặc Arard là lính hầu mới có dịp thỉnh thoảng thấy đôi chút cử chỉ hoặc lời nói bất thường của Ngài mà thôi. Như buổi chiều nay chẳng hạn. Khi giáo sư Arard bước vào phòng học thì thấy vua Duy-Tân ngồi yên lặng trước án thư, hai tay chống cằm và những sách tiếng Pháp vút la liệt trên nền nhà.

Không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, giáo sư nói:

-Muôn tâu Hoàng-thượng, đã đến giờ học, xin Hoàng-thượng nhặt sách lên.

Vẫn ngồi yên, vua Duy-Tân nhìn giáo sư Arard và cao giọng:

-Ta không nhặt. Ta là Vua. Chính thầy phải nhặt.

Rất trầm tĩnh, giáo sư Arard nói:

-Muôn tâu, Hoàng-thượng thừa biết rằng Hoàng-thượng là người phải nhặt. Hoàng- thượng cũng còn biết rằng, ngay bây giờ, nếu tôi bước ra khỏi phòng này, tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Cơn giông bão trong lòng vị Hoàng-đế trẻ dịu dần lại. Giáo sư Arard là một ông thầy uyên bác, điềm đạm, tận tâm mà nhà vua rất quý mến. Làm sao có thể trút sự tức giận các quan Thượng-thư của triều đình lên ông thầy khả kính này ?.

Bằng cử chỉ phục thiện, nhà vua đứng dậy, lẳng lặng nhặt hết sách rải rác khắp phòng, đặt ngay ngắn trên bàn rồi đến trước giáo sư, nhà vua nói:

-Xin thầy tha lỗi. Nào, chúng ta bắt đầu buổi học được rồi chứ ?.

Giáo sư Arard mỉm cười và rất hài lòng. Tự thâm tâm, giáo sư đã nhìn thấy người học trò vương gia này có một tư cách lãnh tụ bén nhọn. Dù tuổi còn

nhỏ, nhà vua đã biết tự chế và nhanh chóng chọn được những quyết định sáng suốt khi cần đến.

Nếu giáo sư biết được nguyên nhân sự tức giận của nhà vua chiều nay thì giáo sư sẽ còn nhìn thấy thêm một khía cạnh khác ở người học trò đặc biệt của ông. Khía cạnh này không biết sẽ làm ông buồn hay vui. Đó là sự bất mãn của nhà vua về thái độ nhu nhược của các quan Thượng-thư triều đình đối với người Pháp. Giữa điện Thái-Hoà, vua Duy-Tân đã quát lên:

-Ai cho phép các ông đào xới lăng tẩm ?.

Ông phụ đạo Huỳnh Côn vội quỳ xuống:

-Muôn tâu Hoàng-thượng Khâm sứ Mahé truyền ông De La Susse đến gặp chúng thần, nói là có người tiết lộ rằng có kho vàng chôn giấu, muốn đào thử ...

Nhà vua ngắt lời, quát lớn hơn:

-Lăng tẩm thuộc về ai ?

-Muôn tâu ...thuộc triều đình.

-Vậy sao các ông tuân lời người Pháp ?

Các quan sợ hãi, đồng quỳ xuống. Một vị cố giải thích:

-Muôn tâu Hoàng-thượng, chúng thần đã từ chối, nói rằng việc này liên quan tới tất cả các Bộ, phải có sự đồng ý và thông qua của tất cả. Ngày hôm sau, ông De La Susse đã triệu tập buổi hội và soạn thảo biên bản ...

Sự tức giận của vua Duy-Tân trở nên cay đắng:

-Hừ, thì ra mọi người đều được biết, trừ ông vua !.Không một ai lo việc thi hành mệnh lệnh của vua nhưng ai cũng răm rắp tuân hành lệnh ngoại xâm. Ta chỉ là ông vua bù nhìn thôi ư ?

Các quan vội đi mời Hoàng-Thái-hậu tới. Đang cơn tức giận, nhà vua nói luôn:

-Mẹ cũng chỉ một Hoàng-Thái-hậu hư danh mà thôi.

Các quan đưa mắt cầu cứu Thượng-thư Nguyễn Hữu Bài là người mà nhà vua rất quý mến. Thượng- thư nhìn vị thiếu quân, lòng vô cùng đau xót. Ông nói:

-Muôn tâu, Hoàng-thượng muốn chống đối người Pháp, muốn đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước ư ? Nhưng Hoàng-thượng lấy gì để đánh ?. Chúng ta không có tiền bạc, không có vũ khí, không có quân lính tinh nhuệ. Chúng ta phải chờ thời cơ.

Vua Duy-Tân nhìn mông lung qua khung cửa rồi bất thần nói:

-Đây là lúc phải xúi dân chúng nổi dậy. Sức mạnh ở trong dân chúng, của cải ở trong dân chúng, quân lính ở trong dân chúng. Nếu chúng ta biết sử dụng, đó chính là tài sản của chúng ta.

Trước những ánh mắt sợ hãi, ngơ ngác của các quan, vị vua trẻ hăm hăm bước ra khỏi phòng.

Sau đó, con thịnh nộ đã dòn xuống những quyển sách tiếng Pháp. Vậy mà, chỉ một lời nói điềm đạm của giáo sư Arard đã khiến nhà vua tự chế được cơn cuồng phong trong lòng.

Tất cả sự giận dữ, buồn bực của nhà vua không qua khỏi mắt một người trẻ tuổi. Đó chính là người tài xé Phạm-Hữu-Khánh. Anh ta là một đảng viên ưu tú của Việt-Nam- Quang-Phục-Hội đã được các nhà cách mạng Trần-Cao-Vân và Thái-Phiên thu xếp vào làm tài xế riêng cho Hoàng-đế để dò xét ý vua về tư tưởng cách mạng, đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi đất nước. Với tuổi trẻ và kiến thức rộng rãi, Phạm-Hữu-Khánh thường được vua Duy-Tân đối xử thân mật như anh em bạn, nhưng Khánh chưa bao giờ dám lạm bàn tới chuyện chính trị. Anh ta vẫn chờ đợi một thời điềm thật đúng. Thời điềm đó chính là sau giờ học tiếng Pháp này.

Khi giáo sư Arard vừa ra khỏi phòng, Khánh bước vào ngay. Anh đến gần nhà vua, nói nhỏ:

-Muôn tâu Hoàng-thượng, thần có một chuyện tối mật để khản trình.

Hoàng-đế Duy-Tân thoáng ngạc nhiên, nhưng nhanh trí, Ngài nhìn toán lính lệ rồi nói:

-Cho lui hết. Còn Phạm Hữu Khánh đi pha cho ta bình trà sen rồi mới được lui.

Khi chỉ còn hai vua tôi, Khánh đã dâng lên vua Duy-Tân lá huyết thư của nhà cách mạng lão thành Trần Cao Vân. Lá thư có những lời khẳng khái như: “Thiên khải thánh minh, hữu bài Pháp hưng binh chi chí. Địa sinh tuấn kiệt, hữu truat dân thảo tặc chi quyền “. Nghĩa là: Trời sinh Vua thông minh , sẵn có chí khí cử binh chống Pháp. Đất sinh người tài giỏi, có quyền đuổi giặc thương dân.

Đoạn thư thống trách người Pháp thì có những lời bi thiết như: “Phụ-hoàng Hoàng- đế hà tội kiến thiên ?. Dục tôn tôn lãng, hà có kiến quật ?”. Nghĩa là: Vua cha có tội gì mà đây ải ?. Lãng vua Tự-Đức, vì có gì mà sai đảo xói ?
....

Vị vua trẻ bồi hồi rơi lệ.

Phạm Hữu Khánh vội vã quỳ xuống, dâng trà. Nhưng nhà vua đã rời phòng. Chỉ vài phút sau, Ngài đã ngồi trên lưng bạch mã, hướng về cửa Thượng-tứ
....

Vào khoảng trung tuần tháng tư năm 1916, khi Hoàng-Quý-Phi từ hậu cung cánh hữu của điện Kiến Trung, đi sang lầu cánh tả để vấn an Hoàng-đế thì Bà chợt thấy bên bờ đầm Hậu Hồ, một ông lão đội nón rơm rộng, ngồi câu. Gặp vua Duy- Tân, bà hỏi:

-Muôn tâu Hoàng-thượng, sao lại có người lạ vào câu trong Hậu Hồ ?

Nhà vua chợt xúc động, hỏi lại:

-Hoàng-Phi thấy gì ?

-Muôn tâu, thần thiếp thấy một lão gia ngồi câu ...

Nhà vua cắt ngang:

-Không sao, không sao đâu. Họ nghèo, cho họ vào câu kiếm ăn mà, Quý phi đừng bận tâm, cũng ...đừng nói lại với ai nhé.

Tuy hơi ngạc nhiên về thái độ của Hoàng-đế, Hoàng-Quý-Phi cũng cúi đầu, khẽ nói:

-Xin vâng.

Khi Hoàng-Quý-Phi trở về hậu cung, ông lão câu không còn bên đầm Hậu-Hồ.

Ông đã được bí mật đưa vào nội cung, chờ gặp Hoàng-đế Duy-Tân !

Nắng đã lên cao. Mọi sinh hoạt như đang đổ dồn về Chợ Cồn.

Từ con đường đất bên bờ sông Hàn tới dọc đường xe lửa dẫn tới nhà ga, từng đoàn người quang gánh, thúng mẹt, xe thồ, chất đầy hàng hóa, rau cỏ, hoa trái...Ai cũng vội vã mau tới địa điểm họp chợ. Chợ Cồn chỉ họp mỗi tháng hai lần nên người mua kẻ bán khắp các vùng lân cận Đà Nẵng đều nao nức trông chờ.

Từ miền quê nghèo nắng cháy, một ông lão râu dài, tóc bạc gánh một gánh thuốc Nam đủ loại. Cùng đi với lão là một thanh niên khoảng hơn ba mươi, xách hai tay nải đựng nhiều chai lọ gồm các loại thuốc nước chữa bệnh thông thường ngoài da. Đó là hai thầy trò bán thuốc dạo, có mặt ở hầu hết các phiên chợ dọc theo Ngũ Hành Sơn. Không biết thuốc của họ có hiệu nghiệm lắm không nhưng ai đã dừng lại thì thế nào cũng mua ít nhiều vì ông lão mời chào những loại thuốc rất thông dụng. Nhà ai mà chả có người bị ngứa, bị ghẻ, bị nhức đầu sổ mũi, bị đau bụng đau lưng ... Ông lão bán thuốc đau bụng, lại bảo cậu thanh niên biếu thêm chai thuốc súc ghẻ. Ai mua thuốc sổ, lão lại tặng thêm lọ dầu con cọpCứ thế, người dừng lại mỗi lúc mỗi đông.

Nhưng có lẽ người ta dừng lại không phải chỉ vì được tặng thuốc mà còn vì bị thu hút bởi phong cách của lão ông. Ngoài mái tóc bạc phất phơ, chòm râu dài đạo mạo, lão còn có vầng trán cao, đôi mắt sáng mà khi nhìn ai, người đó cảm thấy như đã bị cái khí phách đạo sĩ của lão thu phục. Lão ăn mặc đơn giản lắm. Đầu đội chiếc khăn nhiễu thâm đã bạc màu, chân đi dép da trâu và chiếc quần xám thật đi đôi với tấm áo vải ta, nhuộm màu chàm. Chiếc áo tuy thô sơ nhưng rộng như loại áo choàng và được may hai lớp nên trông khá thơm mát. Dù trời lạnh hay nóng, nắng hay mưa, chiếc áo đó luôn luôn khoác bên ngoài chiếc áo cánh màu xám tro cũ kỹ. Chàng thanh niên thì đúng là hình ảnh một cậu học trò nhà quê. Cậu mặc áo the thâm, quần cháo lòng, chân đi dép mủ. Hai thầy trò, kẻ mời, người bán, trông vui vẻ, bận rộn lắm ...

Giữa đám đông dân chúng bu quanh gánh thuốc, không biết có ai để ý thấy hiện tượng lạ này không. Đó là, có những người chỉ đứng xem, không hề mua hàng nhưng vẫn được người thanh niên đến, tặng cho một gói thuốc nhỏ sau khi ghé tai, thì thầm. Có lẽ là dặn cách dùng thuốc chăng ?.

Hai thầy trò, tuy bán đắt hàng nhưng ít khi nào ở lại đến khi tan chợ . Họ thường dọn hàng sớm và đi về hướng núi Bạch Mã. Phiên chợ này cũng thế, nhưng hôm nay, trước khi dẹp hàng, ông lão tốt bụng đã tặng dân làng hết số thuốc còn lại. Bà con áy náy, móc hầu bao muốn trả lão dăm hào, nhưng lão xua tay nói: Lương y như từ mẫu.

Ánh đuốc bập bùng làm ấm hắt khu rừng hoang vu trên núi Sơn-Trà. Khu rừng được bao bọc bởi những bờ đá cao nên rất kín đáo. Ai mà muốn mạo hiểm vào đó làm chi khi những cây cổ thụ ngàn năm đã là hang ổ của bao rắn rết, thú hoang ...Vây mà đêm nay, từ khắp phía, từng bóng đen lờ mờ trong đêm ...

Họ đang đi đến điểm hẹn.

Dưới gốc đại thụ, một khoảng đất vừa được khai quang bằng phẳng, ở đó đặt một chiếc bàn gỗ đơn sơ trên có lư hương, nhang đèn. Rải rác đứng ngòai trên các mỏm đá quanh đó là những thanh niên trẻ. Họ chính là những người đã được anh bán thuốc đến gần, tặng thuốc rồi thì thầm ... Thì ra, không phải họ được căn dặn cách dùng thuốc mà là được mời tới điểm hẹn đêm nay. Tất cả đang chờ một người xuất hiện .

Và người đó đã tới kia !.

Đó là lão ông bán thuốc dạo.

Nhưng đi cùng lão ông không phải là anh học trò nhà quê nữa vì đêm nay anh ta vận quần chèn đen, áo da bò, đi ủng cao. Anh có dáng dấp của một tráng sĩ.

Chờ cho những tiếng xì xào lắng xuống, lão ông bước lên một hòn đá cao, nhìn một lượt, khắp mọi người. Trong bóng đêm, đôi mắt lão rực sáng như hai vì sao và giọng nói của lão sang sảng tưởng như có thể đốn ngã cây rừng, chém vỡ đá núi:

-Thưa toàn thể quý anh em, tôi xin tự giới thiệu, tôi là Trần-Cao-Vân ...

Những tiếng reo, vừa kinh ngạc, vừa mừng vui, lao xao tứ phía như muôn lớp sóng xô bờ : Trời, cụ Trần đó ư ? . Có phải cụ đã từng làm đạo sĩ ở chùa Cô Lâm ,huyện Đại-Sĩ ? . Rồi cụ vào Bình-Định giả làm nghề địa lý để đi lại đó đây nghe ngóng tình hình. Ôi, năm mới hơn ba mươi tuổi, cụ đã bị bắt vì âm mưu cướp chính quyền. Ấy thế mà khi được thả ra, cụ có chùn bước đâu. Hình như sau đó cụ mở lớp dạy học để truyền bá tư tưởng cách mạng nên lại bị kết án tới ba năm khổ sai ...Ôi thôi, những huyền thoại về cụ Trần được đồn đãi khắp trong dân chúng, ai mà không biết !.Cụ vào tù ra khám cả quãng đời thanh niên cũng vì quyết tâm đánh đuổi ngoại xâm. Ai cũng ngưỡng mộ cụ mà mấy người được diện kiến...

Tiếng lao xao tưởng như không thể dứt. Lão tướng Trần Cao Vân phải giơ cao hai tay, xin mọi người im lặng. Hàng trăm cặp mắt ngưỡng phục đều nhìn về lão tướng. Lão cảm động, nói tiếp:

-Vâng, lão đây chính là Trần Cao Vân mà anh em đã từng nghe đến. Nếu anh em có lòng yêu thương vì cuộc đời bôn ba của lão thì lão lại càng cảm thấy nhục nhã, ê chề vì đã phụ lòng yêu thương đó. Bởi, từ tuổi thanh xuân đến lúc bạc đầu lão vẫn chưa hoàn thành được sứ mạng. Nước vẫn mất, nhà vẫn tan, đồng bào vẫn điêu linh đói khổ. Nay tuổi già sức yếu, đành mượn nghề bán thuốc dạo để đi tìm những người còn nặng lòng với quê hương, dân tộc. Nước Pháp đang bị quân Đức uy hiếp, họ sẽ phải triệu tập lực lượng ở các nước bảo hộ về để chiến đấu cho nền độc lập của chính họ. Đây là cơ hội để chúng ta vùng lên. Sức mạnh ở trong tay tuổi trẻ. Sức mạnh chính là anh em. Chúng ta cần sự quyết tâm. Anh em có quyết tâm chiến đấu cho Tổ quốc hay không ?.

Mọi cánh tay đồng loạt giơ lên.

Trần lão tướng nhìn khắp mọi người, rồi quay sang thanh niên đứng bên, lão nói:

-Đây là tráng sĩ Thái-Phiên, người vẫn âm thầm lo kinh tài cho các cuộc khởi nghĩa, hy sinh gia đình êm ấm để xông pha hiểm nguy nay đây mai đó. Đêm nay, anh em nào cảm thấy đã sẵn sàng dán thân vào công cuộc cách mạng thì sẽ lần lượt quỳ lạy trước ban thờ Tổ quốc và rồi tráng sĩ Thái Phiên sẽ là người trực tiếp huấn luyện anh em .

Mây trôi dần vào núi. Ánh trăng vàng vạc chiếu sáng góc rừng nơi có đoàn người nối tiếp nhau, nghiêm chỉnh quỳ xuống trước bàn thờ sơ sài nhưng ngùn ngụt khí thế.

Trần lão tướng đứng lặng, tiếp nhận đồng chí. Tới người chót, lão bật khóc vì quá xúc động. Cũng giây phút ấy, lão vòng tay, kính cẩn quỳ xuống. Mọi người ngơ ngác, chưa biết phải làm gì thì lão chậm rãi cởi nút chiếc áo khoác bằng vải ta, nhuộm màu chàm mà mấy tháng nay không phút giây nào rời thân thể lão. Khi hai tay lão cầm hai cánh áo, giang rộng ra là lúc lão hô lớn: “Thánh thượng vạn tuế”.

Dưới ánh trăng vàng vạc, trong vạt áo vải thô là mặt chiếu của Hoàng-đế Duy-Tân với dấu triện son đỏ bên góc phải.

Bàng hoàng lẫn xúc động, mọi người nhất loạt quỳ xuống, hô:”Thánh thượng vạn tuế” .

Tráng sĩ Thái Phiên quỳ trước lão tướng, giơ cao ngọn đuốc rồi kính cẩn đọc chiếu:

“Hỡi các con dân Việt Nam khắp ba kỳ Bắc Trung Nam,

Đã đến giờ phút mà những người yêu nước phải có sự chọn lựa để quyết định cho tương lai của đất nước, nếu không muốn đời đời chịu tủi nhục, làm thân trâu ngựa cho ngoại xâm.Sự chọn lựa này đòi hỏi những hy sinh lớn lao và lòng can đảm phi thường. Nhưng nếu chúng ta không tự dâng hiến thì không ai có thể làm cho chúng ta được. Nếu máu chúng ta có đổ cũng chẳng là uổng phí vì máu thấm đất màu sẽ làm lúa trở bông. Nếu xương chúng ta có tan, xương tráng sĩ cũng cùng núi, tro gan tuế nguyệt. Mang cái chết đời này để tìm cái sống xứng đáng cho đời sau là điều Tô Tiên chúng ta đã tiếp nối hy sinh suốt chiều dài lịch sử. Nay, nhân danh Hoàng- đế của dân tộc Việt Nam kiên cường bất khuất, ta sẽ rời cung điện, mặc áo vải, đi chân đất, ra khỏi hoàng thành, đứng cùng hàng ngũ cách mạng với toàn dân để tranh đấu, giành lại độc lập cho xứ sở. Trong khi chờ đến thời điểm thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa, ta gửi hai sứ giả Trần Cao Vân và Thái Phiên, mang mặt chiếu này đến con dân khắp nơi làm bằng chứng cho quyết tâm đòi lại tự do.

Hồn thiêng Tiên liệt sẽ phò trợ chúng ta”

Tráng sĩ Thái Phiên dứt lời, mọi người nhất loạt dập đầu, lạy ba lạy.

Cây rừng như rung chuyển giữa muôn lòng thổn thức . Những ánh đuốc tắt dần đi. Bóng đêm bao phủ khu rừng. Đêm tối đen như mực, không ai còn trông thấy gì ngoài chiếc áo vải ta nhuộm màu chàm khoác trên mình lão

tướng. Họ trông thấy, không bằng mắt mà bằng trái tim của những người Việt Nam yêu nước.

Trong đêm tối,

Họ đã quyết đi tìm ánh sáng.

Linh Linh Ngọc

---o0o---

PHẬT KHAI TÂM

Công chúa Bạch-Tuyết từ từ mở mắt. Muôn hoa trong rừng nở rộ, chim chóc chuyền cành, đưa tin cho hươu, nai, sóc Chúng cũng chạy nhanh đến gọi bác Cọp còn ngủ gà ngủ gật, chú Gấu đang thơ thẩn bên suối hay cô Rùa chậm chạp bò trên lối mòn....Trong phút giây, khu rừng rộn lên như ngày hội vì công chúa Bạch Tuyết đã thức dậy. Chim muông, hoa lá cùng với Bầy Chú Lùn nhảy múa, reo mừng. Vị Hoàng tử khôi ngô đưa tay, đỡ Công chúa lên ngựa. Anh Bạch Mã nhip vó, tạo nên một bản nhạc vui tươi. Tất cả cùng hộ tống Hoàng-tử và Công-chúa đi về hướng mặt trời...

Cô bé Đà-Giang chúm chím cười. Cô đã coi phim hoạt họa Bạch Tuyết Bầy Chú Lùn nhiều lần mà lần nào cũng sợ rúm người lại khi bà phù thủy đưa trái táo tẩm thuốc độc cho công chúa. Tuy đưa hai tay lên ôm mặt, nhưng vì mắt chỉ khép hờ nên qua những kẽ tay, cô vẫn thấy công chúa vui vẻ cắn trái táo rồi ngã ra bất tỉnh. Ngay khi đó, bà già nghèo khổ bán táo hiện nguyên hình là mẹ phù thủy độc ác.

Cô bé thường mong cho thật mau tới đoạn kết vui vẻ như vừa rồi ...

Đà Giang vươn vai, định đứng lên, nhưng nghe tiếng mẹ còn tụng Kinh ở phòng bên vọng sang, cô lại ngồi xuống, nhân nha ăn miếng bánh, mắt lơ đãng nhìn lên TV.

Tấm màn sân khấu có hình chú chuột Mickey, vừa đóng lại. Chương trình đổi qua giờ tin tức. Người lớn thường nói những tin cô bé chẳng hiểu là chuyện gì. Cô vừa định bấm qua đài khác thì trên màn ảnh hiện ra những con chó, con mèo và tiếng người xướng ngôn viên: “ Shelter Norwalk sẽ đóng cửa cuối tháng này. Hàng trăm chó mèo sẽ được chích thuốc nếu

không có người đến nhận nuôi. Xin quý vị hãy đến thăm Shelter và cho những con vật dễ thương này một nơi trú ngụ “

Cô bé cảm thấy đau nhói nơi trái tim khi nhìn vào đôi mắt những con chó. Trên màn ảnh đã qua tin tức khác mà những đôi mắt đáng thương như vẫn còn đó. Tiếng mẹ tụng Kinh vọng từ phòng bên “..Nguyện sanh cõi Phật A Di Đà. Chín phẩm sen vàng làm mẹ cha. Hoa nở thấy Phật chứng vô sanh. Bạn cùng Bồ Tát không thôi chuyễn ...”

Nghe đoạn Kinh đó, cô bé biết mẹ sắp tụng xong, bèn đứng chờ ngay cửa.

-Mẹ, con không thích cái áo đầm nhung xanh nữa !.

Người mẹ mỉm cười:

-Con lại đổi ý nữa hả ? Nhưng không sao, còn một tuần nữa mới tới sinh nhật con mà. Con không thích áo xanh thì áo đỏ nhé !

-Con không thích áo. Con muốn quà sinh nhật là một con chó.

-Hả ? Một con chó ?

-Con chỉ muốn một con chó.

-Con đâu có biết lo cho con chó. Muốn nuôi con chó, con phải biết tắm cho nó, phải bắt bọ chét cho nó, phải đi mua thức ăn cho nó. Khi nó bệnh, còn phải đưa đi bác sĩ nữa.

-Cũng như mẹ có em bé vậy, phải không ? Mẹ nói, mẹ sẽ có em bé để con có little brother, mà lâu quá rồi, chưa thấy em bé, con chẳng có friend nào để chơi cả.

Người mẹ cũng biết, con gái nhỏ của bà không có bạn. Nhưng, mua một con chó thì bà chưa nghĩ tới. Ừ nhỉ, một con chó cho Đà-Giang làm bạn cũng là điều hay lắm chứ. Những loại chó như Chihuahua, Shih Tzu, Westie ...đều bé tí, chăm sóc chúng chắc cũng không mấy khó khăn.

Nghĩ thế, người mẹ vui vẻ:

-Được rồi, ngày mai hai mẹ con mình sẽ đi ra Pet shop, mua một con chó nhỏ cho con nhé !

-Mình sẽ không mua chó ở Pet shop. Mẹ ơi, mình sẽ tới Shelter Norwalk mang một con chó về, hay là thêm một con mèo ... hay là hai, ba con chó với lại hai, ba con mèo cũng được.

-Con nói gì thế ? Sao con biết Shelter Norwalk ?

Cô bé nói với mẹ về bản tin cô vừa nghe được trên TV. Người mẹ ngạc nhiên. Bà không ngờ rằng cô con gái nhỏ của bà lại chú ý đến tin tức, dù là tin tức về những con chó con mèo. Chẳng những chú ý, cô bé còn hiểu nội dung và muốn hưởng ứng lời kêu gọi.

Người mẹ trân trối nhìn con mình. Bà bỗng thấy cô như lớn bỗng lên. Bất giác, bà ứa nước mắt, ôm chặt con vào lòng. Thấy vậy, cô bé sợ hãi. Chắc tại cô đòi nhiều chó mèo quá, mẹ không nuôi nổi, mẹ buồn, mẹ khóc chẳng?... Hối hận, cô bé khẽ nói:

-Mẹ à, mình sẽ chỉ mang về một con chó thôi, không có mang nhiều đâu. Để cho người khác tới lấy nữa chứ !

Người mẹ thực sự xúc động. Bà thổn thức, ôm con chặt hơn.....

Sự xúc động của người mẹ không chỉ dừng ở đấy.

Khi hai mẹ con tới Shelter thì cũng đã lác đác có vài người, vì nghe được bản tin hôm qua. Mọi người được tự do qua lại, tìm con thú nào mình muốn rồi nhân viên sẽ làm giấy tờ và mang ra giúp.

Đà-Giang nắm lấy tay mẹ, đi hết dãy này sang dãy khác, nhìn ngắm những con chó sủa inh ỏi sau khung lưới. Sự chọn lựa này khó khăn quá. Cô bé thấy chọn món đồ chơi dễ hơn, dù cô có thích nhiều món một lúc.

Bỗng, cô chú ý tới con chó nâu sậm, hai vành tai to phủ xuống tới ngang cổ. Con chó bước chậm, thỉnh thoảng đụng vào thành lưới, nó giật mình, đi ngay lại. Nhưng chỉ được một lúc, nó lại nghiêng nghiêng, lại đụng vào thành, lại giật mình. Cô bé kéo mẹ lại:

-Mẹ coi kìa, con chó nâu nó đi kỳ lắm !

Quan sát một lát, người mẹ biết đó là một con chó mù. Vì không thấy đường nên nó mới đi chậm và cứ đụng bờ thành hoài. Bà nói với con gái như thế.

-Con muốn con chó mù này.

Người mẹ buột miệng kêu lên:

-Nó không thấy đường, làm sao chăm sóc nó nổi hả con ?

-Vì nó mù, chắc không ai muốn xin. Những con chó khác khỏe mạnh, đẹp đẽ, thế nào cũng có người muốn. Mình cứu con chó này nghe mẹ ?

Cũng như hôm qua, người mẹ kinh ngạc nhìn con. Bất giác, bà nhớ tới một đoạn trong Kinh Pháp Hoa, khi Đức Phật thuyết giảng rằng, mọi chúng sinh đều có Phật tánh như nhau. Hiện lộ được Phật tánh của mình lúc nào thì ngay lúc đó, mình vượt thoát khỏi luân hồi vô minh phiền não. Và để dẫn chứng điều đó, là chuyện kể về cô bé Long Nữ tám tuổi, tháo chuỗi ngọc, cúng dường Đức Phật. Ngay sau đó, cô được thọ ký, đạt quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lập tức thuyết giảng Pháp mầu thâm sâu vi diệu ...

Kể từ khi cha của Đà-Giang qua đời lúc bé mới ba tuổi, không tới nào bà không tụng Kinh niệm Phật, luôn tâm nguyện làm lành tránh ác. Vậy mà, suốt đêm qua, bà đã băn khoăn tự hỏi, nếu chính bà ngồi nghe tin tức, liệu bà có phát tâm nghĩ đến việc đón một con chó đáng thương về nhà ?, hay là nghe xong tin đó, bà lại quên ngay ở những bản tin sau ?

Còn cô bé năm tuổi này, nghe được việc thiện là tự phát tâm Bồ Đề, dù chưa từng tụng Kinh gõ mõ, học giáo lý uyên thâm hay đọc sách Thánh hiền dạy làm lành tránh ác. Tâm Bồ Đề hiện lộ tự nhiên, như mặt trời lên thì chan hòa ánh nắng, trăng ló dạng thì vằng vặc không gian, không cần phải suy tính đấng đo gi. Vậy thì, tâm sáng tự nhiên này là gì ? Phải chăng là Tâm Phật, là điều mà Đức Phật thường xác định là mỗi chúng sinh đều có sẵn Phật tánh như nhau ?

Đúng rồi, bà tụng hằng đêm mà không thấu triệt, lời quán tưởng rõ ràng như thế này đây : “Phật và chúng sinh đồng một tánh thể, sáng suốt thanh tịnh như nhau nên sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Con đối diện Phật, thấy con và Phật không hai, liền thấy mười phương chư Phật cùng trong tâm thể con. Mỗi niệm giác tâm, vừa cúi đầu lạy, thấy thực bản tâm, tức tâm là Phật “.

Con chó mù được đặt tên là Tản-Viên.

Đà-Giang thường được mẹ dỗ dành rằng, nếu có em bé thì em sẽ tên là Tản-Viên. Đó là tên sông núi, quê hương của cha mẹ, miền núi Tản sông Đà thuộc Bắc Việt-Nam. Đà-Giang đã nói với mẹ:

-Chờ em bé lâu quá, thôi, cho con chó làm little brother Tản-Viên. Khi nào em bé tới thì đổi tên khác cho con chó cũng được.

Tội nghiệp, cô bé đâu biết rằng cô sẽ không bao giờ có little brother nữa cả !

Con Tản-Viên thuộc giống Dachshund, một loại chó thông minh và trung thành. Nó tuy mù nhưng rất thính tai. Một tiếng động, một bước chân lạ tới gần bờ tường là nó sủa ngay. Nhưng nếu cô chủ nhỏ lên tiếng: “Tản Viên, OK”, là nó ngoan ngoãn im ngay. Chắc nó biết, cô chủ đã nói thế vì tiếng động ngoài bờ tường không phải là sự nguy hiểm.

Nó được bà chủ mua cho một cái nhà gỗ, để ở góc sân. Góc sân đó có cửa sổ phòng cô chủ nhỏ. Buổi tối, cô bé hay mở cửa, nói chuyện với nó. Hễ nghe tiếng cửa mở, nó chui ra ngay và ngóch mõm về hướng cô chủ, đuôi ve vẩy, mừng rỡ.

Cô chủ nói với nó đủ mọi chuyện, chuyện ở nhà, sao mẹ cứ bắt ăn thêm cơm dù cô đã no rồi ; chuyện ở trường, giờ reading, cô giáo khen, cho mười điểm nhưng đến giờ vẽ, quả apple của cô được có bảy điểm, thua quả pumkin của Helen những hai điểm. Có lẽ tại quả pumkin lớn hơn nên cô giáo cho nhiều điểm hơn chăng ?

Nghe thế, con Tản-Viên lúc lắc cái đầu, sủa inh ỏi, phản đối.

-Không phải hả ? Thế thì tại sao ?

Tản Viên vẫn ngược lên cô chủ, ngoáy đuôi tíu tíu.

-À, Tản Viên không muốn Đà Giang buồn vì chuyện đó nữa hả. Nhưng lần sau, Đà Giang vẽ cái gì để được nhiều điểm ?

Ánh trăng tỏa sáng khung cửa sổ màu xanh, ở đó, tình yêu giữa người và vật cũng đậm thắm, chan hòa như trăng.

Con Tản Viên chạy qua chạy lại như khiêu vũ cho cô chủ xem. Bóng nó loang loáng dưới trăng, đầy vẻ linh động, vui mừng. Nó biết rằng thế nào cô chủ nhỏ cũng lên ra chơi với nó một tí, trước khi đi ngủ. Nó nghe ngóng, rồi

chờ đợi bàn tay bé xíu, dịu dàng xoa lên đầu, lên tai, lên cổ, lên lưng nó. Nó không thể hiểu tại sao nó bỗng được thương yêu, được sung sướng như thế. Nó cũng không biết phải làm thế nào để đáp lại, ngoài việc nghe lời và cố nhớ đường đi trong vườn mà cô chủ thường dẫn nó từng bước, căn dặn nhiều lần để tránh đạp lên dây hoa hay luống rau của bà chủ.

Bây giờ thì nó đã thuộc đường lắm. Nó có thể chạy khắp nơi trong vườn sau mà không hề dẫm đạp lên hoa trái. Hôm cô chủ khoe với bà chủ như thế và bảo nó biểu diễn, nó tuân lời ngay. Sau một vòng sân phải chạy zíc zắc, bà chủ ngạc nhiên, khen nó giỏi quá, và cô chủ thì vui mừng, vỗ tay độp độp. Hôm đó, nó được bà chủ thưởng cho hai miếng xúc xích.

Cũng vì con Tản Viên biết ý tứ như vậy nên cô bé Đà-Giang đã xin với mẹ, cho nó được cùng đi cắm trại ở ven biển Ocean Side. Buổi cắm trại này là do sở của mẹ tổ chức. Năm nay hăng được lời nhiều hơn dự trù nên ban giám đốc, ngoài việc tặng bonus, còn đãi thọ buổi cắm trại để gia đình nhân viên có dịp biết nhau. Họ cũng chấp nhận, mỗi gia đình có thể mang theo một con chó hoặc mèo, vì thông cảm nhiều người không nhờ được ai tới cho chó mèo ăn khi họ vắng nhà hai ngày cắm trại.

Con Tản Viên được du ngoạn, nhờ cô chủ nhỏ hứa với bà chủ là sẽ luôn luôn chú ý tới nó, không để nó làm phiền mọi người. Cô chủ không biết rằng, chính nó cũng tự hứa với nó như thế. Dù mắt không nhìn thấy nhưng với mũi và tai rất thính, nó có thể biết khá chính xác là cô chủ và bà chủ của nó đang làm gì, ở đâu, nếu hai người đó không quá xa nó. Điều đó nó không sợ, vì không bao giờ cô chủ chạy chơi đâu mà không gọi nó. Mà dù cô có không gọi, nó chỉ cần ghéch mũi lên, hít hít, nghe ngóng, là biết ngay cô chủ đang ở hướng nào.

Thời tiết thật đẹp cho ngày đầu cắm trại. Bốn xe bus lớn chở mọi người tới ven biển Ocean Side. Lều trại được dựng lên rải rác và những lò nướng thịt cũng được làm việc tức thì để soạn những bữa ăn thơm phức, ngon lành. Không ai là không thoải mái vui chơi, ăn uống, bơi lội, ca hát

Buổi trưa ngày thứ hai, tuy không lạnh nhưng bỗng có gió. Nhưng có sao !. Gió một chút mà nắng vẫn lên thì tắm biển vẫn vui như thường.

Mọi người luân phiên nhau phụ trách nấu nướng. Lúc đó, lều của mẹ, gồm ba gia đình, lo việc nướng gà. Mẹ bảo:

-Đi, Đà-Giang !

-Đi đâu hả mẹ ?

-Tối phiên lều mình lo nướng thịt. Mình ra lò nướng sau dãy nhà kia.

-Lò nướng nhiều khói làm cay mắt lắm. Con ngồi bãi cát này chơi với Tản Viên.

Người mẹ nhìn quanh. Bãi biển lúc này cũng còn người tắm và đám trẻ con cũng đang thờ thần nhật vò sò vò ốc, Đà-Giang chơi ở đây chắc tốt hơn là gửi khói. Nghĩ thế, người mẹ dặn:

-Được rồi, con ở đây thôi, không được đi xa nhé !

Con Tản Viên ghéch về phía bà chủ, ve vẩy đuôi.

Đợi mẹ khuất sau lùm cây, cô bé đứng lên. Cô cũng muốn đi nhặt vò sò vò ốc như những cô bé, cậu bé kia. Cô cũng chỉ đi quanh bãi cát này thôi, mẹ đâu có cấm nhỉ? Nghĩ thế, cô bé túm chéo áo thành cái túi, rồi bắt đầu chăm chú nhìn xuống cát.

Ồ, thật là nhiều vò sò đẹp quá ! Con Tản Viên lấy chân bới bới cát, giúp cô chủ thấy nhiều vò đẹp mà các cô bé, cậu bé khác không bới được.

Đà-Giang say mê với trò chơi. Cô bé bước xuống nước lúc nào không hay ! Hình như gió nhiều hơn nhưng cô nào có quan tâm, vì mỗi đợt sóng dạt ra, để lại bãi cát nhiều vò sò hơn bãi trên kia.... Cứ thế, cô bé và con chó mù tiến xa hơnCho tới lúc, một đợt sóng lớn hất cô ra mặt biển Đợt sóng tới mạnh quá, nhanh quá, cô không kịp gọi Tản Viên

Và những đợt sóng tiếp....những đợt sóng tiếp

Có tiếng người kêu lên:

-Help ! Help !

Lại có người la to:

-Hình như có một đứa bé đang trôi ra biển !

Nhưng không ai dám bơi ra cứu. Có lẽ gió lớn quá, họ sợ nguy hiểm chẳng ???

Đứng trên bãi, mọi người tiếp tục kêu cứu !.....

Và kìa, không thấy người ra cứu người, nhưng bỗng, ai cũng sững sốt. Rồi tiếng la, tiếng hét vang dội khắp bãi:

-Con chó ! Một con chó đang bơi ra hướng cô bé ! ...

-Nó bơi nhanh quá !

-Nó sắp tới ! Nó sắp tới rồi !...

-Kìa, trời ơi, con chó đang cõng cô bé ! Ôi, nó đuổi sức rồi ! nhưng nó vẫn cõng cô bé trên lưng.

-Có ai ra tiếp sức nó không ???...

Nước chở thuyền đi, nhưng cũng chính nước chìm thuyền xuống !.

Gió lớn đẩy cô bé ra biển, rồi cũng chính gió lớn vừa dạt cô bé vào bờ !.

Mọi người ào tới.

Người mẹ cũng vừa chạy ra, ngã nhào trên cát, úp mặt vào thân thể bất động, lạnh ngắt của con. Một người đẩy nhẹ bà ra, vội vã cúi xuống làm hô hấp nhân tạo cho cô bé.

Một phút.....hai phút....ba phút.....

Cô bé vẫn im lìm ...

Người đó tiếp tục làmĐã có tiếng khóc của đám người xung quanh

Người đó cúi xuống một lần nữa thì cô bé ho lên....rồi sặc sụa ...

Nghe tiếng ho, người mẹ gần bất tỉnh, cảm thấy như chính bà mới là người vừa sống lại. Ôm chặt lấy con, bà lịm đi trong câu niệm Phật.....

Xôn xao quanh bà, người ta đang nói về tai nạn vừa qua. Bà nghe loáng thoáng: “....Gió lớnsóng đánh cô bé ra xa....con chó bơi ra cứu”.

Bà choàng tỉnh, kêu lên:

-Con chó ! Con chó ! Con Tản Viên đâu ?

Bấy giờ mọi người mới nhìn quanh. Mấy phút trước đây, họ đều bận rộn với cô bé. Không một ai nhớ tới con chó đã bơi ra cứu chủ !!!

Trên bãi cát mịn, con Tản Viên nằm bình an, hai vành tai nó phủ xuống cổ, đôi mắt mù nhắm lại....

Người mẹ buông cô bé, lết tới con chó, ôm nó thật triu mến và nấc lên, khóc thảm thiết.

Cô bé mở mắt, muốn đến gần mẹ, nhưng còn mệt quá. Cô lặng lẽ nhìn mẹ, không biết tại sao mẹ lại khóc như thế. Cô cũng không thấy con Tản Viên trong tay mẹ mà lại như thấy nó đang chạy nhảy vui vẻ trong vườn. Nó đang khiêu vũ cho cô xem và chờ cô tới vuốt ve nó. Mà lạ quá, hôm nay Tản Viên biết tụng kinh nữa. Chắc nó hay nghe mẹ tụng Bát Nhã nên nó vừa đọc câu chú thế này:

Qua rồi !
Qua bên kia rồi,
Cùng qua bên kia rồi,
Vui thay ! Sự tỉnh thức.

---o0o---

THANH THẢN DONG CHƠI

Nắng không gắt lắm nhưng gió rất khô và mây rất xanh. Mùa hè ở Cali thường bắt đầu như thế. Nắng ấy, gió ấy và mây ấy làm rộn rã lòng người, khiến ta như không đứng ngồi đâu lâu được, vì như có cái gì chờ đợi ở đâu đó !

Tờ lịch vừa bóc, rơi trên bàn. Con số và hàng chữ, 29 tháng sáu, lại gọn lên trong lòng tôi niềm tưởng nhớ nao nao.

Chỉ mới hai năm qua thôi, sao tôi có cảm tưởng như mình đã già thêm đến hai mươi tuổi. Hai năm trước, dù tóc đã điểm sương, tôi vẫn còn hăng hái cấp sách trở lại trường, học thêm một số ngoại ngữ. Tôi chăm chỉ đến mức thầy, cô nào cũng nhận ra rằng suốt 5 khóa học, tôi không hề bỏ một giờ nào, ở bất cứ lớp nào.

Bây giờ, tôi cũng đang chăm chỉ, nhưng là chăm chỉ đến chùa để mong học có một chữ NH N mà học mãi chưa xong. Với tôi, tôi tự nhủ nên học Pháp Nhãn cho thuần rồi hãy mon men tới những Pháp lớn khác như Từ Bi Hỷ Xả, vì nếu tôi chưa thể nhẫn nại trước việc khó, chưa thể nhẫn nhịn khi bị khích bác, chưa thể nhẫn nhục khi bị chê bai thì con đường đạt tới Tứ Vô Lượng Tâm còn xa lắm !

Trong lớp thiền đang theo học, tôi tự biết mình là thiền sinh tẻ nhất, vì những giờ tọa thiền, tuy tôi có thể ngồi rất yên trong thế kiết già nhưng tâm thì không yên được như thân. Vọng tưởng cứ khởi lên từng quãng. Nhớ bài học, chỉ nhận diện chúng, biết vọng đang khởi mà thôi, đừng để nó bám vào lăng kính phân biệt mà nảy sinh nhiều vọng khác, cũng đừng vận dụng trí huệ mà xua đuổi nó. Vọng không nơi dựa, vọng sẽ tự buông và ta lại trở về với chân tâm tĩnh lặng.

Tôi cũng được nghe giáo-thọ-sur giảng về lẽ vô thường vô ngã. Lý, thì hiểu bản chất muôn loài không thật, mà tình, thì đôi lúc vẫn vương mang. Tình ở đây là cảm thọ, nói chung. Nếu ta có thể quán chiếu sâu sắc trong chánh niệm để thấy được những đối tượng của cảm thọ là không thật thì cảm thọ sẽ tự tan đi. Biết thế, nhưng thực hành mới khó, vì vọng tưởng vô minh đã được huân tập lâu đời, chất đầy thành những cuộn phim bất tận, lúc nào cũng sẵn sàng chiếu lại....

Như buổi chiều nay, một tờ lịch rơi đủ gọi bao nhớ tưởng. Còn nhớ tưởng là còn kẹt trong ái dục, dù đối tượng nhớ tưởng là ai, là gì.

Mỗi khi thất bại vì dễ dãi, để mình trôi theo vô minh, nhìn vô thường là thường, vô ngã là ngã, thì tôi lại nhớ về một trang sách, viết về thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế. Đó là khi Đức Phật nhận tin Đại Đức Xá-Lợi-Phất viên tịch. Đại Đức Xá-Lợi-Phất là vị đệ tử lớn, đã theo Phật hơn bốn mươi năm và rất được Phật thương yêu, tin tưởng. Vậy mà, khi Đại Đức viên tịch, không được có Phật ở bên ! Khi chú tiểu Cunda, thị gia của Đại Đức, trình lên Phật áo cà-sa, bình bát và xá lợi của thầy mình thì Đức Phật đã ngồi yên lặng thật lâu

Tôi từng ao ước vô vàn, nếu được biết phút giây yên lặng đó, Đức Phật đã nghĩ gì, nhớ gì về người đại đệ tử thân yêu ? Phải nghĩ thế nào, nhớ thế nào, để trong sự vượt thoát của ràng buộc nhớ tưởng, ta vẫn không vô tình gõ đá !

Chiều nay, ngồi dưới gốc bưởi, vườn sau, tôi đang để lòng tôi như giòng sông. Sông sẽ trôi về nơi nước thuận tới. Và giòng-sông-tôi đang trôi về mùa

hè ở Paris, mùa hè cuối cùng chúng tôi còn có giáo sư Roland Bellugue, vị giáo sư khả kính dạy lớp Pháp văn ...

Ngày này, hai năm trước, giáo sư Bellugue dẫn 42 học sinh của ông qua Pháp một tháng, trong chương trình trao đổi sinh viên các quốc gia trên thế giới, qui tụ về Paris trong mùa hè. Tôi là một, trong số sinh viên đó.

Theo quy chế của ban tổ chức, các giáo sư hướng dẫn đều có chung cư khang trang ngoài phố, nhưng thầy Bellugue đã tình nguyện ở trong học xá với chúng tôi.

Ngay khi tới Paris, chúng tôi phải qua một cuộc thi trắc nghiệm trình độ, và sau đó, được phân tán mỏng, nhập vào sinh viên khắp nơi. Hai ngày sau, khóa học tại đại học Sorbonne bắt đầu với những giáo sư ở Pháp. Người hướng dẫn nhóm nào, chỉ còn là cố vấn của nhóm đó mà thôi. Đó chính là lý do giáo sư Bellugue muốn ở trong học xá để sẵn sàng giúp đỡ khi chúng tôi cần đến.

Giáo sư thanh toán mọi công việc cá nhân vào buổi sáng, khi chúng tôi đi học. Sau giờ ăn trưa, cửa phòng ông mở rộng đến nửa đêm, nếu còn học trò cấp sách đến hỏi bài. Với giáo sư các nhóm khác thì khi tới Paris họ chỉ còn nhiệm vụ cùng du ngoạn với sinh viên theo những lịch trình vạch sẵn thôi. Thắc mắc bài vở là việc của các giáo sư ở Sorbonne.

Vậy mà giáo sư Bellugue đã bỏ quá nhiều thì giờ cho chúng tôi. Một tháng ở Paris ông đã dạy nhiều hơn số giờ thường dạy tại Cerritos College ở Mỹ. Trong những buổi sinh hoạt chung, chúng tôi thấy ông thường húng hắng ho. Ông bảo, trước khi đi đã gặp bác sỹ để lấy thuốc ho, sẽ phải chụp hình phổi, làm một vài thí nghiệm này nọ, nhưng vì ngày đi gần kề, ông hẹn ở Pháp về sẽ xúc tiến. Ông còn nói, bác sỹ nào cũng muốn làm đủ thủ tục thôi, chứ ho lai rai mà có gì quan trọng.

Ngờ đâu, ngày trở lại Mỹ, chỉ qua một tấm hình quang tuyến, ông được cho biết bị ung thư phổi. Khóa học mới, bắt đầu 14 tháng tám, thầy trò chưa kịp khoe nhau những tấm hình chụp trong chuyến đi thì ông báo tin buồn.

Đó là lần chót, đám học trò thấy ông.

Ông không đến trường nữa !

Ban giám đốc trấn an là ông chỉ nghỉ ít lâu để tĩnh dưỡng. Lớp Pháp-văn bắt đầu với giáo sư mới, nhưng cứ mỗi buổi lại dăm ba học trò bỏ lớp. Chỉ đến buổi thứ tư thì nhà trường phải hủy bỏ, vì không còn ai vào lớp nữa !. Hộp thư của giáo sư Bellugue không ngày nào là không có những tấm thiệp chúc ông mau khỏe lại.

Nhưng bao nhiêu tấm lòng yêu thương của học trò cũng không thắng được con bệnh vô hình.

Ngày 26 tháng 12 năm 2000, ông vĩnh viễn ra đi.

Ông đã bỏ dở những cuốn sách đầy tâm huyết mà ông đang cặm cụi soạn cho học trò. Ông đi nhanh quá, nhẹ quá, nên học trò của ông đều cảm thấy như ông vẫn quanh đây. Và mỗi dấu mốc thời gian, mỗi câu chuyện nào gợi lại, đều làm cho đám học trò của ông thổn thức

Tôi cũng không tránh khỏi điều đó, khi lại nhớ về tháng hè cuối cùng với giáo sư.

Đó là mùa hè năm 2000.

Từ cuối tháng sáu, hơn 5000 sinh viên khắp nơi, lục tục đổ về kinh đô ánh sáng và ở rải rác khắp các ký túc xá tại Paris. Nhóm tôi gồm 42 sinh viên, may mắn được ở ngay tại Cité Universitaire, trung tâm điểm gồm nhiều ký túc xá nhỏ, mang biểu tượng và kiến trúc đặc thù của các quốc gia trên thế giới.

Trạm métro ngay bên kia đường, tha hồ màđi lạc !

Chuyến đi, như tinh thần của cuốn phim hài hước giả tưởng <Back to the future> do Michael J. Fox đóng. Tôi sống lại đời sống sinh viên khi tóc đã muối tiêu ! Tôi phải hòa nhập hoàn toàn với giới trẻ. Mỗi sáng leo lên hai chuyến métro tới lớp, học hai tiếng liền với ông thầy nói tiếng Tây nhưTây, chẳng cần biết đám học trò tạp chủng có nghe kịp không ! Khi ông đọc dictée, bọn học trò tưởng như đang nghe hát, mà âm nhạc là ngôn ngữ thế giới, cần chi phải hiểu ông đang hát gì !

Thế mà khi trả bài, tôi được phê <Bon travail> mới là chuyện lạ !

Hết lớp littérature, chúng tôi có nửa tiếng để đi bộ từ đại lộ Raspail, băng qua vườn Luxembourg để tới lớp phonétique ở đường St. Jacques. Một giờ,

ra khỏi lớp, lại vội vã leo lên métro về ký túc xá để ăn trưa ở cafétéria. Hôm nào giáo sư Bellugue cũng chờ chúng tôi trên bậc thềm trước nhà ăn để hỏi han xem hôm nay học thế nào ? Rồi thầy trò cùng vào ăn trưa.

Tại đây, mỗi bữa ăn rất đầy đủ thịt cá, rau cải, trái cây tươi, kem, sữaLại có cả rượu vang nữa. Vậy mà chúng tôi chỉ trả có 14F9, tương đương với 2.6 dollars. Ăn trưa xong là chỉ còn kịp thì giờ về phòng bỏ bớt sách vở ra cho đỡ nặng, rồi chạy tới điểm hẹn của nhóm mình để thầy dẫn đi phiêu lưu ký.

Những ngày trong tuần, sau buổi sáng đi học, chúng tôi thường theo thầy, thăm những danh lam thắng cảnh, lâu đài, bảo tàng viện quanh Paris.

Thôi thì, hôm nay tới tháp Eiffel, bò lên tận đỉnh nhìn xuống đường phố Paris để phục lãn mấy bác tài Tây, lái nhanh mà còn luồn lách như rồng rắn ! Mai, tới đại lộ nổi tiếng Champs-Élysées, ngắm nghía những công trình điêu khắc trên Arc de Triomphe rồi cùng thầy, leo đủ 284 bậc thang hẹp lên tận nóc đài, bấm vài tấm hình, xong, lại lạch bạch xuống. Mốt, tới nhà hát lộng lẫy Opéra Garnier xem vũ ballet. Rồi đi tàu trên sông Seine, nhìn thành phố lên đèn, tới La Sainte Chapelle nghe giàn hòa tấu Les Archets de France trình diễn nhạc cổ điểnRồi thăm Louvre, viện bảo tàng vĩ đại ở Paris mà người ta nói rằng, nếu mắt ta dừng lại một phút trên mỗi tác phẩm trưng bày ở đó thì phải mất ít nhất một năm rưỡi mới nhìn hết !!!..... Nhưng phải nói là bọn tôi gần tắt thở khi leo lên tận nóc gác chuông nhà thờ Notre Dame, nơi chàng lưng gù xấu xí Quasimodo đu dây chuông từ trên tháp cao xuống để cứu nàng kỳ nữ kiều diễm Esmeralda trong cuốn phim bất hủ <Notre Dame de Paris>.

Trước chuyến đi, chúng tôi đã được dặn dò là sẽ phải đi bộ nhiều lắm ! Nhưng thật không ngờ là đi nhiều đến thế. Mới chưa đầy hai tuần lễ, đôi giày tôi mua trước hôm đi đã vệt gót !

Những ngày cuối tuần thì chúng tôi rời Paris, đi thăm những nơi xa.

Lâu đài Vaux-Le-Vicomte là một tuyệt tác nghệ thuật kiến trúc từ thế kỷ mười bảy. Người Pháp vẫn hãnh diện gọi lâu đài này là <Le Chef-d oeuvre du XVII Siècle Français>, dù khó mà quên được câu chuyện thương tâm của chủ nhân ! Sau năm năm ròng rã, từ 1656 tới 1661, ngôi lâu đài tráng lệ mới xây xong. Chủ nhân của nó, ông Nicolas Fouquet đã mời vua Louis XIV và hoàng hậu tới dự dạ tiệc khánh thành. Toàn lâu đài mênh mông và trên tất cả

các cửa sổ đều chỉ dùng nền trắng, nên nhìn từ ngoài, lâu đài như một tinh cầu vừa hiện ra ở hạ giới !

Đêm hoa đăng đã trở thành đại họa !

Vị vua trẻ choáng ngợp trước những gì cực kỳ huy hoàng, cực kỳ tráng lệ, và khó chấp nhận, một thứ dân lại có được những gì vua còn chưa có !

Thế là, chỉ ba tuần lễ sau, tỳ phú Nicolas Fouquet bị tổng giam với những tội danh, cho đến nay vẫn còn đầy nghi vấn.

Ông đã chết trong tù, sau 19 năm bị giam giữ !

Sao ông ta có thể sống nổi 19 năm uất hờn, oan ức như thế nhỉ ? Không hiểu ông ta có biết gì về Đạo Phật không, mà giữ được lòng nhẫn chịu và an nhiên đến thế !

Chúng tôi cũng đã đi qua những ruộng nho mênh mông, nơi sản xuất rượu nho từ thế kỷ 13, để tới Loire thăm lâu đài cổ Azay-le-Rideau, viếng vườn Villandry, vườn hoa nổi tiếng đến nỗi lâu đài của nó phải mang cùng tên. Cũng chuyến đi này, trên đường đến lâu đài Ussé, chúng tôi đã thấy những cánh đồng vàng rực hoa hướng dương, bát ngát tận chân trời. Không biết người ta sẽ làm gì với đồng hoa mênh mông đó ?!

Tất cả những danh lam thắng cảnh, đền đài nguy nga mà chúng tôi đã tới, với tôi, cũng chỉ là cảnh vật. Giơ máy lên, bấm vài tấm hình làm kỷ niệm, thế thôi !

Tôi tưởng thế.

Không ngờ tôi đã để lại những xúc động mãnh liệt trong chuyến đi 3 ngày cuối tuần khi rời Paris đi Normandy và Brittany.

Hôm đó, trời đổ mưa tầm tã. Đây là một điều bất thường. Đa số chúng tôi không chuẩn bị đủ áo ấm. Tới Caen, trời ngớt mưa nhưng gió và mây xám vẫn vẫn vũ. Chúng tôi được ghé vào bảo tàng viện ở Caen, nơi trưng bày và lưu giữ những hình ảnh về cuộc đổ bộ vĩ đại của quân đội đồng minh ngày 6 tháng 6 năm 1944.

Tại đây, tôi mua nhiều postcard về ngày lịch sử đó.

Chúng tôi chỉ dừng ở Caen hai tiếng, rồi lại lên xe bus để tới viếng nghĩa trang quân đội Mỹ ở bãi biển Omaha. Bãi biển này là nơi mà hơn nửa thế kỷ trước, hàng trăm ngàn quân đội đồng minh đã được đổ xuống để chiến đấu cho Tự Do, và biết bao người đã chết dưới những họng đại bác của quân Đức ! Trong số này, hơn 9500 thanh niên Mỹ đã hy sinh dưới lá cờ của Tổ Quốc họ.

Con đường dẫn tới địa danh lịch sử đó là một ngôi làng nhỏ. Ngôi làng này, tuy vẫn chỉ khiêm nhường với những cánh đồng cỏ thả bò, cừu, những mái nhà thấp, những đền thờ rêu phong, nhưng giá trị tinh thần thì vô giá vì đây chính là linh hồn Normandy. Ngôi làng Vierville đã đi vào lịch sử thế giới cùng với bãi biển máu Omaha !

Khi xuống xe bus ở trước nghĩa trang, trời lại mưa nhẹ hạt. Mỗi lần, trước lúc di chuyển, tôi đều kiểm lại máy hình xem còn phim không. Lần này, nhìn thấy con số 26, tôi yên trí đây là cuộn phim 36 tấm.

Đứng trước tượng đài, nơi vinh danh những người đã chết cho Tự Do và 1557 người mất tích, tôi giờ máy lên, bấm một tấm. Đối diện tượng đài là một hồ lớn, trồng hoa súng đủ màu. Tôi lại bấm một tấm. Cuối hồ là nghĩa trang với 172 mẫu trái cỏ, xanh ngắt mênh mông, trên đó, 9386 cây thánh giá trắng toát khắc tên những người đã được an táng và 307 mộ bia vô danh. Nơi đây, tôi đã đứng nghiêm, giơ tay chào, và nhờ người bạn bấm cho một tấm.

Đọc theo nghĩa trang là bãi biển Omaha. Tôi cảm thấy cực kỳ rung động khi biết rằng mình đang đứng trên nền đất lịch sử thế giới.

Để cảm nhận được đầy đủ, tôi cúi xuống, tháo giày. Khi đôi chân trần vừa chạm vào nền cát lạnh thì trời bỗng nổi gió lớn. Gió lộng ào ào như cơn lốc bắt chợt từ đâu tới. Mọi người vội vã chạy rạt vào trong. Tôi nghe các bạn gọi tôi cùng chạy nhưng tôi không bước nổi ! Hình như có ai giữ tôi lại. Không những không chạy vào, tôi còn bình tĩnh nhắm mắt lại, chờ đợi. Lúc đó, tôi chỉ cảm thấy mình sẽ đứng yên, chờ đợi, mà không biết là chờ đợi cái gì !

Gió vẫn hú từng cơn. Tôi cảm thấy chao đảo, nhưng không sợ hãi. Hình như có nhiều người xung quanh đang xô đẩy nhau. Nhiều ngôn ngữ trộn lẫn trong tiếng gió. Gió càng lớn, người càng đông, ngôn ngữ càng đầyTôi một lúc, tôi nghe được tiếng thúc giục rộn rã, rất rõ ràng <Tiến lên ! Tiến lên đi ! Tự Do ở trước mặt kia ! Hãy tiến lên ! Hãy tiến lên đi !...!...!...>

Một vòng tay ôm lấy tôi.

Tôi mở choàng mắt ra.

Gió đã lặng.

Người bạn cùng nhóm vừa lắc vai tôi, vừa hỏi:

-Are you OK ?

-Yes, I am.

Nhưng không thể kìm giữ cảm xúc, tôi ôm mặt, oà khóc.

-Are you sure you OK ?

-Yes.

-Why are you crying ?

-I am really moved by their courage.

Người bạn gật gù, lẩm bầm <It is sad !>.

Tôi biết chắc rằng, cái cảm giác <sad> của cô bạn không thể nào so sánh với cơn lốc mà tôi vừa trải qua. Cảm giác sad, nhẹ nhàng quá mà cơn lốc thì mãnh liệt vô cùng. Cơn lốc đó là tim óc, là máu xương, của bất cứ ai còn biết khao khát tự do và nhân quyền, khi hai thứ đó bị tước đoạt.

Dân tộc tôi đã <đổ bộ> biết bao lần trong lịch sử, và vẫn đang phải <đổ bộ> cho Tự Do vì hai tiếng thiêng liêng đó vẫn ở ngoài tầm tay !

Có ai đã dựng nghĩa trang cho bao anh hùng liệt nữ đã <đổ bộ> trong suốt chiều dài lịch sử của quê hương tôi ? Hay là, ngay cả cái nghĩa trang khiêm nhường, giản dị ở Thủ Đức cũng bị Cộng Sản đào sới tan nát !

Trước khi rời bãi biển Omaha, tôi giờ máy, bấm một tấm. Không thấy ánh flash !. Nhìn vào máy thì hơi ơ, phim vẫn nằm ở số 26 , có nghĩa, đây là cuộn phim 24 tấm, số tăng tới 26 chỉ vì đó là 2 tấm phụ trội thông thường mà thôi !

Trời ơi, tôi đã chụp biết bao cuộn phim, sao lại có thể sơ sót đến thế ! Sao lại có thể không có một tấm hình nào ở nơi đây di tích lịch sử như thế này !!!

Rời Normandy, mọi người đều nao nức vì điểm tới là St. Malo, một thành phố cổ kính ven biển mà chúng tôi sẽ nghỉ đêm tại đó. Lấy phòng xong, ai cũng vội vã ra phố. Chỉ có tôi ngồi lại, buồn bã giờ xấp carte postal mua ở Caen. Tôi rưng rưng khi thấy trong đó có một tấm, chụp cảnh ở nghĩa trang quân đội Mỹ. Tấm postcard chia làm 4 phần, ghi lại những cảnh ở đúng bốn nơi tôi đã chụp mà máy hết phim ! Đúng bốn nơi đó, không hơn không kém. Cả những góc cạnh mà tôi đã ngắm qua ống kính, không sai lệch chi tiết nào !

Có phải đó là tín hiệu cho tôi ? Có phải những người năm xưa, trong một phút giây thiêng liêng mãnh liệt đã ở cùng tôi ? Sự trùng hợp quá lạ lùng khiến càng nhìn tấm postcard tôi càng tin như thế. Chính tấm postcard này là thông điệp thâm lặng cho tôi biết rằng, cơn lốc bắt chọt trên bãi biển Omaha và những tiếng thúc giục huyền bí không phải là ảo tưởng

Khi đi qua phòng tôi, thấy còn ánh đèn, giáo sư Bellugue đã gõ nhẹ. Tôi mở cửa, mời ông vào, đưa cho ông xem tấm postcard và nói với ông những xúc động đầy ắp trong lòng.

Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ông cho rằng tôi quá nhạy cảm mà tưởng như thế.

Nhưng tôi đã sửng sốt khi ông dịu dàng nhìn tôi, nói rằng, có thể, tôi đã vừa được <gặp> họ, vì những người năm xưa đó cũng như vạn hữu này, không có sinh cũng chẳng có diệt. Nếu nhìn cho kỹ, nhìn sâu sắc, nhìn bằng sự trong suốt của tâm linh, ta có thể thấy được sự sinh diệt, còn mất chỉ là sự chuyển hóa. Sự chuyển hóa không ngừng nên cái sinh diệt, còn mất, chỉ như những cuộc vân hà du thủ, thanh thân dong chơi, gặp đồng tâm thì giao cảm, qua sát na đó, lại nhẹ như mây, hòa vào vạn hữu. Vạn hữu là muôn thực thể không tên. Cái gì, khi đã có tên, là vì cái đó đã hội đủ cơ duyên mà thành.

Thấy tôi mở lớn mắt, kinh ngạc, giáo sư Bellugue chỉ cái ghế trong phòng, nói rõ thêm rằng, như cái ghế này đây, nó chỉ có tên là cái ghế sau khi đã hội đủ những cơ duyên từ rừng cây về tới xưởng mộc. Tại đó, nó gặp cơ duyên với người thợ mộc, với đinh, với búa, với cưa, với bào, với đủ thứ linh tinh nó mới có thể thành một cái, được đặt tên là cái ghế. Tách rời tất cả mọi thứ đó ra thì nó không còn là cái ghế nữa. Cũng nhìn như thế với rừng cây, với người thợ mộc, với cái đinh, cái búa, cái cưa, cái bào v.v.. thì khi không hội đủ cơ duyên, những gì ta tưởng là có sinh diệt, còn mất, chỉ là những phân tử dong chơi trong giòng chuyển hóa bất tận của vạn hữu.

Chính đó mới là bất diệt.

Ngày đó tôi không hiểu rõ lời giáo sư Bellugue vì tôi đã để cái lăng kính phân biệt che mờ trí tuệ. Cái lăng kính phân biệt đó, bận rộn với những ngạc nhiên và thắc mắc rằng, giáo sư là người Tây phương, sao cũng mang những tư tưởng sâu sắc về Đông phương như vậy ?

Hai năm đã trôi qua.

Nhiều khi, tôi ao ước được tâm sự với giáo sư rằng, đôi lúc tôi nhìn thấy hình bóng bà ngoại trong đóa quỳnh nở đêm qua, thấy lá cỏ bên hồ là con bướm thường hút nhụy sen mùa trước. Đó là những phút giây hiếm hoi mà cả thân, tâm, ý đều an trú trong chánh niệm. Phút giây đó, nếu tiếp xúc với thể-giới-sinh- diệt là thể-giới-tích- môn, có thể, ta sẽ <chạm> được vào thể-giới-không-sinh-không- diệt là thể- giới- bản-môn.

Ở đó, mọi hiện tượng đều vượt thoát khỏi không gian và thời gian.

Ở đó, ta thấy được sự mầu nhiệm vô cùng của vạn hữu.

Ở đó, ta nhận ra được, trong cái có đã chứa cái không, trong sinh diệt đã sẵn mầm bất diệt.

Và chiều nay, ngồi dưới gốc bưởi trong vườn, tôi vừa chợt mỉm cười với bóng mây bay qua.

Đó có thể không chỉ là bóng mây !

Đó có thể là giáo sư Bellugue.

Ông sẽ ôm tập bài soạn bìa xanh quen thuộc, bước vào lớp, vui vẻ bắt đầu buổi học bằng câu < Bonjour tout le monde >.

---o0o---

NGỘ

Lòng hiếu kỳ của dân địa phương về những tu sĩ người Á Đông đã được giải tỏa phần nào qua sự dò hỏi những gia nhân nhà triệu phú Coleman. Dù vậy, câu chuyện vẫn mang nhiều phần hoang đường đối với họ.

Đại khái, họ được biết, hơn hai mươi năm trước, cậu Steven của giòng họ Coleman được gọi đi làm nghĩa vụ công dân ở chiến trường Việt Nam. Trước đó, không mấy ai trong gia đình cậu biết đến địa danh của xứ Á Châu đó nằm ở chỗ nào trên bản đồ thế giới.

Ngày tiễn cậu đi, bà mẹ khóc ngất như ngày tử biệt. Bà không bao giờ tưởng tượng được rằng có một ngày con trai bà phải rời xa gia đình để đến một nơi chốn xa xôi, nguy hiểm như vậy. Mà bà lo lắng, bi ai cũng phải, vì nơi cậu Steven đến qua là nguy hiểm.

Cậu đồn trú trên miền cao nguyên, cách thủ đô miền Nam Việt Nam hơn ba trăm dặm. Đơn vị cậu có nhiệm vụ yểm trợ đơn vị bạn khi có giao tranh trong vùng họ trách nhiệm. Thường, những vụ đụng độ quanh vùng chỉ được

coi như lẽ tẻ. Cậu thấy chiến tranh ngoài đời, đôi khi không khốc liệt bằng trên màn ảnh.

Cho đến mùa hè năm 1972, một tháng, trước khi cậu mãn hạn nhiệm vụ, cậu mới thực sự nếm mùi máu lửa. Cuộc đột kích bất thần của địch vào ngay bản doanh đơn vị bạn đã gây một số thiệt hại đáng kể. Kho đạn dự trữ phát nổ, kịp thời chặn phe địch định dùng chiến thuật biến người tràn vào chiếm đồn. Không đạt được mục tiêu chớp nhoáng, chúng vội rút chạy theo chân núi vì biết lực lượng tiếp viện sẽ tới.

Qua vậy, đơn vị cậu chặn đường rút chạy của địch ngay bìa rừng. Và trận giao tranh ác liệt, gần như xấp lá cà, trong đêm tối, là kinh nghiệm xương máu không bao giờ cậu Steven có thể quên được. Cậu thấy bạn mình gục phía trước, thấy kẻ địch ngã phía sau, nghe bốn phía những tiếng hò hét man rợ cho tới khi cậu trúng đạn liên tiếp vào bả vai. Cậu có cảm tưởng cánh tay phải đã đứt lìa ra, trước khi cậu ngã lăn xuống một hố sâu, và ngất đi.

Khi cậu tỉnh lại, tiếng súng đã êm, khu rừng chìm trong màn đêm mịt mù. Mùi thuốc súng vẫn còn khét lẹt quanh đây, chứng tỏ cậu ngất đi không lâu lắm. Cậu gượng lết dậy, ôm bả vai bị thương, đi miệt mài. Cậu hoàn toàn mất phương hướng, chỉ đi theo linh tính. Phe địch hẳn còn trà trộn quanh đây, nếu không ra khỏi rừng trước trời sáng, e rằng khó sống.

Vết thương rỉ máu, đau đốn, cậu vẫn gượng bước. Lúc tưởng đành kiệt lực thì cậu thoáng thấy một căn nhà nhỏ, mái ngói cong.

Không còn chọn lựa, cậu liều mạng bò tới, gõ cửa, rồi quỵ ngay xuống bực thêm.

Người cứu sống cậu là vị sư trụ trì ngôi chùa nhỏ trong thôn làng hẻo lánh đó.

Nhìn tình cảnh, sư ông đã hiểu, bèn vội vã cùng hai đệ tử khiêng cậu Steven vào chùa, lo băng bó vết thương. Nhờ biết đôi chút tiếng Anh, sư ông đã trấn an cậu, khuyên nên nán lại chùa đôi ba ngày chờ tình hình lắng dịu. Sau đó, sư ông sai đệ tử tìm đơn vị cậu báo tin để họ lo phương tiện an toàn tới đón.

Mấy ngày ẩn náu trong chùa, cậu Steven đã được nghe tiếng chuông mõ và những lời tụng kinh trầm bổng. Tuy không hiểu nghĩa nhưng cậu cảm thấy tâm hồn như chấp cánh mỗi khi tiếng chuông ngân lên, tan dần vào không gian. Cậu cũng thấy lòng như mở rộng, thanh thản, bình an, khác hẳn với

cảnh khốc liệt ngoài cánh rừng kia. Đây với đó không bao xa mà như hai thế giới hoàn toàn khác biệt. Một nơi đây hận thù chết chóc, một nơi bằng bạc sự thanh thân, an nhiên. Trong một lúc xúc động, cậu đã tưởng, cậu có thể ở lại nơi này, cùng sư ông sớm chiều tụng kinh gõ mõ.

Tất nhiên, đó chỉ là ý nghĩ nhất thời.

Khi được đơn vị đến đón, cậu hết lời cảm ơn ân nhân và dốc hết tiền bạc có trong người để đền đáp. Nhưng sư ông từ chối và điềm đạm nhắc rằng, cậu đã ở đây mấy ngày, hẳn thấy người tu hành không cần tiền bạc.

Hơn hai mươi năm sau, vào lúc bất ngờ nhất, ông Steven gặp lại vị sư cứu mạng, trên đường phố quê hương mình.

Không tin lại có sự tương ngộ kỳ diệu này, nhưng ông Steven không thể làm được. Quả đúng là vị sư đã cứu mạng ông năm xưa, vì gương mặt đó, dáng dấp đó, ông không thể làm lẫn được.

Vị sư già không chú ý đến gì xung quanh. Trong bộ áo cà-sa bạc màu và bình bát trên tay, Người bước những bước chân trần thông dong, an lạc. Người đang hướng dẫn những sa-môn trẻ đi vào khu phố có người Á-Đông cư ngụ. Thỉnh thoảng họ dừng lại khi có người cung kính bỏ vào bình bát nải chuối, hộp bánh...Khi được cúng dường, họ chỉ khẽ cúi đầu tỏ ý cảm ơn rồi lại tiếp tục chậm rãi bước. Hình như họ đi chỉ để mà đi, chứ không phải đi để mà tới. Quá khứ đã qua, tương lai chưa đến, nên có lẽ, đối với họ, thời gian chỉ thực sự hiện hữu ở những bước chân hiện tại này.

Có đàn nổi bồi hồi, ông Steven chạy theo, lấp bắp:

-A Di Đà Phật ... A Di Đà Phật ...

Ông Steven đã học thuộc được câu này trong những ngày ẩn trú tại chùa, hơn hai mươi năm trước. Để nhớ ơn người cứu mạng, ông tự nguyện niệm danh hiệu đó trước khi đi ngủ. Vì thế, dù bất ngờ, ông Steven đã thốt lên danh hiệu Phật A Di Đà dễ dàng như nói tiếng mẹ đẻ.

Giọng phát âm trọ trẹ câu niệm Phật đã khiến vị sư già thoáng ngỡ ngàng. Linh tính cho Người biết không phải chỉ là lời chào bình thường của Phật tử. Người dừng lại.

Những vị sa-môn trẻ đi sau cũng dừng theo.

Ông Steven nắm lấy tay ân nhân, lại nói:”A Di Đà Phật”, rồi hỏi luôn một hơi:

-Tôi là Steven đây ! Tôi đã được ông cứu sống hơn hai mươi năm trước ở Việt-Nam, ông có nhớ không ? Ông có nhớ không ???

Vị sư gia nhìn người bạn cũ, mỉm cười an hòa ...

Bây giờ thì vị sư khó mà từ chối lòng đãi ngộ của người thọ ơn.

Ông Steven vẫn nhớ, người tu hành không cần tiền bạc. Bởi vậy, ông đâu có đền ơn bằng tiền bạc. Ông chỉ ra lệnh cho gia nhân dọn sạch căn nhà nhỏ ở cuối vườn trái cây thuộc gia trang rộng lớn của ông. Căn nhà cuối vườn đó thật yên tĩnh, biệt lập, thích hợp cho người tu hành hơn là dưới phố.

Nếu không vì lòng chân thành quá đỗi, ông Steven cũng khó mà thuyết phục được ân nhân.

Từ khi vị sư gia và các sa-môn tới trụ trì tại căn nhà cuối vườn, người ta thấy ông Steven cấp sách đến trường mỗi sáng.

Ông đi học tiếng Việt-Nam.

Ông cũng dành nhiều thì giờ trong thư viện để nghiên cứu về Đạo Phật. Càng tìm hiểu, ông càng thấy sự mâu nhiệm mênh mông về một tôn giáo mà trước đây ông không hề quan tâm đến. Sự mâu nhiệm mỗi ngày mỗi thôi thúc bởi tiếng chuông huyền diệu vọng lên từ tịnh thất cuối vườn, lúc mặt trời vừa ló dạng.

Khi ông Steven ngộ ý muốn trở thành một sa-môn, vị sư gia không tỏ vẻ ngạc nhiên gì. Người chỉ nói:

-Được, ông cứ xuống đây những giờ tu học, nhưng không cần thay đổi gì nhiều về đời sống cá nhân, cho đến khi ông thực sự hiểu đạo.

Ông Steven chuyên cần tu học, cố gắng hòa nhập với đời sống thanh thản, bình dị. Tuy chưa được thực tập khát thực nhưng ông Steven cũng hiểu rằng đi khát thực là một phần trong việc tu luyện, giữ lòng bình thản, nhẫn nhục giữa tha nhân. Ông Steven sẽ ngạc nhiên lắm nếu ông chứng kiến chút bất thường xảy ra trong buổi xuống phố khát thực của tăng đoàn vào sáng thứ bảy vừa qua.

Hình ảnh các nhà sư đi chân đất, tay ôm bình bát, mắt nhìn thẳng, bước những bước chậm rãi, đã quen thuộc với dân chúng trong tỉnh. Nhất là khi họ biết câu chuyện về sự liên hệ giữa nhà sư và gia đình triệu phú Coleman thì họ đều có cảm tình với những người tu hành có lối tu ...kỳ cục như vậy.

Khi thấy tăng đoàn khát thực, không phải chỉ người Á Đông mới cúng dường thực phẩm mà đôi khi, người địa phương cũng hoan hỉ bỏ bánh kẹo vào bình bát.

Giữa nắng tháng hai, dưới phố nhộn nhịp, không phải chỉ có các nhà sư áo vàng mà còn có một đoàn thiếu nữ áo xanh, ôm thùng đi lạc quyên. Đó là những nữ sinh trường trung học Giáo Đông. Họ đi lạc quyên để đóng góp vào buổi Đại Nhạc Hội cứu trợ trẻ tỵ nạn mồ côi trong các trại tỵ nạn Đông Nam Á, sẽ bị trả về Việt Nam.

Vị sa-môn trẻ nhất nghe các thiếu nữ áo xanh nói loáng thoáng như thế khi các cô gấn bông hồng nhỏ bằng lụa lên áo khách qua đường và đưa thùng lạc quyên lên, xin cứu trợ.

Lòng vị sa môn trẻ bỗng giao động mãnh liệt. Bước chân trần như dán chặt xuống mặt đường, và đôi mắt từ-lâu-không-nhìn-gì, giờ như bị các thiếu nữ áo xanh thôi miên.

Vị sa-môn trẻ nhất đã phạm giới !

Trên đường khát thực, các vị khát sĩ tuyệt đối không được nói lời nào, không được nhìn gì ngoài con đường thẳng trước mặt.

Các vị sa-môn đi sau bối rối trước điềm lạ đó của bạn. Một vị đánh liêu, đi sát bạn, đẩy nhẹ cánh tay vào vị sa-môn trẻ, ra dấu bước tới, hy vọng cứu vãn kịp trước khi sư phụ phát giác ra điều bất ổn.

Ngay lúc đó, một trong những thiếu nữ áo xanh nhận ra đoàn tu sĩ quen thuộc trong tỉnh. Hẳn cô là người mộ đạo. Cô trao vội thùng lạc quyên cho bạn, chạy vào tiệm bách hoá ngay đó. Khi bước ra, cô cung kính đặt phong bánh vào bình bát của vị sa- môn trẻ nhất, miệng nói: “A Di Đà Phật”.

Như trong cơn mơ, vị sa-môn đáp lời: “A Di Đà Phật”.

Vị sa-môn trẻ nhất lại vừa phạm giới nữa !

Lần này thì tai hại quá !. Sư phụ hẳn đã nghe thấy. Thay vì bước tới, Người điềm nhiên xoay người, đi ngược lại.

Sự kiện một nhà tu hành, nhìn trần trời đoàn thiếu nữ ngoài đường phố là một hình ảnh không nghiêm túc chút nào. Thay vì tiếp tục khát thực, Người phát tay ra dấu quay trở lại tịnh thất.

Thật là quá quắt lắm, chân tuy bước mà mắt vị sa-môn phạm giới như không rời đoàn thiếu nữ ...

Về tới tịnh thất, sư phụ bảo các môn đệ ngồi xếp bằng trước điện thờ. Người cũng ngồi như thế, đối diện với họ.

-Tâm Như, con giải thích cho thầy và các bạn rõ về sự phạm giới của con vừa rồi.

Sa-môn Tâm-Như cúi đầu, nét đau đớn hẳn trên gương mặt trẻ.

-Tâm-Như, có nghe thầy hỏi không ?

-Thưa thầy ...thưa thầy ...

Các sa-môn khác nhìn nhau, lo lắng cho bạn.

-Tâm-Như, con nghĩ gì, cứ nói.

-Thưa thầy, con khôngtự chủ được.

Sư phụ cao giọng:

-Không tự chủ được ? Vì điều gì ?

-Thưa thầy, vìnhững thiếu nữ áo xanh !

-Vì nữ giới ?

-Thưa thầy, không phải !

-Con vừa nói.

-Vâng, con nói thế, nhưng ...không phải thế.

-Tâm-Như, các con tự nguyện tu hành, không do ai ép buộc. Vậy, nếu tự biết không cưỡng được sự quyến rũ của dục lạc, các con có quyền trở lại đời sống phàm tục bất cứ lúc nào. Nhưng lẫn lộn giữa đạo và đời, thầy e rằng các con khó đạt thành ước nguyện.

-Thưa thầy, xin cho con cơ hội tu sửa. Theo nghiêm luật, con xin chịu hình phạt đội hương đêm nay.

-Được, con mới phạm giới lần đầu, thầy chấp nhận lời xin. Đêm nay, sau giờ thiền, con sẽ quỳ gối trước chánh điện, lưng giữ thẳng, hai tay nâng lư hương ngang đầu. Quỳ như thế cho đến giờ công phu.

Sa-môn Tâm-Như cúi đầu nhận lệnh. Các bạn đồng môn ái ngại, nhưng họ đều biết, nghiêm luật phải được thi hành với người phạm giới.

Sáng sớm hôm sau, mặt trời chưa thức, sư phụ bước ra chánh điện. Trên bàn thờ, chiếc lư hương mà Tâm-Như thọ phạt, có ba nén nhang còn cháy dở. Trong ánh sáng mờ mờ của ngày chưa rạng, Người thấy một phong thư nằm ngay ngắn dưới lư hương. Thở một hơi nhẹ, Người mở thư ra, nghiêng trang giấy dưới ánh nến và đọc:

Bạch thầy,

Con đã thọ phạt như nghiêm luật đã định. Suốt mấy tiếng đồng hồ quỳ gối trong đêm tối, con đã tìm thấy ánh sáng.

Con đã ngộ.

Bạch thầy, con đã ngộ, nếu chữ ngộ được hiểu theo nghĩa “Biết được điều mình đang tìm kiếm. Biết được điều mình phải làm”

Bạch thầy,

Bấy lâu nay theo thầy tu học, con những mong xa lìa khỏi trói buộc của nhân gian, hướng tới cõi tịnh tịch an lạc. Con những tưởng đã quên được bao thống khổ của đời này để dọn tâm thành an nhiên cho niềm vui vĩnh cửu là giải thoát khỏi luân hồi nghiệp chướng.

Nhưng bạch thầy, hôm qua, dưới phố, con đã không tự chủ được khi thấy những thiếu nữ áo xanh ôm thùng lặc quyên cứu trợ trẻ mồ côi. Con đã nhìn lại bình bát con đang ôm trên tay. Con cũng đang đi xin tha nhân nhưng chỉ xin cho riêng mình. Con xuất thế tu học cũng chỉ mong tìm giải thoát cho riêng mình. Con không quên lời thầy thường ân cần dạy dỗ “Hãy tự độ trước rồi sau mới mong độ tha”.

Thưa thầy, con hiểu rằng, vì biết rõ sự non yếu của chúng con mà thầy nhắc nhở như thế. Nhưng bạch thầy, có cơ duyên nào mà người tu hành có thể, vừa chuyên cần tu học để lo tự độ, vừa hành trì Tứ Vô Lượng Tâm để độ tha hay không ? Bởi, nếu người tu hành chỉ dốc hết định huệ, tâm lực vào việc

tu học, còn bao đau thương ngoài xã hội kia thì sao ?. Con không thể phủ nhận thực thể của xã hội mà con vẫn phải nương tựa vào - dù dưới hình thức nào - cho tới khi hồn lìa khỏi xác. Đã nương tựa vào là có nợ. Nợ chưa trả, mong gì thanh thản mà tìm an vui cõi lạc phúc ?

Lòng hổ thẹn đã khiến con đứng chết lặng giữa đường phố. Và khi người thiếu nữ tạm trao thùng lạc quyên cho bạn để chạy mua phong bánh, bỏ vào bình bát của con thì lòng con chột rưng rời tan nát vì xấu hổ.

Bạch thầy,

Xin thầy tha thứ. Đây chỉ là ý nghĩ của riêng con. Thầy vẫn dạy, mỗi người có căn duyên riêng, sẽ tự tìm thấy đường giác ngộ của mình. Con xin hứa cùng thầy, con sẽ vẫn là một sa-môn giữ giới tu hành, chỉ không nhất thiết phải quay mặt với tha nhân mà sẽ đem tâm tình nhân thế, hài hòa giữa đạo và đời, góp phần phụng sự xã hội.

Nếu phải coi sự chọn lựa này là nhập thế, thì con đã nhập thế bằng sự giác ngộ diệu kỳ của đạo pháp.

Khải bạch,
Đệ tử Tâm-Như

---o0o---
Hết